

THẬP ĐẠI ĐỆ TỬ PHẬT

TK.Thích Minh Tuệ
Sàigòn 1991- Pl 2535

---o0o---

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 6-8-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

Lời Nói Đầu

Trưởng Lão Đại Ca Diếp

Đạo Nghiệp của Đại Ca Diếp

Tiếp độ Diệu Hiền

Độ Bà Lão Nghèo

A Nan Tặng Bát

Thờ Kê Đức Phật

Kiệt Tập Kinh Điển

Đại Ca Diếp Nhập Niết Bàn

Nhận Thức và Kết Luận

Ngài Xá Lợi Phất

Xá Lợi Phất Trước Khi Theo Phật

Đạo Nghiệp Của Xá Lợi Phất Sau Khi Theo Đức Phật

Xá Lợi Phất Chỉ Đạo Xây Dựng Tinh xá Kỳ Viên

Thọ Thức Ăn Bất Tịnh

Xá Lợi Phất Viên Tịch

Đức Mục Kiền Liên

Dòng Họ Và Chí Khí Ngài Mục Kiền Liên

Đạo Nghiệp Của Mục Kiền Liên

Mục Kiền Liên Độ Bà Lão Bán Bánh

Mục Kiền Liên Với Lễ Vu Lan Bồn

Mục Kiền Liên Nạn Vong

Nhận Thức và Kết Luận

Tôn Giả Ca Chiên Diên

Dòng Họ và Biện Tài của Ca Chiên Diên

Đạo Nghiệp Của Ca Chiên Diên

Tôn Giả A Nan Đà

Dòng Họ và Danh Hiệu A Nan Đà

Đạo Nghiệp của A Nan Đà

Giúp Cho Nữ Giới Xuất Gia

Ác Mộng

Yêu Cầu Đức Phật Di Giáo
Tham Dự Kiết Tập Kinh Điển
A Nan Niết Bàn
Tôn Giả A NA LUẬT
Dòng Họ A Na Luật.
Đạo Nghiệp Của A Na Luật
Chứng Thiên Nhân
Tám Điều Giác Ngộ Của Bạc Đại Nhân
Nhận Thức và Kết Luận
Tôn Giả La Hầu La
La Hầu La Thời Niên Thiếu
Phật Răn Dạy La Hầu La
Tu Hạnh Nhẫn Nhục
Tiếp Nhận Tinh Xá
La Hầu La Nhập Niết Bàn
Nhận Thức Và Kết Luận
Tôn Giả Tu Bồ Đề
Danh Hiệu Tu Bồ Đề
Đạo Nghiệp Của Tu Bồ Đề
Tu Bồ Đề Đón Phật
Tu Bồ Đề Xương Minh Lý Không
Tôn Giả Phú Lô Na
Dòng Họ Và Danh Hiệu của Phú Lô Na
Đạo Nghiệp Của Phú Lô Na
Phú Lô Na Bồ Giáo Ở Du Na
Cuối Cuộc Đời Của Phú Lô Na
Nhận Thức Và Kết Luận
Tôn Giả Ưu Ba Ly
Dòng Họ Và Nghề Nghiệp Của Tôn Giả Ưu Ba Ly
Đạo Nghiệp Của Ưu Ba Ly
Ưu Ba Ly Hỏi Giới
Phép Thăm Nuôi Bệnh Nhân
Phá Tăng và Hòa Tăng
Kiết Tập Luật Tạng
Nhận Thức và Kết Luận

---o0o---

Lời Nói Đầu

Trong thế giới ngày nay, khoa học vô cùng phát triển đủ mọi mặt. Trong cuộc sống, những gì không khoa học hiện đại, nhất định phải tàn lụi theo thời gian hoặc theo thời gian mà bị biến thể. Với đạo Phật qua thời gian và không gian giáo thuyết của Phật vẫn không mai một mà còn được truyền bá ngày càng sâu rộng. Bởi lời Phật dạy là một chân lý muôn đời, khi con

người chưa thánh thiện, khoa học chưa đưa con người đến an lạc hoàn toàn, chưa được sự trở về diệt tận nguồn gốc tham ái, si mê, chấp ngã..., thì thuyết Tứ Đế vẫn được con người tín nhận. Đó là về mặt nhân sinh, còn về vũ trụ khoa học chưa khám phá, chinh phục được thiên nhiên, đối tượng khách quan, thì thuyết duyên sinh trùng trùng phát khởi của đạo Phật vẫn cần thiết cho tri thức con người. Đó là lý do mà không ai có thể ngăn chặn con đường tìm về đạo Phật ngày một sâu rộng của con người. Tuy nhiên có một vấn đề đáng được nêu ra là ngày nay người theo đạo Phật, nghiên cứu tìm hiểu lời Phật dạy thật đông đảo, nhưng người tu hành chứng ngộ lại rất hiếm.

Ngày xưa thuở Phật còn tại thế, đa phần các đệ tử xuất gia của Ngài đều chứng A La Hán, như 1.250 vị tỳ kheo mà kinh thường nhắc đến. Trong số đó bậc ưu tú về mặt đạo hạnh, sở trường và sở chứng, có mười vị được gọi là mười đại đệ tử, gọi chung là Thánh Chúng. Lịch sử Phật giáo liệt kê như sau:

1. Tôn giả Đại Ca Diếp, Đầu đà đệ nhất
2. Tôn giả Xá Lợi Phất, Trí tuệ đệ nhất
3. Tôn giả Mục Kiền Liên, Thần thông đệ nhất
4. Tôn giả Ca Chiên Diên, Luận nghị đệ nhất
5. Tôn giả A Nan Đà, Đa văn đệ nhất
6. Tôn giả A Na Luật, Thiên nhãn đệ nhất
7. Tôn giả La Hầu La, Mật hạnh đệ nhất
8. Tôn giả Tu Bồ Đề, Giải không đệ nhất
9. Tôn giả Phú Lô Na, Thuyết pháp đệ nhất
10. Tôn giả Ưu Ba Ly, Trì giới đệ nhất

Sau đây chúng ta lần lượt tìm hiểu cuộc đời và đạo nghiệp của các Ngài để noi theo hầu trở nên con người tốt trên bước đường phụng sự đạo pháp và xây dựng quốc gia xã hội ngày thêm tịnh lạc...

Thích Minh Tuệ

---o0o---

Trưởng Lão Đại Ca Diếp

Maha Kasyapa - Đầu Đà Đệ Nhất

Khi còn tại thế, trong 45 năm thuyết pháp với hơn 300 hội, Đức Phật để lại 8 vạn 4 ngàn pháp môn. Tùy căn cơ, trình độ hoàn cảnh, người hành giả có thể chọn tu theo một trong những pháp môn đó, có người chuyên tu thiền định, có người niệm Phật, tụng kinh, có người trì luật, có người tu phước bố thí, có người trì bình khát thực... Với tất cả hành trì, theo Phật hạnh nào cũng đáng kính nể, quý trọng. Trong số các Thánh chúng, Ma Ha Ca Diếp là người dốc lòng giữ gìn phạm hạnh, nên được Phật và Thánh chúng tôn xưng là bậc Đầu Đà Đệ Nhất.

Quê Quán Dòng Họ và Danh Hiệu của Ngài Ma Ha Ca Diếp

Ở Ấn Độ, không xa thành Vương Xá, nước Ma Kiệt Đà, tại thôn Sa La Đà, có một gia đình thuộc dòng họ Bà La Môn rất giàu có, đó là Ni Câu Lự Đà Kiệt Ba có tài sản có thể so sánh với Vua Tần Bà Sa La lúc bấy giờ. Đại Ca Diếp sinh trong gia đình phú hào này. Tên đầu tiên của Ngài là Tất Bát La Da Na, vì thân mẫu Tôn giả đi chơi quanh gốc cây Tất Bát La thì hạ sanh Tôn giả, vì thế lấy tên cây đặt cho đứa bé. Vì là con một trong gia đình, Đại Ca Diếp rất được cha mẹ thương yêu, nuôi dưỡng, nhũ mẫu có đến 4 bà, còn bồng bế cho ăn, tắm rửa, trò chơi có rất nhiều người. Đại Ca Diếp phước tướng đầy đủ, tư chất thông minh, lúc lên 8 đã được học văn học, toán thật, thi họa, âm nhạc, thiên văn, tướng số... Các Đạo sĩ Bà La Môn còn dạy cho Ngài phép tế đàn 4 mùa, Thánh điển Vệ Đà, Nhân minh học v.v... Với các môn học, Đại Ca Diếp đều thấu hiểu rất nhanh.

Lúc khôn lớn, Đại Ca Diếp khác hẳn những người cùng lứa tuổi. Với các lạc thú ở đời Ngài không ham thích, kể cả vấn đề âu yếm. Đại Ca Diếp thường tỏ chán ghét, bất tịnh, thích xa đám đông, riêng ở một mình. Ngay cả Cha mẹ, Đại Ca Diếp cũng không tưởng nhớ, trong những lúc xa nhà. Bởi thế khi phải vâng lời cha mẹ lập gia đình, Đại Ca Diếp cũng không chung giường với Người vợ mới cưới tên là Diệu Hiền, một cô gái sắc nước hương trời không ai sánh kịp. Mỗi người mang một tâm trạng riêng, từ ngày cưới Diệu Hiền cho đến hơn cả chục năm về sau không ai nói với ai một lời nào. Im lặng lâu quá không thể nín thinh mãi được, Đại Ca Diếp hỏi Diệu Hiền lý do tại sao mặt lúc nào cũng buồn. Diệu Hiền trả lời:

Chàng đã phá hoại chí nguyện của tôi, sự giàu sang của chàng đã mê hoặc cha mẹ tôi, từ trước tôi vẫn thích phạm hạnh, ghét ngũ dục, nên hiện làm dâu gi đình này tôi rất lấy làm buồn!

Nghe ước vọng của Diệu Hiền không trái với ước vọng của chính mình, Đại Ca Diếp nói:

Thế là hai ta đã có cùng chung một ước nguyện, cùng nhìn chung về một hướng, tôi vẫn không thiết tha với việc lập gia đình, nhưng vì là con một tạm để cho cha mẹ khỏi buồn, tôi phải tạm theo ý của gia đình mà thôi. Giờ đây chúng ta hãy tiếp tục sống theo phạm hạnh và dù là vợ chồng chúng ta cũng giữ sự thanh tịnh.

Mãi 12 năm sau, khi cha mẹ đều từ già cõi đời, Đại Ca Diếp rời gia đình đi tìm thầy học đạo, trước khi tạm biệt Đại Ca Diếp có hứa sẽ trở về hướng dẫn Diệu Hiền khi tìm được minh sư.

---o0o---

Đạo Nghiệp của Đại Ca Diếp

Đại Ca Diếp xuất gia trì hạnh Đầu Đà

Năm 30 tuổi, Đại Ca Diếp từ già thân thuộc vào rừng tìm đạo, chính là lúc Đức Phật Thích Ca thành đạo dưới cội Bồ Đề. Mãi đến hai năm sau Đại Ca Diếp vẫn chưa có đạo sĩ nào giúp thỏa mãn nguyện vọng, nhân cuộc khởi xướng dâng y rằm rộ của ngự y Kỳ Bà. Đại Ca Diếp biết Phật và tìm đến thành Vương xá, ngày ngày Ngài theo Thánh chúng đến nghe pháp mà chưa chính thức ra mắt với Phật, vì lòng còn muốn dò xét. Từ trên tòa giảng, Đức Phật nhìn xuống thấy và biết Đại Ca Diếp là người có thể kế thừa đạo nghiệp của Như Lai.

Tại hội Linh Sơn, khi đức Phật đưa lên một cành hoa, Đại Ca Diếp mỉm cười, Phật biết chánh pháp đã có người tâm đắc kế thừa sau này. Một hôm sau khi mãn buổi thuyết pháp Phật đi đường tắt đón Đại Ca Diếp ở một ngã đường. Trên đường về gặp Phật Đại Ca Diếp chính thức bái yết Phật, xin được xuất gia tiếp tục học đạo. Qua cuộc gặp gỡ, Tôn giả theo Phật trở lại Tinh Xá Trúc Lâm, ở đây Đức Phật đem pháp Tứ Đế, Thập nhị nhân duyên, khai thị cho Tôn giả. Vốn thích tu hạnh Đầu Đà sau khi gặp Phật, Tôn giả vẫn tiếp tục thực hành pháp tu phạm hạnh. Hạnh đầu đà có năng lực tịnh hóa tâm hồn, khi tu theo hạnh này cần giữ đủ 10 điều.

1. Chọn ở nơi hoang vắng.
2. Sinh hoạt bằng phép trì bình.

3. Thường ở tại một nơi.
4. Ngày ăn một bữa.
5. Khất thực không phân biệt giàu nghèo.
6. Tài sản gồm có 3 y, một bình bát.
7. Tư duy dưới gốc cây.
8. Thường ngồi giữa đồng trống.
9. Mặc áo phấn tảo.
10. Sống tại các bãi tha ma.

Với 10 điều kiện trên, Tôn giả tuân giữ trọn vẹn chỉ có 9 điều, riêng điều khất thực số 5 Tôn giả không theo giáo đoàn, Tôn giả chỉ đến khất thực trước nhà người nghèo. Theo Ngài người giàu đã thừa phước đức, ta không cần phải mang phước đến cho họ, còn người nghèo vì thiếu phước đức ta cần đem phước điền cho họ gieo trồng. Trong hàng đệ tử Phật người đi khất thực ngược với Đại Ca Diếp là Ngài Tu Bồ Đề, chỉ đi khất thực nhà giàu. Nghe Tôn giả chỉ khất thực nhà nghèo, Đức Phật khiển trách và khuyên nên đem tâm bình đẳng khất thực, từ bỏ tâm phân biệt. Với Tôn giả Phật còn khuyên không nên quá khổ hạnh, vì khổ hạnh là một cực đoan Đức Phật đã bỏ sau khi bị kiệt sức ở xứ Ba La Nại, tu với 5 anh em Kiều Trần Như. Ngài đã tìm ra con đường trung đạo, và đạt được địa vị giác ngộ giải thoát. Với pháp khất thực bình đẳng có lúc Tôn giả tuân hành, riêng hạnh đầu đà Ngài vẫn giữ cho đến hơi thở cuối cùng, không ai lay chuyển được, cho nên Ngài được tôn xưng là bậc Đầu Đà Đệ Nhất. Tâm vóc ảnh hưởng của Tôn giả rất lớn, lấn lướt hết ảnh hưởng người khác, như ánh sáng chói chang của mặt trời khỏa hết các ánh sáng khác, vì thế Ngài còn được dịch là Âm Quang.

---o0o---

Tiếp độ Diệu Hiền

Khi Đức Phật trở về Ca Tỳ La Vệ giáo hóa cho các vương tôn công tử. Tôn giả có đi theo. Để hợp với giáo pháp bình đẳng, và cũng theo lời thỉnh cầu của A Nan, Đức Phật cho Di Mẫu Ma Ha Ba Xà Ba Đề xuất gia hiệu là Kiều Đàm Di, vị nữ đầu tiên trong giáo đoàn của Phật. Thấy Di mẫu của Phật

được xuất gia, tôn giả có ý mừng vì đã mở lối để Ngài thực hiện lời ước hẹn với Diệu Hiền lúc từ tạ gia đình để đi xuất gia.

Chờ đợi 3, 4 năm không thấy Đại Ca Diếp trở về, Diệu Hiền cho phân tán tài sản, bố thí giúp đỡ cho bà con và những người nghèo rồi đi xuất gia theo phái ngoại đạo lỏa hình ở bên bờ sông Hằng. Được tin Diệu Hiền đi tu nhưng vì sắc đẹp mà phải chịu nhiều sỉ nhục, Tôn giả nhờ một Tỳ kheo ni đi đón nàng. Khi về đến ni viện cũng vì sắc đẹp kiêu diễm nàng vẫn không tránh khỏi sự xì xầm nơi chốn đông người. Tự thấy thân nữ trở ngại đạo nghiệp rất nhiều, Diệu Hiền không ra ngoài khát thực nữa, không tiếp xúc với đại chúng tránh chỗ đông đảo. Cảm kích tình cảnh của Diệu Hiền, hàng ngày Tôn giả chia nửa phần cơm và nhờ người mang đến cho Diệu Hiền. Đòi lại lắm chuyện, những người tò mò có tánh thị phi sinh tâm tật đố và cho là giữa hai người chắc còn tình ý. Để tránh tiếng đàm tiếu, Tôn giả không chia phần cơm cho Diệu Hiền như bấy lâu nữa. Tỳ kheo ni Diệu Hiền cũng muốn chóng được nhẹ nghiệp nữ lưu, ngày đêm không ăn ngủ, tịnh tọa sám hối tán tu đạo nghiệp, chứng được Túc mạng thông, được Đức Phật khen ngợi. Tôn giả Đại Ca Diếp rất hoan hỷ, với hai mặt đạo và đời Ngài đều thực hiện viên mãn, hết mối bận tâm.

---o0o---

Độ Bà Lão Nghèo

Với chí nguyện, đem phước điền đến cho người nghèo thiếu khi đi khát thực, Tôn giả thường tránh những ngôi nhà giàu có, và dừng bước trước những ngôi nhà nghèo nàn lụp xụp. Một hôm vào thành Vương Xá khát thực Tôn giả thấy một bà lão ăn mày đau ốm nằm rên rỉ bên vệ đường, Tôn giả đến gần và ân cần thăm hỏi:

· Này bà lão! tại sao trong lúc đau ốm bà lại nằm giữa đất và chỉ lấy lá che thân? Nơi đất hơi gió mưa sẽ làm cho bệnh của bà nặng thêm, bà không có nhà cửa con cháu gì cả sao?

· Nếu đã có các thứ như Ngài vừa hỏi thì tôi đâu có nằm rên rỉ ở đây. Ngài có gì cho tôi không? Sao tôi thấy Ngài cũng có vẻ nghèo và mang bát đi xin ăn, tôi chẳng có gì cho Ngài cả. Thế Ngài có phép gì giúp tôi hết bệnh và hết nghèo đói chẳng?

· Tôi là một Tỳ kheo đang theo học đạo lý với Phật Thích Ca và đang tu khổ hạnh nên cũng đi xin như bà, nhưng lại đi bán giàu mua nghèo, bà hãy bán nghèo cho tôi để tạo nhiều phước báu giàu sang phú quý.

· Nghèo thì lấy gì để bán? đã ba ngày qua tôi không có chút gì để bỏ vào bụng, sáng sớm hôm nay có người đi đổ nước com, tôi hứng được một tý đỉnh, nhưng nước đã có mùi chưa dám uống sợ tháo dạ.

· Thế bà đem nước đó bỏ thí cho tôi chút đỉnh, gọi là gieo trồng phước đức, hy vọng tương lai gặp may mắn, trở nên giàu có.

Nghe Tôn giả giảng giải, tâm bà đầy hỷ lạc quên cả sự ô uế của thân mình, bà đem mẻ nước com dâng cúng cho Tôn giả. Ngài hoan hỷ tiếp nhận, và uống gần cạn mẻ nước com. Thấy thế bà lão vô cùng vui mừng, Tôn giả ngỏ lời chúc phúc cho bà rồi lên đường hành hóa.

---o0o---

A Nan Tặng Bát

Trong giáo đoàn của Phật, Tôn giả Đại Ca Diếp giữ phạm hạnh bao nhiêu thì nhóm lục quần Tỳ kheo lại thường sai trái mất phạm hạnh bấy nhiêu. Có một thời Phật ở Kỳ Viên Tinh xá, nhóm lục quần tỳ kheo thi nhau sưu tầm bình bát. Phật chế bát có hai loại, bát bằng sắt thép và bát bằng sành sứ. Nhưng khi sản xuất hình dáng bát mỗi thứ không giống nhau, chất liệu cũng có thứ tốt thứ xấu, màu sắc cũng có nhiều. Nước Tô Ma sản xuất bát thiếc, nước Ưu Già sản xuất bát màu đỏ, nước Ô Già sản xuất bát màu đen... Nhóm lục quần chẳng lo hành thiền, tu tập, ngày này qua ngày khác lo đi tìm kiếm bát tốt, đem về trưng bày để ngắm nhìn, phòng xá của các vị giống như nhà hàng bán đồ gốm, sành sứ. Biết được tình trạng tích trữ nhiều bát, Phật ban hành luật: Tỳ kheo chứa bát dư phạm Ni bát kỳ ba dật đề.

Trong lúc đó Ngài A Nan được đàn việt cúng dường 4 cái bát của nước Tô Ma rất quý, Ngài định đem bát đó dâng cúng cho Tôn giả Đại Ca Diếp. Lúc bấy giờ Tôn giả không có mặt ở Xá Vệ, đang du hóa ở phương xa, giữ bát thừa tất phạm giới, không biết xử lý bằng cách nào, A Nan đành đem sự việc trình lên Đức Phật. Phật hỏi:

- Bao giờ Đại Ca Diếp mới trở về?
- Bạch Thế Tôn! Khoảng sau 10 ngày.

Trong giờ giảng pháp trước đại chúng, Phật hết lời khen ngợi phạm hạnh của Đại Ca Diếp và khuyên đại chúng nên noi gương, đặc biệt là lục quần tỳ kheo. Sau cùng thể theo sự tình của A Nan đã trình bày với phép cát bát dư, Đức Phật sửa lại điều luật và công bố:

- Các Tỳ kheo được phép cát bát dư trong thời gian 10 ngày.

Qua sự kiện, Phật chế giới luật Tỳ kheo giữ bát dư, chúng ta biết được địa vị và ảnh hưởng của Tôn giả Đại Ca Diếp đối với giáo đoàn rất cao.

---o0o---

Thừa Kế Đức Phật

Thấy Đại Ca Diếp đạo cao đức trọng, Phật và giáo đoàn đều vị nể, Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên yêu cầu Tôn giả tham gia việc hoằng pháp, nhưng Tôn giả từ chối vì việc đi bố giáo đã có các vị thông minh tài trí như Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên, Phú Lâu Na, Ca Chiên Diên. Tôn giả chỉ chú trọng đến cuộc sống phạm hạnh, thiểu dục tri túc, vì đó cũng là cách gián tiếp truyền bá giáo lý của Đức Phật. Tôn giả trọn giữ hạnh đầu đà, lúc nào Tôn giả cũng ở trong rừng già, kinh hành hoặc tọa thiền dưới gốc cây, quán xương trắng ở bãi tha ma chẳng quản nắng mưa, sương gió... Mãi đến lúc tuổi già râu tóc bạc phơ, thân thể gầy guộc Tôn giả vẫn không bao giờ chệnh mảng. Thấy thế không đành lòng Phật yêu cầu Tôn giả về sinh hoạt tại Tinh xá Kỳ Viên. Dù biết rằng cung kính không bằng phụng mạng, nhưng Tôn giả thấy sống với tập thể thì phải theo khuôn khổ chung và đành phải ngưng thực hành hạnh đầu đà đã là trực tiếp củng cố giáo đoàn, gián tiếp lợi lạc chúng sanh, củng cố tăng đoàn là điều kiện thừa kế Đức Phật. Tôn giả xin Phật được tiếp tục con đường đã chọn. Biết không thể lay chuyển được ý hướng của Ngài, Phật hướng về đại chúng dạy rằng:

- Nay các Tỳ kheo! Đại Ca Diếp luôn luôn lo ngại cho tiền đồ chánh pháp, thiên ma ngoại đạo hay thế lực cường quyền không thể phá hoại chánh pháp, nội tình lộn xộn, Tăng đoàn hủ hóa thiếu phạm hạnh, là điều kiện chính làm cho chánh pháp tiêu diệt "Trùng trùng sư tử ăn thịt sư tử." Vì thế nếu Tăng đoàn được củng cố, giới đức trang nghiêm, nội tình ổn định hòa hợp tất yếu chánh pháp được trường tồn. Đề củng cố Tăng đoàn, sinh hoạt phải nghiêm túc, giới luật phải được tôn trọng giữ gìn, giới luật còn thì đạo

ta còn. Người có thể chủ trì thừa kế chánh pháp nhãn tạng của ta phải là Ma Ha Ca Diếp, điều đó ta đã thấy rõ ngay ở hội Linh Sơn, khi ta đưa lên cành hoa sen, Ma Ha Ca Diếp liền mỉm cười.

---o0o---

Kiết Tập Kinh Điển

Đúng là người thừa kế mang mạng mạch của Như Lai, sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn 7 ngày, Tôn giả Đại Ca Diếp liền triệu tập hội nghị kiết tập kinh điển, trong suốt 3 tháng. Tinh xá của giáo đoàn rộng rãi có rất nhiều, nhưng đa phần chưa phải là nơi hoàn toàn thanh tịnh, các Tỳ kheo lân cận chưa phải thật sự ly dục chứng Thánh quả. Suy xét kỹ lưỡng Tôn giả thấy chỉ có động Kỳ Xà Quật mới xứng đáng là nơi kiết tập kinh điển. Đó là nơi u tịch, rộng rãi, cảnh trí thoát trần. Tôn giả triệu tập 500 vị đã chứng A La Hán quả, riêng Ngài A Nan luôn luôn gần Phật lại đa văn, thuộc tất cả các lời Phật dạy, nhưng lại chưa chứng Thánh quả lại còn có 6 tội. Để có thể và duy trì chánh pháp lâu dài, sự sinh hoạt của giáo đoàn phải oai nghiêm, không thể có người còn lỗi lầm, Tôn giả Đại Ca Diếp buộc A Nan phải sám hối 6 tội trước đại chúng, còn vấn đề chưa chứng Thánh quả, Đại Ca Diếp buộc A Nan phải ra ngoài động, kiếm nơi an tĩnh tu tập lúc nào chứng Thánh quả A La Hán hãy trở vào. Nhờ nhất tâm, chỉ tĩnh tu trong thời gian ngắn, Ngài A Nan liền chứng quả A La Hán.

Khi Tôn giả A Nan trở vào thạch động, cuộc kiết tập kinh điển chính thức bắt đầu. Đại chúng nhất trí đề cử Tôn Giả Đại Ca Diếp làm chủ tọa.

- Ngài Ưu Ba Ly tuyên trì tạng Luật.
- Ngài A Nan tuyên trì tạng Kinh.
- Ngài Phú Lô Na tuyên trì tạng Luận.

Ngoại hộ đắc lực cho cuộc kiết tập kinh điển là vua A Xà Thế.

---o0o---

Đại Ca Diếp Nhập Niết Bàn

Trong hàng đệ tử của Đức Phật, Ngài Xá Lợi Phất và Ngài Mục Kiền Liên Niết Bàn trước Phật, Niết Bàn sau Phật có Ngài Đại Ca Diếp. Sau cuộc kiết tập kinh điển tại động Kỳ Xà Quật, khoảng hai hoặc ba mươi năm sau, cảm

thấy cơ thể đã già yếu, mệt mỏi vì đã trên trăm tuổi, Đại Ca Diếp quyết định Niết Bàn. Tôn giả tìm đến nơi Ngài A Nan đang du hóa để phú chúc pháp tạng, yêu cầu A Nan tiếp nối sứ mạng thừa kế truyền bá chánh pháp, rồi không nề mệt mỏi, Tôn giả đến 8 tháp thờ Xá Lợi phật để lễ lạy cúng dường. Sau đó Ngài trở về thành Vương Xá để tạ từ Vua A Xà Thế, nhưng gặp lúc nhà vua đang ngủ nghỉ, quân hầu không cho Tôn giả vào cung. Rồi thành Vương Xá Tôn giả mang theo y bát của Phật đến núi Kê Túc, ngồi nhập định và Niết Bàn, nơi đây cách thành Vương Xá khoảng 8 dặm về phía Tây Nam. Nghe tin Tôn Giả Đại Ca Diếp đã Niết Bàn, vua A Xà Thế rất bi thương! Nhà vua lập tức đến thông báo cho A Nan và yêu cầu cùng nhà vua đến núi Kê Túc đánh lễ cúng dường. Mặc dù Tôn giả Đại Ca Diếp đã nhập Niết Bàn, nhưng ảnh hưởng nếp sống đạo đức, phạm hạnh của Tôn giả vẫn còn tồn tại mãi với thời gian...

---o0o---

Nhận Thức và Kết Luận

Với những phép khát thực, Đức Phật dạy phải bình đẳng không thiên chấp, phân biệt, nhưng Tôn giả Ca Diếp chỉ đi khát thực nhà nghèo, trong khi Ngài Phú Lâu Na thì khát thực nhà giàu, vì thế nên cả hai Ngài đều bị Phật khiển trách. Tuy thế, theo Tôn giả Ca Diếp người nghèo là kẻ đáng thương, đáng lân mẫn để an ủi họ, từ quan niệm đó, bất luận một hành vi một cử chỉ nhỏ nào của Tôn giả đều biểu thị đức từ bi bao la vô tận. Bởi thế, tăng hay tục, mọi người đều kính nể Tôn giả, hào quang hiển diệu của Tôn giả đã lấn lướt ảnh hưởng của người khác. Do đó tên của Ngài còn được dịch là Âm Quang (uống ánh sáng).

Theo Phật giáo Bắc Tông sau khi Phật nhập Niết Bàn, Đại Ca Diếp được tôn vinh là tổ sư thứ nhất, trong khi Phật giáo Nam Tông lại tôn vinh Ngài Ưu Ba Ly. Vì quan điểm của hai phái có thiên trọng khác nhau, nên dự suy tôn sư tổ đương nhiên có khác. Đó cũng chính là một trong những điểm mà Phật giáo có hai tông phái. Phật giáo Bắc Tông thiên về thiên, về giáo ngoại biệt truyền, không lập văn tự chỉ dùng tâm ấn tâm, cho nên qua biểu thị Đức Phật đưa hoa sen, Đại Ca Diếp liền mỉm cười (Chính ngộ yếu chỉ niêm hoa vi tiếu), vì thế Ngài được suy tôn là Sư tổ. Trong khoa chúc tán có bài tán đã nói lên ý nghĩa đó như sau:

· Niêm hoa ngộ chỉ, tổ đạo sơ hưng, miên diên tứ thất diễn chơn thừa, lục đại viễn truyền đẳng, dịch diệp tương thừa chánh pháp vĩnh xương minh.

Thấy hoa liền ngộ, vị tổ đầu tiên, liên tục bốn bảy giảng chơn thừa, đèn soi suốt sáu đời, cây lá nổi nhau, chánh pháp mãi thịnh hành).

Phật giáo Nam Tông chủ yếu vẫn tọa thiền, loại trừ phiền não triều cái, nhưng lại nhắm hướng giải thoát cá nhân làm trọng điểm... Muốn giải thoát tất yếu phải giữ giới luật, chính chữ giới luật có nghĩa là biệt giải thoát, Phật tìm đạo vì muốn để giải thoát sinh tử luân hồi cho chúng sanh. Lúc Đức Phật sắp nhập Niết Bàn, Ngài A Nan hỏi Phật:

· Sau khi Thế Tôn nhập Niết Bàn chúng con biết lấy ai làm thầy. Phật bảo: "Lấy giới luật làm thầy, giới luật còn thì đạo còn". Ưu Ba Ly là vị trí luật đệ nhất, với mục đích duy trì mạng mạch của Đức Phật lâu dài, đồng thời cũng tiến đến chân trời giải thoát, nên Phật giáo Nam Tông suy tôn Ngài Ưu Ba Ly làm sư tổ.

Nhìn chung suốt cả cuộc đời Tôn giả Đại Ca Diếp luôn luôn hướng dẫn phẩm hạnh đạo đức thiếu dục tri túc là chính, cuộc sống nội tâm, hành vi cử chỉ, lời ăn tiếng nói vào một khuôn khổ lễ lối. Bởi thế người khác nhìn vào có vẻ thấy tiêu cực, thụ động, yếu đuối... nhưng ở đời có mấy ai ép mình được trong khuôn khổ đạo đức, lo trau dồi phẩm hạnh. Cái lãng xãng, tích cực tham dự và sự thu hút của xã hội, của cuộc đời có thể dễ dàng thực hiện. Cái tích cực diệt trừ thói hư tật xấu trong mỗi tự thân của con người thật khó thực hiện. Thắng người thì dễ, thắng mình rất khó. Tôn giả Đại Ca Diếp luôn luôn hướng về tự thắng, nhờ đó Tôn giả trở thành một con người gương mẫu trong giáo đoàn. Phẩm hạnh của Tôn giả đã có một tầm mức ảnh hưởng rất rộng. Đức Phật cũng đã vị nể xem Tôn giả như bạn, có lần Phật đã nhường nửa tòa ngồi giảng pháp cho Tôn giả. Nhờ phẩm hạnh đầu đà sau khi Phật nhập Niết Bàn Tôn giả đã được giáo đoàn suy tôn lên ngôi thủ lãnh trong cuộc kiết tập kinh lần thứ nhất tại Kỳ Xà Quật. Ngày nay để duy trì đạo pháp lợi lạc chúng sanh, hàng tăng sĩ chúng ta hãy noi gương Tôn giả Đại Ca Diếp, để nâng cao phẩm hạnh đạo đức ở đời. Người có tư cách đạo đức bao giờ cũng được kính nể, ngược lại không tư cách đạo đức dù giàu mạnh đến đâu, cuối cùng cũng bị cuộc đời đào thải.

---o0o---

Ngài Xá Lợi Phất
Sariputra - Trí Tuệ Đệ Nhất

Từ xưa đến nay, từ đông sang tây, đa phần các tôn giáo đều thiên về đức tin, riêng Phật giáo thì ngược lại, chỉ tin là khi đã dùng lý trí xét đoán, nói khác hơn Phật giáo thiên về trí tuệ. Bởi thế thông thường, Đạo Phật được gọi là đạo Trí Tuệ, đạo Giác Ngộ, đạo Bồ Đề. Đức Phật là một con người đã đạt đến đỉnh cao của trí tuệ, giác ngộ hoàn toàn. Người theo đạo Phật cần cầu trí giác cao tột của Phật Đà. Thời Phật còn tại thế, những đệ tử của Phật đều chứng Thánh quả. Trong số 1.250 vị, có mười vị đạt đến địa vị ưu tú bậc nhất, gọi là mười vị đại đệ tử, gọi chung là Thánh Chúng. Đứng đầu là Ngài Xá Lợi Phất, Trí Tuệ Đệ Nhất.

---o0o---

Xá Lợi Phất Trước Khi Theo Phật

Gia thế Xá Lợi Phất:

Ở Nam Ấn Độ tại nước Ma Kiệt Đà, cách thành Vương Xá khoảng hai dặm, có một thôn trang tên là Ca La Tỳ, nơi đây có non xanh nước biếc, cảnh trí u tịch, Ngài đã ra đời trong bối cảnh địa dư này.

Xá Lợi Phất thuộc dòng dõi Bà La Môn, thân phụ là Ưu Ba Đề Xá hay Ưu Ba Thất Sa (Upatisya), một luận sư nổi danh trong hàng Bà La Môn. Thân Mẫu là bà Xá Lợi (Sàri) cũng là một người phụ nữ thông minh có tài biện luận. Bà là chị ruột của Câu Hy La (Kausthila), tức là Phạm Chí Trường Trảo. Những lúc luận bàn giáo lý với chị Trường Trảo luôn luôn bí lối. Không chịu thua chị, nhất là còn ngại về sau có thể thua đứa cháu ở trong bào thai của chị; với truyền thống của gia đình Trường Trảo tin con của Ưu Ba Thất sau sẽ thông minh tuấn tú. Vì tự ái, Trường trảo đến Nam Thiên Trúc quyết học 18 bộ kinh (xem chú thích ở cuối bài). Với lời thề, nếu chưa thông suốt thì không cắt móng tay, vì có móng tay dài người đời tặng cho Phạm Chí, biệt hiệu là Trường Trảo. Xưa theo phong tục Ấn Độ, ngoài dùng tên cha để gọi con, phổ biến hơn người đời còn có thói quen gọi con bằng tên mẹ. Tiếng Phạn là Sàriputa, phiên âm là Xá Lợi Phất Đa La gọi tắt là Xá Lợi Phất, có nghĩa là con trai của bà Xá Lợi. Trung Quốc còn gọi là Xá Lợi Tử.

Tài biện luận và đạo giáo của Ngài Xá Lợi Phất:

Xá Lợi Phất là một thần đồng, lúc mới lên tám tuổi Ngài đã thuộc hết 18 bộ Kinh, biện tài vô ngại. Vào tháng hai, tại nước Ma Kiệt Đà, hai anh em

trường giả Cát Lợi và A Già La hợp cùng dân chúng tổ chức lễ tế đàn. Đàn tràng tiếp đón khách quý có 4 bậc:

Vua - Thái Sư - Đại Thần - Luận Sư .

Khi đến dự lễ Xá Lợi Phát ngồi vào đàn thứ tư và đồng dục tuyên bố: - Ai muốn hỏi gì thì hỏi. Các Luận sư cho Ngài là một thiếu niên ngỗ ngược. Để hạ bệ Xá Lợi Phát các Luận sư cho các đệ tử nhỏ tuổi đến chất vấn, nhưng với tài biện luận khúc chiết, Ngài đã làm cho mọi người phải kinh ngạc, các Luận sư đều thán phục. Quốc Vương vui mừng vì thấy đất nước có nhân tài lỗi lạc, nên đã đem một trang trại ban cho Ngài.

Để quán thông triết lý của các đạo giáo đương thời, năm 20 tuổi Ngài rời thôn trang, thân thuộc, đến học đạo lý với San Xa Da Tỳ La Lê Tử, một trong sáu phái Lục sư ngoại đạo. Đây là phái hoài nghi cho chân lý có thể biến đổi, tu đạo là vô ích chỉ cần tu thiền định là được giải thoát. Trong một thời gian ngắn Ngài đã am tường hết đạo lý của phái này, nhưng tư tưởng vẫn chưa thỏa mãn. Xá Lợi Phát đem tâm sự thổ lộ với bạn đồng học lúc bấy giờ là Mục Kiên Liên, cả hai cùng đồng chung một tâm trạng nên đều tính từ giã từ giả phái hoài nghi để làm một học đoàn riêng. Tuổi trẻ tài cao, hai thanh niên cho là ở đời không có người trí thức nào sánh kịp, và cũng chẳng có ai có tư cách để làm thầy mình. Chẳng bao lâu mỗi vị đều có 100 đệ tử, cả hai còn ước hẹn hễ ai đắc đạo trước thì thông báo lại để dẫn dắt nhau tiến theo một con đường.

---o0o---

Đạo Nghiệp Của Xá Lợi Phát Sau Khi Theo Đức Phật

Xá Lợi Phát Ngộ Lý Duyên Sinh:

Một hôm tại thành Vương Xá, Xá Lợi Phát gặp Ngài Mã Thắng tức A Xã Bệ Thệ đang đi khát thực. Đây là một tỳ kheo đã trải qua một thời gian dài tu khổ hạnh, khi gặp Phật Ngài đã nghe Pháp Tứ Đế mà ngộ đạo, trở thành một trong năm đệ tử đầu tiên của Đức Phật. Thấy phong độ uy nghi của Mã Thắng, Xá Lợi Phát tỏ lòng kính phục và thân đến hỏi đạo, Mã Thắng cho Xá Lợi Phát biết ông là đệ tử của Đức Phật Thích Ca. Xá Lợi Phát hỏi Ngài về đạo lý của Phật Thích ca, Ngài đem giáo lý duyên sinh để giảng giải. Theo Phật, tất cả các pháp trong thế gian đều do nhân duyên mà có sinh, rồi cũng hoại diệt khi nhân duyên đã hết. Giáo pháp đó được diễn tả qua bài kệ:

Chư Pháp tùng duyên sinh
Diệt tùng nhân duyên diệt
Ngã Phật Đại Sa môn
Thường tác như thị thuyết.

Nghĩa là:

Các Pháp do duyên sinh
Lại cũng do duyên diệt
Thầy tôi là Đức Phật
Thường giảng dạy như vậy.

Nghe thuyết duyên sinh, Xá Lợi Phất thấu suốt được sự thành hoại của vũ trụ duyên sinh và rất tán phục Đức Phật, nên theo Mã Thắng đến Trúc Lâm Tinh xá bái yết Đức Phật. Để khai thị thêm cho Xá Lợi Phất, Phật thuyết đạo lý Vô Ngã Niết Bàn... Theo Phật "Các hành vô thường là pháp sanh diệt, sinh diệt diệt rồi tịch diệt là vui."

Trước Đức Phật Xá Lợi Phất xin được quy y và xin được đưa Mục Kiền Liên đến Tinh xá Trúc Lâm.

Hôm sau, cả Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên dẫn 200 đệ tử đến thọ giáo với Phật. Giáo đoàn của Phật không những chỉ tăng thêm số lượng mà còn tăng thêm về mặt chất lượng. Phật rất hài lòng vì thấy giáo pháp sâu xa nhiệm mầu, từ nay đã có Xá Lợi Phất tiếp thu. Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên là hai thủ lĩnh tư tưởng tôn giáo cao thâm trong giới học đạo bấy giờ.

---o0o---

Xá Lợi Phất Chỉ Đạo Xây Dựng Tinh xá Kỳ Viên

Khi Phật đang ở Phương Nam Ấn Độ, có trưởng giả Tu Đạt, hiệu là Cấp Cô Độc, người thành Xá Vệ, nước Kiền Tát La ở Tây Bắc Ma Kiệt Đà, đến Tinh xá Trúc Lâm nghe Phật thuyết giảng pháp Bồ thí, bái phục Đức Phật, trưởng giả muốn xây dựng một tinh xá ở phương Bắc nước Ma Kiệt Đà, để thỉnh Phật về hoằng hóa. Sau khi trải vàng mua đất của Thái Tử Kỳ Đà, cạnh thành Vương Xá. Trưởng giả xin Phật đề cử một vị thiết kế và trông coi công trình xây cất tinh xá. Phật biết ở phương Bắc có nhiều triết nhân ngoại đạo, chỉ có Xá Lợi Phất mới có đủ sức thuyết phục, để có thể vừa trông coi công trình, vừa đối phó với ngoại đạo, Phật cử Xá Lợi Phất theo Tu Đạt về phương Bắc.

Tinh xá bắt đầu khởi công, hàng ngoại đạo tìm phương cản trở, nhằm ngăn chặn đà phát triển của Phật giáo. Họ yêu cầu Tu Đạt bỏ ý định xây dựng tinh xá và cũng yêu cầu ông không nên theo Phật. Vì đã thâm tín Phật Tu Đạt vẫn xúc tiến công trình; các nhà ngoại đạo tính hạ uy tín Xá Lợi Phất, để giúp Tu Đạt bỏ Phật. Tu Đạt rất lo ngại cho Xá Lợi Phất có thể không tranh biện nổi với ngoại đạo, ông trình bày nỗi ưu tư với Ngài. Nhưng! Xá Lợi Phất cho đây là một cơ hội tốt để đạo Phật tuyên dương chánh pháp. Ngài nhờ Tu Đạt đến hàng ngoại đạo ước hẹn ngày tranh luận. Vốn xuất phát từ Bà La Môn và đã am tường các triết thuyết đương thời, ngay trong ngày tranh luận đầu tiên Ngài đã thắng 10 Luận sư danh tiếng của ngoại đạo. Xá Lợi Phất đã tạo nhiều thanh thế cho Phật ở phương Bắc. Vì Xá Lợi Phất đã chuyển hầu hết các tư tưởng gia ngoại đạo về với Phật, khi Phật chưa đến giáo hóa. Từ đó sau khi Tinh xá Kỳ Viên hoàn thành, giáo đoàn của Phật về nước Xá Vệ được đón tiếp vô cùng nồng hậu linh đình. Công trình xây dựng Tinh xá, Xá Lợi Phất thiết kế 16 tiểu đường, gồm có: phòng ngủ, nhà khám bệnh, nhà tắm, nhà kho, nhà nhóm họp, giảng đường... Đây là một trung tâm văn hóa thứ hai của Ấn Độ, gọi là trung tâm Kiều Tát La, còn trung tâm văn hóa thứ nhất được thành lập tại nước Ma Kiệt Đà.

---o0o---

Thọ Thức Ăn Bất Tịnh

Khi về thành Ca Tỳ La Vệ, giáo hóa cho các bậc vương tôn, công tử, Phật cho La Hầu La xuất gia và ủy thác cho Xá Lợi Phất lo việc dạy dỗ, Xá Lợi Phất đã truyền thọ giới Sa Di cho La Hầu La. Một hôm Ngài dẫn La Hầu La đi khát thực, hàng đàn na tín thí dâng cúng các thức ăn ngon cho Ngài và các vị Tỳ kheo Trưởng lão, còn hàng Sa di chỉ thọ nhận các vật có ít dinh dưỡng như xác mè ép, rau đồng luộc... trộn với cơm hầm. Lòng của La Hầu La rất bất mãn và có ý nghĩ rằng tuổi trẻ sức đang phát triển, ăn uống như thế cơ thể sẽ bị suy nhược, không có sức khỏe để tiến tu đạo nghiệp. Khi về đến Tinh Xá, lòng La Hầu La vẫn buồn rầu và lên trình với Phật sự cố. Phật khuyên La Hầu La không nên có niềm đố kỵ, người xuất gia chỉ cầu Phật đạo chứ đâu cần sự ăn uống, người tu hành khi thọ nhận của cúng dường một hạt mè, một hạt cơm cũng nên tự thấy là đủ rồi. Có tam thường bất tức, mới xứng đáng là bậc có chí xuất trần thượng sĩ, đừng quá quan tâm đến việc ăn uống.

Tuy dạy La Hầu La như thế, nhưng Phật cũng cho mời Xá Lợi Phất đến và dạy rằng:

- Xá Lợi Phát! Hôm nay ông thọ thức ăn bất tịnh, ông có biết không?
- Nghe Đức Phật nói, Xá Lợi Phát kinh hãi liền cho thức ăn ói ra hết, rồi bạch Phật:
- Bạch Đức Thế Tôn! Từ khi xuất gia, con luôn luôn y pháp khát thực, chưa bao giờ con trái nguyên tắc và thọ thức ăn bất tịnh.
- Tuy biết rõ tâm của Xá Lợi Phát, nhưng Phật giải thích:
- Xá Lợi Phát tuy ông khát thực không trái phép nhưng không quên săn sóc các Tỳ kheo nhỏ tuổi và Sa di. Khi khát thực phải lưu tâm đến họ, để họ khỏi sinh tâm đố kỵ và phát tâm tôn kính bậc Trưởng thượng. Nhân cơ hội này, Phật chế phép Lục Hòa để làm nguyên tắc sinh hoạt cho Tăng đoàn:
 1. Thân hòa đồng trú Cùng chung với nhau một chỗ.
 2. Khẩu hòa vô tranh Không nên tranh cãi với nhau
 3. Ý hòa đồng duyệt Thông cảm và cởi mở với nhau
 4. Lợi hòa đồng quân Lợi lộc nên đem chia đều cho nhau
 5. Giới hòa đồng tu Giới luật cùng nhau giữ gìn
 6. Kiến hòa đồng giải San sẻ hiểu biết cho nhau

Nghe xong, Xá Lợi Phát hoan hỷ tín thọ và tuân hành áp dụng.

Kẻ phản nghịch kính sợ:

Trong số đệ tử của Phật, Đề Bà Đạt Đa luôn luôn muốn hạ Đức Phật để làm thầy, ông vốn là con nhà thúc bá với Đức Phật. Dù đã xuất gia, ông xúi thanh niên hại Phật, dụ dỗ A Xà Thế thả voi say chà Phật, ngay cả ông cũng đã xô đá làm cho Phật bị thương ở chân, và ông cũng đã tách rời giáo đoàn để làm giáo chủ.

Một hôm Đức Phật và Thánh chúng đi khát thực về và đang nghỉ ngơi, Đề Bà cầm đầu một nhóm Tỳ kheo la lối om sòm, yêu cầu Phật nhường quyền lãnh đạo cho ông, Đức Phật vẫn im lặng mặc cho Đề Bà làm náo động. Không thể chịu đựng được, Ngài A Nan là một bảo đệ của ông lên tiếng chỉ trích Đề Bà.

A Nan đồng dục nói:

· Xin Đề Bà hãy im lặng, Đức Phật là bậc chí tôn anh không thể thay thế Phật được. Anh phi báng Phật, anh làm mất sự hòa hợp của Tăng đoàn anh sẽ mang tội rất nặng. Giờ này, Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên ở đây anh không sợ sao? Chắc chắn hai vị sẽ không để anh tung hoành như thế được?

· Thấy không lay chuyển được Phật, Đề Bà chuyển hướng, đem lợi lộc của vua A Xà Thế cúng dường để dụ dỗ các Tỳ kheo ham lợi, tách khỏi đại chúng và thành lập một giáo đoàn riêng do ông thủ lãnh. Sau một buổi đi khát thực về, bè nhóm của Đề Bà Đạt Đa tụ tập phân chia phẩm vật của đàn việt một cách ồn ào. Thấy trái đạo lý Xá Lợi Phất lên tiếng:

· Nay chư vị! Chúng ta đi xuất gia với mục đích giác ngộ, giải thoát hay vì lợi lộc cúng dường?

Cả nhóm đồng đáp:

· Thưa Xá Lợi Phất! Vì mục đích tu đạo, cầu giác ngộ và giải thoát khỏi sinh tử luân hồi.

· Thế! Các ông hãy loại bỏ tâm tham thực, ăn năn sám hối trở về giáo đoàn tu theo pháp lục hòa.

Nghe Ngài khuyến hóa, cả nhóm đều bỏ rơi Đề Bà, trở về với Đức Phật. Từ đó uy tín của Ngài được tăng thêm, Đề Bà Đạt Đa cũng kính sợ Xá Lợi Phất hơn cả Phật.

Rộng lượng khoan dung:

Tại Tinh xá Kỳ Viên, sau ba tháng hạ Xá Lợi Phất tạm biệt Đức Phật để lên đường đi hóa đạo. Khi Ngài ra khỏi cổng Tinh xá, một Tỳ kheo thưa với Đức Phật rằng: - Xá Lợi Phất vô cớ nhục mạ ông, rồi bỏ đi với lý do đi giáo hóa, thực sự Xá Lợi Phất không đi truyền bá Phật pháp. Phật cho gọi Xá Lợi Phất trở lại và yêu cầu cho biết dữ kiện. Xá Lợi Phất trình Phật:

· Bạch Đức Thế Tôn! Sau khi theo Đức Thế Tôn học đạo đến nay tuổi gần 80, con chưa bao giờ làm tổn hại sinh mạng kẻ khác, chẳng biết đối trá chăm lo thăng tiến đạo nghiệp, kể cả 40 năm qua, được vinh dự làm môn đệ của Đức Thế Tôn, dù nhiều lần được Đức Thế Tôn khen ngợi, nhưng con

chưa bao giờ tỏ ý kiêu mạn coi thường người khác, từ đó đâu dám nhục mạ người trong giáo đoàn.

· Con thiết nghĩ: Đất luôn luôn nhận lãnh hết tất cả những sự dơ uế của thế gian, con tự nguyện làm đất luôn luôn nhẫn nhịn tất cả những điều trái ý, không hạ nhục bất cứ ai. Dòng nước cuốn trôi, rửa sạch tất cả những vết dơ bẩn của trần gian, con tự nguyện rửa sạch trần cấu cho mọi người. Cái chổi quét sạch hết tất cả rác rưởi không hề phân biệt con tự nguyện làm cái chổi quét sạch bụi trần của chúng sanh. Bấy lâu con chưa hề khinh khi ai, chưa hề có ý niệm phân biệt, cố gắng không để tâm vọng động thường an trú trong chánh niệm. Bởi thế nếu con còn có lỗi lầm nào, xin các tỳ kheo từ miễn chỉ bảo con xin thành khẩn y pháp sám hối.

Để thỏa mãn cho tất cả các môn đệ, Phật cho gọi các tỳ kheo đương cáo ra đối chứng. Trước giáo đoàn, vị tỳ kheo đã nói dối rất hổ thẹn, xin Phật và Xá Lợi Phát rộng lượng khoan dung. Phật bảo trong đời có hai hạng người mạnh nhất đó là người không có tội, người có tội mà biết ăn năn sám hối. Riêng Xá Lợi Phát không những không oán giận mà còn hoan hỷ khoan dung.

Phẩm hạnh nhường nhịn:

Một hôm Xá Lợi Phát đi truyền giáo ở phương xa, đến trời tối mới trở về, các phòng xá đều bị các tỳ kheo lục quần chiếm hết. Ngài lục quần làm ồn ào, Ngài lẳng lẳng ra ngoài sân ngủ dưới gốc cây. Sáng ngày biết được sự ngủ nghỉ mất trật tự, Đức Phật gọi nhóm lục quần đến hỏi lý do. Nhóm lục quần bạch với Phật rằng:

· Xá Lợi Phát không xuất thân từ hàng Bà La Môn, cũng không phải dòng dõi Sát Đế Lợi, do đó Xá Lợi Phát không có quyền có chỗ ngủ riêng, sàng tòa tốt đẹp...

Để ngăn chặn sự sai trái của nhóm lục quần, Đức Phật dạy:

· Ngày xưa trong núi tuyết có chim chóc, khỉ, voi đồng chung ở. Tuy là bằng hữu nhưng cả ba loài không nhường nhịn nhau, con nào cũng tự cao tự đại định hại nhau. May có một vị tiên giải thích sự phải trái, cả ba loài mới biết kính nhường loài lớn tuổi. Các Tỳ kheo! Giáo pháp của ta xương minh phép bình đẳng, nhưng không vì thế mà mất trật tự. Những ai có đạo hạnh cao, pháp lạc nhiều, tuổi lớn phải được cung kính cúng dường, ưu tiên nơi ăn chốn ở được tốt nhất, thực phẩm ngon tươi nhất.

Nghe Đức Phật nói đại chúng đều y giáo phụng hành. Xá Lợi Phất không vì thế mà ngã mạn, lại cảm ơn sự ưu ái của Phật và sự trọng nể của giáo đoàn.

Phép ăn của Tỳ kheo:

Một ngày nọ, sau khi khát thực về Xá Lợi Phất quay mặt vào vách mà ăn, thấy vậy nữ Phạm Chí Tịnh mục chất vấn:

- Ông đang ăn?
- Không, Xá Lợi Phất đáp.
- Ông cúi miệng mà ăn?
- Không.
- Ông ngửa miệng mà ăn?
- Không.
- Vuông miệng mà ăn?
- Không.
- Quay miệng bốn phương mà ăn?
- Không.
- Không phải 4 phép ăn như trên, thế thì ông ăn bằng cách nào?

Xá Lợi Phất giải thích:

- + Người xuất gia đem thảo mộc đôi thức ăn mà ăn, gọi là cúi miệng mà ăn.
- + Dùng phép xem tinh tú để có ăn, gọi là ngửa miệng mà ăn.
- + Nịnh bợ nhà giàu để được ăn, gọi là vuông miệng mà ăn.
- + Bói toán bùa chú để có ăn, gọi là quay miệng bốn phương mà ăn.

Ta không ăn theo 4 phép đó. Người tu hành chỉ đi khát thực mà ăn một cách thanh tịnh.

Nghe Ngài giảng giải, nữ Phạm chí sinh tâm hoan hỷ, chứng quả Tu Đà Hoàn.

Khen một cái chết đẹp:

Thâm nhuần tư tưởng bình đẳng dù đã chứng Thánh quả, đối với nữ giới, Ngài vẫn kính trọng. Gần thành Vương Xá trong một khu rừng khi đang ngồi thiền định, bỗng nghe tiếng Tỳ kheo ni Ưu Ba Tiên Na kêu cứu ở một khu rừng đối diện, Xá Lợi Phất liền xả thiền, vội vàng đi tiếp cứu. Khi Ngài đến, Ưu Ba Tiên Na lấy lại được sự bình thân và trình bày:

· Thưa Tôn Giả! Vừa rồi trong lúc đang tọa thiền, con nghe một vật gì lảng tron chạm vào cơ thể, con liền nghĩ có thể đó là một con rắn, tức thì con liền bị rắn cắn, nọc độc của rắn đã ngấm vào người con và con sẽ lìa đời. Xin Tôn Giả thông báo cho chư ni quy tụ về đây để con tỏ lời cáo biệt.

Bây giờ sắc diện của Ưu Ba Tiên Na vẫn bình thân như không có chuyện gì xảy ra. Thấy thế Xá Lợi Phất nói với Ưu Ba Tiên Na rằng:

· Chắc không hề gì vì sắc diện của Tỳ kheo không biến đổi.

Ưu Ba Tiên Na thưa rằng:

· Bạch Tôn giả! Với đạo lý của Đức Phật, thân do 4 đại, 5 uẩn, hư vọng hợp thành, không có chủ thể là vô thường, là không, rắn làm sao cắn được cái "Không". Con thâm hiểu như thế nên con không cảm thấy đau đớn. Nhờ đó mà nét mặt con không biến sắc.

Xá Lợi Phất hết lời khen ngợi Ưu Ba Tiên Na và thông báo cho Tỳ kheo, Tỳ kheo ni ở trong khu rừng tập hợp và đưa Ưu Ba Tiên Na ra khỏi hang động. Khi nọc độc của rắn đã ngấm khắp cơ thể, Ưu Ba Tiên Na xả bỏ báo thân vào cõi tịch diệt Niết Bàn. trước các Tỳ kheo và Tỳ kheo ni, Xá Lợi Phất ca ngợi Ưu Ba Tiên Na, do đạt được giới thân tuệ mạng nên có một cái chết thật đẹp, sắp chết mà sắc diện vẫn không bị biến đổi, tâm hồn lại rất bình thân, đáng cho người tu hành phải noi gương.

---o0o---

Xá Lợi Phát Viên Tịch

Lại một hôm, khi nghe tin người lão hữu Mục Kiên Liên bị bọn lã hình ngoại đạo ám hại tại thành Thất La Phiệt (tức Xá Vệ), lúc đang đi thuyết giáo. Xá Lợi Phát vô cùng buồn rầu, suốt mấy ngày liền. Bảy giờ Đức Phật, Xá Lợi Phát và một số Tỳ kheo ở tại thành Vương Xá,, thấy Xá Lợi Phát vì thương bạn mà ủ rũ, Phật phải khuyên răn. Sau đó Phật tập họp tất cả tăng chúng báo cho tất cả biết tin Mục Kiên Liên đã vào Niết Bàn và nhân đó Phật cũng báo cho chúng Tăng hay sau ba tháng nữa là Phật sẽ vào Niết Bàn. Cùng lúc nhận được hai tin buồn, Mục Kiên Liên đã chết một cách bi thảm và Phật cũng sắp ra đi, lòng Xá Lợi Phát vô cùng chua xót. Bởi thế liền ngày hôm đó, Xá Lợi Phát xin được về quê thăm mẹ và nhập Niết Bàn trước Phật. Vì theo Xá Lợi Phát trong quá khứ các đệ tử hàng đầu đều nhập Niết Bàn trước vị giáo chủ đương thời. Hơn nữa, Ngài không muốn chứng kiến cảnh đau buồn khi Phật nhập Niết Bàn.

Sau khi tạ từ Đức Phật và giáo đoàn, Xá Lợi Phát lên đường về quê nhà tại thôn Ca La Tỳ Ma Ca với một Sa di tên là Quân Đầu, lúc này Ngài đã 80 tuổi, mẹ của Ngài cũng đã ngoài 100 tuổi. Vì đã 40 mươi năm xa cách, mẹ con gặp nhau trong cảnh mừng mừng tủi tủi ... dù đã già bà vẫn xem Tôn Giả như hồi còn thơ ấu, bà sai cháu gái là Ưu Ba Ly Bà Đa thu dọn cho Tôn Giả một căn phòng thật khang trang. Ngay trong đêm gặp mẹ già ngoài vấn đề giảng giải đạo lý của Đức Phật, Xá Lợi Phát bày tỏ tâm sự: trước là về quê thăm mẹ, sau cũng xin phép mẹ được từ giả cõi đời tại quê nhà. Tuy có đau buồn nhưng bà Xá Lợi cũng thấy vinh dự có được một người con đạo cao đức trọng, biết trước ngày giờ rời bỏ xác thân để sửa soạn giờ biệt ly vô cùng chu đáo. Sau đêm tâm sự với mẹ già, Ngài cho gọi dân làng đến để bố giáo và tỏ lời từ biệt. Trước dân làng, trước môn đồ tứ chúng và có cả vua A Xà Thế, Ngài bày tỏ tâm tình thiết tha yêu quê hương xứ sở và đem giáo pháp của Phật khuyên bảo mọi người.

Xá Lợi Phát bày tỏ mục đích ra đời của Phật là: Vì một đại sự nhân duyên chỉ rõ tri kiến Phật cho chúng sinh. Con người cần tiến tu Giới, Định, Tuệ để giải thoát sinh tử luân hồi. Nhưng trước hết phải xây dựng con người, tạo lập một quốc gia xã hội an bình tốt đẹp là chính yếu, con người nên noi gương từ bi nhân nhĩn của Phật để sinh hoạt. Vào đến nửa đêm, mọi vật hoàn toàn yên lặng, Ngài lạy chào mẹ già, vua A Xà Thế và tất cả những người hiện diện rồi nhập đại định Niết Bàn. Sau khi làm lễ Trà Tỳ, Sa di Quân đầu mang hòm cốt Ngài trở về trình với Đức Phật. Để giáo đoàn được chiêm bái

và nhân thể tán dương Xá Lợi Phát, Đức Phật tập họp đại chúng Tỳ kheo lại và dạy rằng:

· Đây là hài cốt của Xá Lợi Phát, một bậc trí tuệ hàng đầu. Xá Lợi Phát là người đã tiếp thu trọn vẹn giáo pháp cao huyền của ta được truyền bá đầu tiên ở phương Bắc, đó là công lao của Xá Lợi Phát. Trí tuệ của Xá Lợi Phát thật là trí tuệ cao tuyệt, trừ Đức Phật ra không ai bì kịp. Qua trí tuệ đó, Xá Lợi Phát đã thành tựu đạo nghiệp. Bậc đại trí này đã chứng pháp tính, ít muốn biết đủ, siêng năng dũng mãnh, tiến tu thiền định, không cố chấp trước, đối với ngoại đạo luận bàn vô ngại, hoằng truyền chính pháp lợi lạc mọi người, thoát ly sanh tử khổ đau, chứng nhập Niết Bàn.

Trong hàng Thánh chúng nay trong mười đại đệ tử của Phật, Xá Lợi Phát đứng hàng đầu, vì đạo Phật là đạo của trí tuệ. Mục đích của Phật là khai thị cho chúng sanh cái tri kiến của chư Phật (Kinh Pháp Hoa-Phẩm Tựa). Mặt khác với triết lý của đạo Phật, thuyết duyên sinh là một thuyết thâm áo nhất. Đạo Phật giải thích sự hiện hữu của mọi hiện tượng, sự vật khách quan, thế giới hữu hình qua thuyết duyên sinh, sự vật sinh sinh hóa hóa, liên hệ chằng chịt với nhau, Kinh Hoa Nghiêm gọi là trùng trùng duyên khởi. Cái này có thì cái kia có, cái này diệt thì cái kia diệt. Có lần Tỳ kheo Mang Đổng Tử hỏi Đức Phật về thế giới thường hay vô thường, hữu biên hay vô biên, Phật cho là không nên hý luận nhưng không vì thế mà Phật không giải thích thế giới hiện tượng. Chính thuyết duyên sinh này đã giải thích sự sinh tồn của vũ trụ vạn vật. Xá Lợi Phát đã thấu rõ thuyết duyên sinh. Bởi thế Xá Lợi Phát là bậc Trí Tuệ Đệ Nhất đứng đầu trong hàng Thánh chúng.

Nhờ có trí tuệ số một biện tài vô ngại, Ngài đã chinh phục được các Luận sư của Bà La Môn ở phương Bắc Ấn Độ, khi Ngài đến Ma Kiệt Đà để xây dựng Tịnh Xá Kỳ Viên. Ngoài trí tuệ, Ngài còn là nhà kiến trúc đại tài. Tôn giả đã thiết kế và trực tiếp chỉ đạo xây dựng Tịnh Xá Kỳ Viên. Đây là trung tâm sinh hoạt văn hóa ngang hàng với trung tâm văn hoá Kiền Tát La, thời Phật còn ở Ấn Độ có hai trung tâm văn hóa lớn nhất là Ma Kiệt Đà và Kiền Tát La. Khi Đức Phật còn tại thế, Xá Lợi Phát được tín nhiệm và được cử đi bố giáo đầu tiên. Vì ngoài trí tuệ biện tài, Ngài còn am tường mọi tập tục, truyền thống của dân tộc Ấn Độ, hơn nữa là ngôn ngữ đương thời của Ấn Độ, thời cổ đại tư tưởng tôn giáo đã nhiều mà ngôn ngữ các địa phương không phải là một. Bởi thế Ngài mới đại diện Phật tuyên dương giáo pháp khi Phật còn hiện diện. Mặt khác, Xá Lợi Phát còn là vị có phẩm hạnh cao, khi bị chỉ trích là đã thọ thức ăn bất tịnh, con người khinh mạn, bị Lục quân chiếm chỗ ngủ nghỉ ... Ngài vẫn từ ái khoan dung không tranh chấp thù oán.

Trí tuệ đã cao mà từ ái lại bao la, Xá Lợi Phất được giáo đoàn kính nể. Đê Bà Đạt Đa là một con người có nhiều tác oai tác quái, đòi thay Phật lãnh đạo giáo đoàn, nhưng đối với Xá Lợi Phất vẫn kính sợ hơn cả Phật. Sau hết Ngài là con người tha thiết với quê hương với thôn xóm, với mẹ già, với mọi người dân quê. Khi 80 tuổi, Ngài quay về với quê hương để ban bố giáo pháp cho tất cả mọi người rồi mới vào Niết Bàn.

Nhìn chung, với những người xuất gia theo Phật để được gọi là toàn bích phải được đầy đủ 3 đức: An Đức, Trí Đức và Đoạn Đức. Xá Lợi Phất đã thể hiện trọn vẹn, cho nên xứng đáng là vị đứng đầu trong giáo đoàn của Phật. Nhưng không vì đạo nghiệp giải thoát mà quên mất mẹ già, quê hương thôn xóm, dù đã 80 tuổi Ngài vẫn về quê nhà truyền bá nếp sinh hoạt vị tha vô ngã... Xá lợi Phất xứng đáng là một biểu tượng cho tất cả mọi người noi theo.

---o0o---

Đức Mục Kiền Liên

Manda Galyayana - Thần Thông Đệ Nhất

Trong thời gian 45 năm Phật giáo hóa, Ngài A Nan làm thị giả, Đức Phật luôn luôn có Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên trợ lý, Hai Tôn giả nhiều lần thay Phật đi truyền giáo đó đây. Hai vị là bạn tâm giao, lúc đầu theo phái San Xa Dạ sau ngộ lý duyên sinh trở về với Đức Phật. Xá Lợi Phất là bậc trí tuệ đệ nhất đứng đầu hàng Thánh chúng nhưng nghị lực dứt kiết sử không nhanh bằng Ngài Mục Kiền Liên. Với các lậu hoặc trong thời gian 7 ngày, Mục Kiền Liên đã dứt sạch và có thần thông số một, đứng hàng thứ hai trong Thánh chúng.

---o0o---

Dòng Họ Và Chí Khí Ngài Mục Kiền Liên

Trong kinh điển và trong sách vở không ghi rõ nguyên quán của Ngài, nhưng qua sự kiện Mục Kiền Liên là bạn tâm giao của Xá Lợi Phất hồi còn thanh niên. Từ đó có thể Mục Kiền Liên sinh trưởng ở phía Bắc Ấn Độ nước Ma Kiệt Đà, thân phụ của Tôn giả tên là Câu Hy La, thân mẫu thuộc dòng họ Mục Kiền Liên, Tôn giả theo họ mẹ nên gọi là Mục Kiền Liên (Manda Galyayana). Trong kinh có chỗ gọi Tôn giả là Câu Ly Ca hay Câu Luật Đà nhưng hai tên sau không thông dụng bằng tên Mục Kiền Liên. Ngài có hình dáng cao lớn, mặt vuông tai dài, tính cứng rắn lạc quan, khí tiết hùng dũng ít

khuất phục việc trái chính nghĩa. Vì thế dù đã theo San Xa Dạ, một trong sáu phái lục sư ngoại đạo, Ngài đã cùng với Ngài Xá Lợi Phất lập một học phái riêng. Sau một thời gian mỗi vị đã có 100 đệ tử. Khi thấy thuyết duyên sinh của Phật là siêu tuyệt, cả hai đã tìm về với Phật. Xá Lợi Phất luôn luôn ở bên tay phải còn Mục Kiền Liên luôn luôn ở bên tay trái của Đức Phật. Trong khi các đệ tử của Phật còn đang tu học Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên đã thay Đức Phật đi truyền bá chánh pháp. Với dũng chí Đại Đức không hề ngại khó khăn, không chịu thỏa hiệp, với sức thần thông sẵn có Ngài không bao giờ chịu khuất phục ngoại đạo.

---o0o---

Đạo Nghiệp Của Mục Kiền Liên

Mục Kiền Liên với phép thần thông

Trong hàng Thánh chúng hay 10 đại đệ tử của Phật, Mục Kiền Liên là vị Thần Thông Đệ Nhất đứng đầu trong hàng Thánh chúng. Trong mọi tình huống Mục Kiền Liên thường hay sử dụng phép thần thông; khi đi truyền giáo Ngài dễ dàng chinh phục được người, nhưng pháp căn bản của đạo giải thoát không phải là thần thông, với nghiệp lực của con người thần thông không thể giải cứu. Với phép thần thông có thể khuất phục được người dễ dàng, nhưng chưa hẳn lòng người đã không oán giận. Dù bị Phật quở Ngài vẫn sử dụng phép thần thông để làm phương tiện. Ngày Tỳ Lưu Ly đến vây hãm thành Ca Tỳ La Vệ Mục Kiền Liên đã dùng thần thông đến cứu dòng họ Thích Ca bị bách hại, thành Ca Tỳ La Vệ vẫn bị hỏa thiêu. Ngài vẫn không cứu được mẹ bằng phép thần thông. Ngay chính bản thân Ngài cũng đã không thắng được nghiệp báo để thoát chết bởi bọn ngoại đạo, khi Ngài đến truyền đạo tại thành Thất La Phiệt. Đó là chưa kể đến trường hợp người có thần thông sẽ lợi dụng phép đó để làm việc bất chánh. Đề Bà luôn luôn có dự mưu thay Phật lãnh đạo giáo đoàn, vì thấy được lòng dạ đen tối của Đề Bà, Phật đã không dạy cho Đề Bà tu luyện phép thần thông. Giá trị của thần thông là để giúp người tu chứng thấy xuyên suốt thời gian vô cùng và không gian vô tận, để biết được mọi vấn đề, mọi sự kiện, kể cả những gì sâu kín nhất trong lòng người. Nhưng Đức Phật đã không đặt nặng vấn đề tu luyện thần thông.

Trong kinh điển của Phật giáo có kể một mẫu chuyện Phật đánh giá thần thông rằng:

· Một hôm có một vị đạo sĩ Bà La Môn đang trở tài phép thần thông bên một bờ sông cho quần chúng hiếu kỳ xem, khi thấy Phật từ xa đến đạo sĩ còn biểu diễn nhiều trò hấp dẫn với mục đích khoe khoang. Phật hỏi đạo sĩ phải tu luyện bao lâu mới có được phép thần thông và chứng quả gì, đạo sĩ cho biết là đã tu luyện trên 30 năm, khi đạt được thần thông có thể bay đi tự tại không cần đò. Phật nói: Nếu phải mất một nửa đời người, phải tu luyện để bay qua dòng sông thì giá quá đắt.

---o0o---

Mục Kiền Liên Độ Bà Lão Bán Bánh

Một hôm trên đường đi khát thực, Ngài dừng chân trước nhà một bà lão bán bánh, thấy bà không đem vật thực ra cúng dường, đoán biết là bà này có tâm keo kiệt Ngài cố tình đứng lại chờ đợi, để bà gieo công đức phước điền. Không những không cúng dường bà còn xua đuổi Tôn giả, bà nói:

· Làm gì mà sáng sớm ông đứng án nhà tôi thế? Ông có biết rằng tôi đang hong bánh chưa có buôn bán gì được cả chẳng? Xin mời ông đi mau cho với để sáng sớm tôi khỏi mất hên.

· Xin bà cho tôi một nắm cơm, nếu không bà cho tôi một cái bánh cũng được, Ngài năn nỉ.

· Tôi nghèo lắm ông ơi! Ông không thấy nhà tôi đang xiêu vẹo, sau trận cuồng phong chưa sửa được đây à! Còn xin bánh, tôi đã bảo bánh chưa chín mà, ông này lẩn thẩn thật.

· Nếu bà không cho tôi hóa phép làm gió thổi sập nhà bà luôn.

· À! thế ông có biết làm phép ư? Nếu có phép ông thử chết xem nào? Nếu thực sự ông có thể biến hóa chết được, tôi sẽ cho.

Với thần thông đã chứng, Mục Kiền Liên rùng mình ba lần rồi lăn ra chết. Thấy thầy chết khiếp quá nhưng vì tâm keo kiệt, bà nói:

· Đã là xác chết còn ăn uống được gì mà cho, giờ thì ông còn báo đời tôi phải chôn cất thầy ma, thật là khổ!

Mục Kiền Liên đứng dậy và nói:

· Giờ này tôi là người bình thường, ăn uống được, xin bà hãy đem vật thực cho tôi.

· Tôi đã bảo là tôi nghèo rớt mồng tơi mà! xin ông hãy dời gót gấp cho để tôi còn lo sinh kế nữa.

· Bà đã biết tôi có phép sẵn có tảng đá bên đường, nếu bà không cho vật thực tôi sẽ mang tảng đá thả đè bẹp nhà bà ngay tức khắc.

Giận quá nhưng lại sợ sập nhà, nhân đang hông bánh bà mở vung chọn một cái bánh nào nhỏ nhất để cho hầu khỏi rắc rối. Lúc này bà thấy cái bánh nào cũng to lớn, cho thiệt hại cả vốn và lời. Dù bánh đã được xoa dầu để khỏi dính nhau nhưng bà càng xáo tìm cái bánh nhỏ nhất thì bánh càng dính chùm với nhau. Giận quá bà khuôn cả nôi để trước mặt Ngài và nói:

· Ông hại tôi quá, làm bánh tôi dính chùm với nhau hết. Hông hết rồi, ông mang luôn cả nôi này về mà ăn cho thỏa.

Thấy ý cho bánh trong sự tức giận, nhưng thiện tâm đã bắt đầu được nhen nhúm, Ngài gấp một cái bánh để vào bình bát, rồi tạ từ bà già và tiếp tục lên đường.

Mục Kiền Liên trước nữ sắc

Một lần khác, nhân đi khát thực ngang qua một khu vườn rất là nên thơ, Mục Kiền Liên gặp một người nữ tuổi trung niên rất là kiều diễm, bà này đón Ngài lại và mời vào rừng nói chuyện. Biết có chuyện chẳng lành, Ngài liền từ chối và nói:

· Bà không nên đem sắc đẹp mê hoặc tôi, con người của bà bên ngoài vui tươi ngọt ngào nhan sắc, nhưng chắc chắn lòng bà không khác nào một cuộn chỉ rối, bà đang có một tâm sự uất nghẹn nên mượn sắc đẹp sẵn có để giết thời gian, xin lỗi bà chớ phiền, tôi thẳng thắn khuyên bà không nên chơi với lửa, nguy hiểm lắm! Càng lao vào con đường truy lạc, tâm hồn càng thêm dơ bẩn. Trong vũng bùn bà càng cố vẫy vùng thì bà càng lún sâu, khó thoát khỏi tội lỗi, thiện tâm của bà chưa hẳn đã mất bà nên quay hương chưa muộn lắm đâu.

Nghe nói đúng quá, bà ta giật mình khóc sùi và thưa:

· Thưa Tôn giả tôi vẫn biết thế nhưng không có con đường nào hơn, tôi mượn lạc thú để quên hết uẩn khúc của cuộc đời, quên quá khứ đau thương.

Mục Kiền Liên bình thân khuyên:

· Thông thường với những điều càng cố quên thì càng nhớ, càng nhớ lại càng thấy đau, càng đau thì lòng càng căm tức, càng oán tức lại có thể phát khùng điên. Ở đời có hai hạng người mạnh nhất là: Người không có tội lỗi. Người có tội lỗi mà biết ăn năn sám hối. Thân thể quần áo dơ bẩn dùng nước giặt rửa, tâm hồn nhiễm đầy trần cấu, Phật pháp có năng lực làm cho trong sạch thánh thiện. Nếu biết sám hối bà sẽ hết tội, tăng phước trở nên con người gương mẫu.

· Nhưng tội lỗi quá nhiều, sám hối bao giờ mới hết tội... tôi đã mượn tiền tài và sắc đẹp làm lung lạc không biết bao nhiêu người đàn ông nhẹ dạ. Tôi đã phá tan hạnh phúc của nhiều gia đình, rồi tôi cũng bị người cùng phái nguyên rửa, có lần tôi suýt thiệt mạng. Nếu tôi phơi bày hết tâm sự Tôn giả càng khinh ghét tôi bội phần.

· Với giáo pháp của Phật khi nghe bà bộc lộ tâm hồn, tôi sẽ tăng thêm từ ái, không có khi dễ gì đâu.

· Tôi là con của Trưởng giả ở thành Đúc Xoa Tỳ La, tên là Liên Hoa Sắc, lúc lên 16 tuổi tôi lấy chồng, chẳng may cha chồng chết sớm mẹ chồng tôi còn xinh đẹp và sinh lý còn cường thịnh, do đó bà ta đã khuynh đảo chồng tôi, phạm tội loạn luân. Quá buồn tôi xin ly dị để lại cho chồng tôi một bé gái, rồi tôi đi lang thang như kẻ mất hồn. Sau đó tôi kết bạn với một chàng thương gia trẻ tuổi, tôi ở nhà lo việc quản gia chồng tôi lại đi đó đi đây để buôn bán. Làm ăn phát đạt lắm tiền của lại sinh tật, một chuyến đi buôn xa trở về, chồng tôi đem về một hầu thiếp son trẻ, gởi ở nhà một người bạn thân. Thường mượn cớ đến nhà bạn hàn huyên chồng tôi ít ngủ ở nhà, nghe bà con xì xầm tôi nổi cơn ghen, quyết tìm cho bằng được và ăn thua đủ với kẻ đã phá hại hạnh phúc gia đình tôi; không ngờ khi chạm mặt nhau, hầu thiếp của chồng tôi lại chính là con gái đời chồng trước của tôi. Oan trái gì mà ghê thế! Mẹ chồng tôi lại đi cướp chồng của tôi, rồi con tôi và tôi lại cùng chung một chồng. Xung hô như thế nào cho phải đạo lý? Uẩn khúc như thế hỏi ai có còn chịu đựng nổi?

· Khi tỉnh lại, không giữ được thăng bằng của tâm hồn tôi lại bỏ nhà ra đi, mượn những cuộc truy hoan đó đây đùa cợt cho vui sầu. Chuyện của đời tôi thật quá bi thảm, Tôn giả có đủ năng lực để cứu vớt tôi chăng?

Nghe tâm sự náo nùng của Liên Hoa Sắc, Ngài đem thuyết duyên sinh, thiện ác nghiệp báo, nhân quả luân hồi giảng giải cho Liên Hoa Sắc nghe. Khi thấy Liên Hoa Sắc có thể hồi tâm, Ngài hướng dẫn Liên Hoa Sắc về bái yết Đức Phật. Liên Hoa Sắc hết lòng sám hối, tinh tấn tu hành, chẳng bao lâu chứng quả A La Hán và có thần thông số một bên phái nữ.

---o0o---

Mục Kiền Liên Với Lễ Vu Lan Bồn

Trong hàng Thánh chúng, Mục Kiền Liên không những là vị thần thông đệ nhất, bản tính rất năng động mà còn là một vị hiếu đạo hơn hết. Một hôm nhớ mẹ, Ngài vận dụng thần thông đi khắp mọi nơi để tìm mẹ. Ngài thấy mẹ đang ở chốn địa ngục, ốm yếu gầy còm và vô cùng đói khát. Ngài đem một bát cơm đến dâng lên mẹ là bà Thanh Đề, mừng quá bà dùng tay trái che bát và tay phải bóc cơm đưa vào miệng. Nhưng than ôi! Cơm thành than đỏ, bà không thể nào ăn được. Mục Kiền Liên rơi nước mắt lòng buồn vô hạn, Ngài vận dụng đủ mọi phương tiện để cứu mẹ nhưng không có kết quả.

Trở về bạch sự tình và hỏi lý do, Đức Phật nói:

· Mục Kiền Liên! Lúc sanh tiền mẹ ông đã hủy báng Phật pháp, chửi mắng chư Tăng, bà không tin nhân quả luân hồi. Đặc biệt bà rất bòn xén, chẳng bao giờ bà bố thí cho ai, kể cả bố thí cho con kiến một hạt gạo. Từ đó sau khi chết bà phải chịu các quả báo như thế. Ông tuy là người con hiếu đạo, muốn đền đáp thâm ân nhưng sức của cá nhân có hạn, dù có thần thông một mình ông cũng không thể giải cứu nghiệp lực của bà Thanh Đề. Ông hãy đợi đến ngày rằm tháng bảy, ngày chư Tăng mãn hạ thiết lễ Vu Lan nhờ chư Tăng chú nguyện, mẹ ông mới thoát khỏi cảnh địa ngục.

Theo như lời Phật dạy, ngày rằm tháng bảy Ngài sắm sửa trai diên, dâng cúng mười phương Tăng và nhờ thần lực của chư Tăng chú nguyện. Quả như vậy, với đạo nghiệp tấn tu ba tháng, chư Tăng không những giúp cho bà Thanh Đề, mà nhiều người khác trong ngày đó cũng thoát khỏi địa ngục. Kinh Vu Lan và ngày Lễ Vu Lan còn gọi là ngày rằm xá tội vong nhân có từ đó. Vu Lan Bồn có nghĩa là mở sợi dây treo ngược cho người có tội, Trung Quốc còn gọi là Giải đảo huyền.

---o0o---

Mục Kiên Liên Nạn Vong

Vào thời Đức Phật, Xá Lợi Phất và Mục Kiên Liên là hai cánh tay đắc lực của Phật, cả hai đã làm cho ngoại đạo phải kính sợ. Xá Lợi Phất đã dùng trí tuệ biện tài chinh phục ngoại đạo, với dũng khí kiên cường năng động, Mục Kiên Liên dùng thần thông lần lượt hàng ngoại đạo. Bởi thế ngoại đạo rất oán ghét Ngài và luôn tìm cơ hội bức hại.

Một hôm trên đường đi khất thực tại thành Thất La Phiệt cùng với hai môn đệ là Mã Túc và Mãn Túc, Ngài đã bị bọn lõa hình ngoại đạo vây đánh. Vì bất ngờ và quá đông, Tôn giả bị trận đòn hội đồng mà vong mạng. Về cái chết của Mục Kiên Liên có sách lại chép: Tại núi Y Tư Xa Lê, bọn lõa hình mai phục chờ Mục Kiên Liên đi ngang qua rồi ném đá xuống như mưa. Dù có thần thông nhưng vì bất ngờ quá không kịp đối phó, Ngài đã tử thương.

Một sách khác lại chép: Một hôm trên đường đi du hoá trở về, Xá Lợi Phất và Mục Kiên Liên bị đồ đệ của phái Ni Kiên Tử thường gọi là phái lõa hình, đem gậy gộc ra chặn đường gây sự. Bọn chúng hỏi Xá Lợi Phất: "Trong chúng chánh mạng (lời tự xưng của phái lõa hình) có sa môn không?" Vốn bậc trí tuệ, đoán biết được ý đồ của bọn chúng Ngài trả lời: "Chúng chánh mạng sa môn không. Chúng thích ca sa môn có, nên A La Hán còn tham ái là không có kẻ ngu si." Không hiểu ý, tưởng đó là lời khen mình, họ để cho Xá Lợi Phất đi. Bọn lõa hình quay qua hỏi Mục Kiên Liên, giọng đanh thép Mục Kiên Liên đáp: "Trong chúng của các ông làm gì có quả sa môn." Cho là giọng trích thượng, bọn lõa hình tức giận vác gậy gộc đánh Mục Kiên Liên, không chịu nổi trận đòn, Mục Kiên Liên bất tỉnh, tưởng là địch thủ đã chết bọn chúng bỏ đi. Xá Lợi Phất trở lại tìm xem bạn như thế nào, thấy Mục Kiên Liên bất tỉnh thân thể tím bầm, máu ra lai láng, Xá Lợi Phất lấy cà sa làm võng đưa Mục Kiên Liên về Tinh xá. Đại chúng hỏi Ngài: "Tôn giả là bậc có thần thông, sao lại chịu thua thiệt đến thế?" Mục Kiên Liên liền đáp: "Vì bất ngờ hơn nữa khi nghiệp lực đến, chỉ một chữ Thần còn chưa thể được, huống là phát Thông." Nói xong Tôn giả vào Niết Bàn.

Dù các sách chép có phần hơi khác nhau, nhưng các sách đều có ghi là, bọn lõa hình ngoại đạo đã bức hại Mục Kiên Liên. Khi nghe tin Ngài bị ám hại Vua A Xà Thế đã phản nộ và hạ lệnh truy nã bọn lõa hình và xử giáo.

Sau khi hỏa táng Mục Kiên Liên, Ngài Xá Lợi Phất Mã Túc và Mãn Túc đã đem hài cốt của Mục Kiên Liên về trình Phật. Đức Phật tập họp chúng Tỳ kheo lại và dạy:

Này các vị Tỳ kheo! Hãy chiêm ngưỡng hài cốt của Mục Kiền Liên. Đã mang sắc thân chắc chắn còn nghiệp phải trả, nhục thể phải chịu luật vô thường, do đó sinh tử trả nghiệp là chuyện thường tình, không có gì phải hoang mang lo sợ, khi xả báo thân con người cần giữ tâm hồn không nên mê muội, oán thù, sân giận, trong các nghiệp cần trả nghiệp là nghiệp nặng nhất. Mục Kiền Liên vì tuyên dương giáo pháp mà phải tử nạn đó là một vinh dự, đáng cho tất cả noi gương. Người chiến sĩ phải da ngựa bọc thây, mới xứng đáng là chiến sĩ anh hùng. Chúng ta hãy xây tháp tôn thờ hài cốt của Mục Kiền Liên. Hài cốt của Ngài và hài cốt của Ngài Xá Lợi Phất đều được tôn thờ và giữ gìn nguyên vẹn. Khi đến chiếm Ấn Độ, người Anh đã thỉnh hai hài cốt này về trưng bày tại viện bảo tàng Luân Đôn. Năm 1947, sau khi Ấn Độ được độc lập, chính phủ Anh đã hoàn trả hài cốt của hai Ngài lại cho chính phủ Ấn.

---o0o---

Nhận Thức và Kết Luận

Đúng là sinh nghề tử nghiệp! Suốt cả cuộc đời hành đạo Mục Kiền Liên đã dùng thần thông làm phương tiện. Bởi thế trong hàng tứ chúng Ngài được suy tôn là bậc thần thông đệ nhất, nhưng vì có thần thông mà Ngài bị hàng ngoại đạo oán thù, và bọn lửa hình đánh Ngài đến tử thương, đó là nghiệp lực còn tồn tại Ngài phải trả để vào vô dư Niết Bàn. Sức thần thông của Ngài vẫn không cưỡng lại được nghiệp lực hữu dư, còn thân ngũ ấm là còn nghiệp lực phải trả. Người đạo sĩ hơn kẻ thường tình là mỉm cười trước cái chết không oán hờn, than khóc, tiếc nuối, mê mờ. Trước mọi biến thiên của cuộc đời, tâm an tịnh là đạt Niết Bàn. Thần thông không phải là một phép huyền bí, đó là một năng lực vô biên sẵn có trong mỗi con người. Khi sáu giác quan của con người được tập luyện phát triển đến chỗ ưu việt, tức là có lực thông.

Xưa có một người khách bộ hành đi qua một khu rừng có nhiều cọp dữ, chiều hôm đó dù trời chưa tối hẳn nhưng cọp đã ra đường mòn. Thấy cọp, khiếp quá người lữ hành nhảy lên cành của một cây cổ thụ cao. Khi cọp đi rồi, người lữ khách không sao xuống được, vì thân cây quá lớn lại cao, cành cây cách mặt đất hơn cả chục thước. Mãi đến sáng hôm sau có người đi qua, người lữ khách mới nhờ khách bộ hành bắt sào cho anh ta tụt xuống. Khách bộ hành hỏi lý do tại sao cành cây cao thế mà anh lại nhảy lên được, người lữ khách bảo là không hiểu được, khi thấy cọp tôi nhảy lên, không ngờ lại lên được cành cây cao. Khi cọp đi rồi tôi hết sợ lại không nhảy xuống được.

Đó là một điều lạ không thể giải thích được, nếu với thời xưa người ta cho là thần linh phù hộ. Thật ra không phải thế, theo đạo Phật đó là khả năng vô biên tiềm ẩn trong mỗi con người, có điều với người tu luyện thì khả năng đó phát triển và luôn luôn sử dụng được. Còn người bình thường khả năng đó chỉ bộc phát một lần thôi. Người có luyện tập võ nghệ họ nhảy từ mái nhà này sang mái nhà khác được, đó cũng là do họ có triển khai được một phần nào các khả năng tiềm ẩn vô biên đó. Còn người mộng du nhảy hoặc leo tường không cần thang, họ chỉ làm được trong lúc mộng du mà thôi. Từ thực tế đó cho thấy thần thông không có gì là huyền bí, nhưng Phật không cho các Tỳ kheo tu luyện, vì ngại Tỳ kheo chọn phương tiện làm cứu cánh. Hơn nữa người không có phẩm hạnh cao, sẽ sử dụng thần thông vào việc bất chính trở ngại cho con đường giải thoát sinh tử luân hồi.

Qua đạo nghiệp của Mục Kiền Liên, còn có vấn đề tại sao bà Thanh Đề phải nhờ sức chú nguyện của chư Tăng mới siêu thoát? Đây cũng không phải là vấn đề huyền bí, thần quyền trái luật nhân quả. Theo Phật giáo cốt lõi là trí tuệ giải thoát chứ không phải là đức tin thần bí, thần quyền. Tất cả mọi vấn đề đều tùy thuộc vào thuyết duyên sinh, luật nhân quả. Bàn về vấn đề này Hòa thượng Thích Thiện Siêu có viết:

· Luật nhân quả nằm trong luật nhân duyên, đã là nhân duyên thì dù nhân dù quả đều luôn luôn thay đổi. Nếu một người đã tạo nhân xấu, nhưng may gặp được duyên tốt của Phật lực, pháp lực, tăng lực, thời các nhân xấu của họ cũng thay đổi, hoặc được siêu thoát hoặc bớt chịu khổ hơn, như cái cây đã héo gặp khí mát thổi tới mà được tươi trở lại. Trong Phật giáo sự tạo nghiệp và chuyển nghiệp luôn luôn đi liền với nhau.

Nhìn chung con người và đạo nghiệp của Mục Kiền Liên có hai điểm ưu việt, đó là dũng khí và hiếu hạnh. Chúng ta nên noi theo gương Ngài để trở thành con người biết đền đáp bốn ân, noi theo chí khí của Ngài để giữ vững niềm tin. Tin Phật, tin Pháp, tin Tăng và tự tin để vượt khó khăn trên con đường thực hiện giới, định, huệ và phụng sự đạo pháp, làm lợi cho gia đình, xã hội và nhân loại.

---o0o---

Tôn Giả Ca Chiên Diên
Katyayana - luận Nghị Đệ Nhất

Ngày xưa để được gọi là một nhà nho đúng nghĩa, ngoài thông hiểu tứ thư, ngũ kinh, biết làm thơ phú, nhà nho còn phải biết thêm bốc, y, lý và số. Về Phật giáo để được toàn bích ngoài thông hiểu nội điển, một tăng sĩ cần phải biết thêm Thanh minh, Nhân minh, Công xảo minh và Y phương minh gọi chung là Ngũ Minh. Nếu không được như thế, tối đa cũng phải biết 4 hoặc 3, tối thiểu phải biết hai minh. Vì trong khi truyền đạo, dù thuộc kinh điển nhưng trình bày không mạch lạc, khúc chiết, lý luận không biện chứng, logic, thì khó mà thuyết phục được người nghe. Mặt khác, nếu thuộc kinh điển có lý luận, nhưng giữa diễn giả và thính chúng ngôn ngữ không đồng, phải nhờ đến thông dịch, diễn giả cũng không thể truyền đạt hết tư tưởng, quan điểm cho thính chúng. Bởi thế để trở thành một người thuyết pháp nhà nghề, ngoài am tường nội điển, tối thiểu các tăng sĩ cần rèn luyện, biết thêm ngôn ngữ và có kiến thức phổ thông. Thời Phật còn tại thế, trong số 10 đại đệ tử, Ca Chiên Diên (Katyayana) không những chỉ thông hiểu những tư tưởng triết học đương thời, am tường giáo pháp của ức Phật, mà còn có tài luận nghị khiến ai vấn nạn cũng đều thán phục. Phật và Thánh chúng phong tặng cho Ngài là bậc Luận Nghị Đệ Nhất.

---o0o---

Dòng Họ và Biện Tài của Ca Chiên Diên

Ở miền Nam Ấn Độ nước A Bà'n Đồ thôn Di Hâu thuộc dòng Bà La Môn, có một gia đình rất giàu sang và danh giá, được nhiều người kính nể, Ngài Ca Chiên Diên được sinh ra trong gia đình này. Ca Chiên Diên là con thứ, thân phụ là một quốc sư đương thời, Ca Chiên Diên là họ, tên Ngài là Na Da Là, về sau Ngài rất nổi tiếng nên mọi người dùng họ để gọi thay. Ca Chiên Diên cũng có một người anh cũng thông minh tài trí theo cha học đạo Bà La Môn. Để uyên bác hơn, Ca Ca đi nhiều nơi tham học đạo lý với các Bà La Môn danh tiếng. Sau khi đã học hết kinh điển của Bà La Môn, Ca Ca trở về cố hương với ý định lập đàn tràng thuyết giảng Kinh Vệ Đà. Trong khi anh du học ở phương xa, ở nhà Ca Chiên Diên cũng theo cha dò mài kinh sử, cùng lúc với anh Ca Chiên Diên cũng lập đàn tràng, đối diện với đàn của anh để thuyết giáo, xem đã đủ sức lý luận trước mặt mọi người chưa?

Trước hai đàn tràng, mọi người cho là Ca Chiên Diên hùng biện hơn Ca Ca, do đó hầu hết thính chúng đều hướng về Ca Chiên Diên. Thấy em làm mất mặt trước đám đông Ca Ca đến trước thân phụ thưa kiện và đòi trừng trị tội trịch thượng của Ca Chiên Diên một cách thích đáng. Ca Chiên Diên được

triệu đến để tiện bề phân xử. Trước cha và anh Ca Chiên Diên quỳ lạy và bày tỏ:

· Thừa cha! Xin cha hãy rộng lượng soi xét, trong lúc anh con đi phương xa học hỏi, ở nhà con cũng theo cha cố công đòi mài kinh sử. Con thiết lập đàn tràng để biết công lao học hỏi trong bao năm qua kết quả như thế nào? Chỉ có thể thôi con cũng không có ý đồ cạnh tranh hơn thua, trước thính chúng con không rắp tâm dụ dỗ ai, hai anh em của con sẽ phân trần với nhau, xin cha chớ bận tâm. Hướng về Ca Ca, Ca Chiên Diên cũng tỏ lời xin anh cảm thông và sẽ cùng nhau hòa giải, vì đây chẳng qua chỉ là sự hiểu lầm mà thôi.

Trước hai người con Quốc sư đều quý mến, không biết nên phân xử thế nào cho phải, chỉ hứa sẽ cho biết ý kiến sau. Sau khi bàn với phu nhân, ông quyết định để làm an lòng cho Ca Ca, vì ông này có nhiều háo thắng và lại cũng để bảo tồn danh dự cho Ca Ca, Ca Chiên Diên được gửi qua núi Tần Đà ở phương Nam để học đạo với Tiên A Tư Đà. Tiên A Tư Đà là trưởng huynh của thân mẫu Ca Chiên Diên, ông là vị tiên nhân bác học, chứng tứ thiên, ngũ thông được nhân dân Ấn Độ trọng nể lúc bấy giờ. Ca Chiên Diên rất được A Tư Đà thương mến, vì tư chất thông thái chóng lãnh hội những điều được truyền đạt. Một hôm A Tư Đà cho Ca Chiên Diên hay rằng:

· Tuy ta thông hiểu thánh điển Vệ Đà, nhưng sẽ không bằng Thái Tử Tất Đạt Đa con Vua Tịnh Phạn, vì Thái tử sẽ xuất gia thành đạo vô thượng và sẽ chuyển bánh xe chánh pháp tại vườn Lộc Uyển, xứ Ba La Nại. Sau này con hãy đến đó thọ giáo để triển khai tài năng luận nghị của con, riêng ta chẳng bao lâu nữa sẽ từ giã cuộc đời, không có vinh dự gặp Phật.

Rồi để chuẩn bị cho cháu, A Tư Đà dẫn Ca Chiên Diên xuống núi đến lập tịnh thất tại Ba La Nại; đúng như lời dự đoán, ít lâu sau A Tư Đà từ giã cõi đời. Nhớ lời khuyên, nên sau khi Đức Phật đến Lộc Uyển chuyển pháp luân, Ca Chiên Diên đi tìm Phật cầu sư học đạo, chứng Thánh quả và trở thành bậc Luận Nghị Đệ Nhất.

---o0o---

Đạo Nghiệp Của Ca Chiên Diên

Biện Luận Pháp Bình Đẳng

Trong hàng đệ tử của Phật, có hai nhân vật biện luận tài tình đó là Ngài Phú Lô Na và Ngài Ca Chiên Diên, nhưng khi thuyết pháp Phú Lô Na thiên về số đông còn Ca Chiên Diên lại thích lý luận với từng người một. Một hôm, Ngài đến phía Tây Ấn Độ, nước Ma Thâu (Mathian) truyền đạo, sau khi xem xét dân tình phong tục địa phương, lễ lối sinh hoạt xã hội, Ngài đến yết kiến vua nước Ma Thâu. Thấy Ca Chiên Diên bỏ dòng Bà La Môn theo dòng Sát Đế Lợi là một chuyện lạ, vua Ma Thâu hỏi Ca Chiên Diên:

· Ở đời ta chưa thấy ai bỏ dòng họ cao quý sinh từ đầu Phạm Thiên, để đi theo dòng họ thấp hơn như Tôn giả. Tại sao lại như thế? Có ai ép buộc chẳng?

· Đại vương! Tôi cảm nhận Đức Phật là bậc đại Thánh, trước đây cậu tôi là Tiên A Tu Đà khuyên tôi, tôi rất nghi ngờ, có thể là không xác thực, vì tôi cũng nghĩ như Đại vương, trong đời ai có thể hơn dòng dõi Bà La Môn được. Nhưng khi gặp Phật, nghe Phật khai thị, tôi tự nghĩ trước đây mình vô cùng lầm lẫn. Với luật Ma nu xã hội được chia thành 4 đẳng cấp: - Bà La Môn, Sát Đế Lợi, Phê Xá và Thủ Đà La. Luật này có ra, chẳng qua là do dòng Bà La Môn muốn củng cố uy thế mà đặt ra. Giữa con người với con người, ai cũng dòng máu đỏ, nước mắt mặn, ai cũng chào đời với tiếng khóc, chưa hề có dấu tinka ở trán, hay các vòng vàng ở cổ tay, cổ chân. Lớn lên nếu được học, ai cũng có thể thuộc Kinh Vệ Đà, vào thương trường ai cũng có thể có thể biết buôn bán. Sống ở rẫy bãi rộng đồng ai cũng có thể biết cày cấy, được chỉ nghề nghiệp ai cũng có thể sản xuất ra vật tiêu dùng, người không chịu học hỏi tất sẽ ngu dốt. Do đó, có dòng này dòng khác là do luật Manu và xã hội gán ép cho con người. Hơn nữa thiện ác hay cao quý, thấp hèn người dòng nào lại không có. Thế nhưng, trong nhà tù, kẻ làm tội tởn đều là người thuộc dòng thứ dân. Còn trong dòng Bà La Môn, Sát Đế Lợi không hiếm người phạm pháp, làm điều độc ác nhưng nhờ được che chở bởi dòng họ, người bắt lương tội lỗi vẫn ăn trên ngồi trước, thật là bất công! Thái tử Tất Đạt Đa, người đã thấy rõ thực trạng của tư tưởng tôn giáo, xã hội Ấn Độ, nên đã từ bỏ cuộc sống vương giả để đi tìm đạo và thành đạo. ở đời từ xưa đến nay, có mấy ai dám từ chối địa vị cao sang quyền quý và lăm lặc thú như Phật Thích Ca? Hiện nay Phật đang chủ xướng thuyết bình đẳng để xã hội không có cảnh người bóc lột người, người hà hiếp người, người quá dư thừa kẻ làm đầu tắt mặt tối mà vẫn đói khổ. Trong giáo đoàn của người mọi người đều bình đẳng, ai có phẩm hạnh cao tất được tôn trọng, dù đó là người thuộc dòng hạ tiện.

Với tài luận nghị Ngài đã thao thao thuyết phục vua Ma Thâu, một cách biện chứng, logic, bởi thế nhà vua đã thể hội giáo pháp bình đẳng của Phật, qua lần gặp Ca Chiên Diên nhà vua cũng thừa nhận Ngài là bậc biện luận đại tài, và yêu cầu được giới thiệu để quy y Phật. Khi trở thành một phật tử, vua Ma Thâu áp dụng phép bình đẳng của Phật để điều hành việc nước. Tất cả tù nhân ở các trại giam đều được phóng thích, ai phạm pháp, có tội đều được đưa đi giáo dục, dù đó là người thuộc dòng Bà La Môn hay Sát Đế Lợi. Nhờ thế cả nước mọi người đều vui mừng, dân tình an cư lạc nghiệp, nhân dân nước Ma Thâu cũng rất cảm kích giáo pháp từ bi, trí tuệ, bình đẳng của Phật Thích Ca.

Ca Chiên Diên đem giáo pháp bình đẳng của Phật truyền bá khắp nơi, khiến mức độ tôn kính Bà La Môn trong nhân dân ngày một giảm sút, bởi thế các Bà La Môn rất oán hận Ca Chiên Diên và luôn luôn tìm cơ hội để đả kích. Một hôm có một Bà La Môn khá giỏi biện luận, từ xứ Câu Thi Na xa xôi, tìm đến Ba La Nại kêu đích danh Ca Chiên Diên để hạch hỏi:

· Này Ca Chiên Diên! Ta nghe người bỏ Bà La Môn giáo để theo ông Cù Đàm phải không? người phản bội tín ngưỡng lỗi nhiều hay ít? Ông lại đem giáo pháp của Phật thuyết dụ các Bà La Môn, thật là vô lễ.

Nghe Bà La Môn kết đủ thứ tội một cách âm ỉ, với đức tính điềm tĩnh nhưng lý luận sắc bén, Ca Chiên Diên chậm rãi trả lời:

· Ông xem tấm áo cà sa trên thân tôi là biết tôi đã cải tôn giáo rồi, cần gì phải đặt vấn đề. Với tín ngưỡng có nhiều thần quyền, có luật lệ mất bình đẳng, người theo tín ngưỡng đó có đáng để tuân hành không? Người đã biết con đường chánh đạo có cần hướng dẫn cho gia đình bạn hữu, người theo tà giáo trở về nẻo chính hay không?

Chưa chịu thua vì mục đích đến để hạ bệ Ca Chiên Diên, lão Bà La Môn hỏi:

· Này Ca Chiên Diên! Người là Tỳ kheo, sao không biết giữ oai nghi tế hạnh, trước đây đã không cung kính một lão Bà La Môn trưởng thượng?

Ca Chiên Diên điềm tĩnh trả lời:

· Giá trị con người không ở tuổi tác mà là ở phẩm hạnh, tôi đã quy y Phật, quy y pháp của Phật, cho nên đương nhiên tôi không thể chấp nhận tà thuyết vái lạy thầy tà bạn ác.

Nghe Ngài đối đáp sắc bén, lão Bà La môn khâm phục và xin được giới thiệu để ra mắt Đức Phật.

Nguyên nhân tranh cãi

Một buổi sáng sớm trên đường đi khát thực, một Bà La Môn chặn Ca Chiên Diên lại và hỏi:

- Tôi nghe tiếng Tôn giả đã lâu nay mới gặp, thật là may mắn. Hiện giờ trong tư tưởng tôi có một thắc mắc mà không giải đáp được, xin Tôn giả chỉ giúp.

Âng cứ tự nhiên nói, Ngài đáp.

- Thưa Tôn giả trên thế gian này tôi thấy Sát Đế Lợi tranh cãi với Sát Đế Lợi, Bà La Môn tranh cãi với Bà La Môn. Nguyên nhân gì mà họ lại tranh cãi như thế?

- Ca Chiên Diên đáp: - Vì tham dục mê hoặc.

- Thưa Tôn giả! còn Sa Môn với Sa môn tranh cãi vì lý do gì?

- Vì ngã kiến và pháp chấp.

- Thế trên cõi đời này ai là người không bị tham dục, mê hoặc và ngã kiến pháp chấp để nương theo?

Chẳng do dự Ngài đáp: - Đức Phật!

Đạo sĩ Bà La Môn yêu cầu Tôn giả cho được gặp Phật và quy y theo Ngài.

Bán nghèo

Tại nước A Bàn Đề, trên đường đi du hóa, Ca Chiên Diên gặp một người đàn bà ôm một vò nước ngồi khóc nỉ non bên bờ sông. Thấy cảnh đáng thương Ngài dừng bước hỏi:

- Tại sao lại khóc lóc thê thảm như thế? Hãy cho biết lý do thử xem tôi có giúp ích gì được cho bà chăng?

- Chắc ông không giúp được gì đâu? Bà lão nói.

- Nếu không giúp được vật chất tôi có thể giúp cho bà phương pháp giải quyết, Ngài đáp.

- Đời thật là bất công! Bà lão nói, người giàu thì càng giàu thêm, dư ăn dư xài, kho lẫm tràn đầy, ngược lại người nghèo ngày càng xơ xác, đồ mớ hôi mà vẫn không đủ ăn. Cái khó lại bó cái khôn! không có cách xoay xở. Tôi sinh ra trong một gia đình nô lệ khốn cùng, từ khi chào đời đến nay không lúc nào mà cái khổ không đeo đẳng. Vì thế đến nay tôi không còn sức chịu đựng, chỉ muốn đi tìm cái chết may ra mới hết khổ.

- Thôi đừng khóc lóc nữa, trong cuộc đời này đâu phải chỉ có bà nghèo. Thiên hạ phần đông là người nghèo, bà thử xem tại nước này có bao nhiêu là nhà giàu. Với những thứ tiền của tràn đầy kho lẫm, chắc gì những người giàu đã là không khổ? Vì lòng tham ô không đáy có một họ lại muốn mười. Lòng tham dục hành hạ con người ghê gớm lắm! Bởi thế tuy nghèo, nhưng lòng không dơ bẩn, biết vừa đủ là thấy thoải mái hơn. Đức Phật đã nói: "Người giàu tuy ở thiên đường cũng không vừa ý, người nghèo biết vừa đủ tuy nằm dưới đất vẫn thấy an lạc."

- Đó là lý thuyết thôi Ngài ơi! Thực tế khác hẳn. Người giàu khác với kẻ nghèo, vì muốn ăn là có ăn, muốn mặc là có mặc. Họ bỏ tiền ra là muốn gì cũng được. Còn nghèo như tôi suốt đời làm nô lệ, làm việc quần quật cả ngày mà đôi lúc còn bị roi vọt, chửi rủa, thức từ 4,5 giờ sáng đến quá 12 giờ đêm mà cơm không đủ no, quần áo rách tả tơi, cái nghèo đeo đẳng suốt đời, vì thế tôi muốn chết may ra mới hết thống khổ

- Vậy bà hãy bán cái nghèo đi.

- Cái nghèo đâu có bán được, ai lại dại dột mà đi mua cái nghèo.

- Nếu bà chịu bán tôi sẵn sàng mua.

- Thôi đừng đùa, tội quá Ngài ơi!

- Tôi tu hành nên không có nói đùa đâu, tôi mua thật. Cái nghèo có thể bán lắm chứ? Có điều là người ta không biết cách bán, phương pháp bán nghèo là bố thí. Mọi sự kiện trên đời đều có nguyên nhân. Giàu là kết quả của sự tu phước bố thí, còn nghèo là vì đã quá keo kiệt. Vì thế thực hành bố thí là phương pháp bán nghèo.

- Nhưng tôi nghèo quá biết lấy gì mà bố thí, cái vò trong tay tôi là của chủ Bà La Môn tôi đâu có đem bố thí được. Lỡ tay làm bể là đã bị ăn đòn, huống gì là đem bố thí cho người khác.

- Tôi đang khát nước vậy bà hãy đem vò nước xuống sông múc nước bố thí cho tôi.

Nghe xong bà liền đi múc nước bố thí và tỉnh ngộ. Nhờ Ca Chiên Diên chỉ dẫn, bà thường làm việc bố thí, lòng được thoải mái và cuộc đời trở nên an lạc hơn trước. Nhờ tài luận nghị, suốt cuộc đời đi giáo hóa Ngài đã cảm hóa được nhiều người, dẫn dắt người nghèo về với Đức Phật, khiến ai cũng cảm thấy an lạc ngay trên cõi đời này.

Nhận Thức và Kết Luận

Đức Phật ra đời với mục đích chính yếu là khai hóa cho nhân loại chúng sinh biết con đường giác ngộ và giải thoát khỏi sinh tử luân hồi. Tuy nhiên không phải vì thế mà Phật bỏ quên vấn đề xây dựng con người, xây dựng xã hội, đó là mầm mống cho giải thoát sinh, già, bệnh, chết. Nếu mầm mống không xây thì lâu dài không có chỗ dựa vững chắc. Trong kinh Bách Dụ có câu chuyện:

- Người mướn thợ xây nhà mà chỉ đòi xây lâu không cần xây nền móng, người đời gọi đó là xây nhà trên nền cát, việc làm đó chẳng bao giờ thực hiện được.

- Trong kinh Phật dạy: Phật pháp bất ly thế gian giác, ly thế mịch bồ đề do như cầu thế giác. Nghĩa là: Phật pháp không ngoài thế gian mà giác ngộ, xa lìa cuộc đời mà tin bồ đề, giống như tìm lông rùa sừng thỏ.

Một trong những nguyên nhân thúc đẩy Thái Tử Tất Đạt Đa xuất gia chính là xã hội không bình đẳng, không an lạc của Ấn Độ lúc bấy giờ. Noi gương Đức Phật trên đường đi bố giáo Ca Chiên Diên đến gặp vua nước Ma Thâu, nhân cơ hội nhà vua kích bác vấn đề bỏ đẳng cấp cao theo đẳng cấp thấp của mình, Ngài đã đem thuyết bình đẳng diễn giảng. Sau cuộc hội kiến với Ca Chiên Diên, vua Ma Thâu áp dụng giáo pháp bình đẳng vào xã hội, nhờ đó nước Ma Thâu được an lạc, không còn cảnh người bóc lột người, kẻ nô lệ luôn luôn chịu cảnh nô lệ, người Bà La Môn cứ tiếp tục ăn trên ngồi trước dù phạm pháp, ác độc. Qua câu chuyện vua nước Ma Thâu, thực hành pháp bình đẳng trong công tác xây dựng xã hội cho thấy đạo Phật không tiêu cực, xa thực tế để đi tìm một thế giới trên chín tầng mây.

Ngoài truyền bá giáo lý bình đẳng Ngài còn đề cao giá trị con người qua phẩm giá đạo đức, để từ đó có tinh thần vị tha, bố thí giúp cho con người hết đói nghèo và đặc biệt là loại trừ tính tham dục, mê hoặc, ngã kiến, ngã chấp, để sống hòa hợp không tranh cãi. Với những tinh thần đạo lý, qua các cuộc hùng biện của Ca Chiên Diên, ngày nay con người cần được phổ biến học hỏi. Bởi vì cuộc sống của con người quá chênh lệch, giữa kẻ giàu và người nghèo, kẻ sang người hèn, cần có một nhịp cầu thông cảm để nương tựa và giúp đỡ lẫn nhau hầu xây dựng cho nhân loại một cuộc sống thanh bình và an lạc

---o0o---

Tôn Giả A Nan Đà **Anada - Đa Văn Đệ Nhất**

Trong hàng Thánh chúng hay thập đại đệ tử của Đức Phật, A Na Đà (Ananda) là vị trẻ nhất. Tôn giả là vị luôn luôn túc trực bên cạnh Phật, Tôn giả là vị có nhiều đặc điểm nhưng điểm đặc biệt nhất của Ngài là trí nhớ. Tôn giả nhớ hết tất cả kinh điển do Phật tuyên giảng. Bởi thế Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi có kệ khen tặng A Nan rằng:

Tướng như thu mãn nguyện

Nhãn tợ thanh liên hoa

Phật pháp như đại hải

Lưu nhập A Nan tâm.

Dịch là: Tướng giống trăng thu đầy

Mắt giống hoa sen xanh

phật Pháp như biển rộng

Rót vào tâm A Nan.

Tôn giả được Đức Phật và thánh chúng suy tôn là vị Đa Văn Đệ Nhất.

---o0o---

Dòng Họ và Danh Hiệu A Nan Đà

A Nan Đà gọi ngắn gọn là A Nan, em ruột của Đề Bà Đạt Đa, con thứ của Bạch Phạn Vương, tức là em con chú của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. A Nan sinh ra trong đêm Đức Phật thành đạo dưới cội bồ đề, cho nên tên của Ngài còn có nghĩa là Khánh Hỷ (vui mừng). A Nan rất khôi ngô tuấn tú, thông minh, hòa nhã và vui vẻ. Khi trở về thành Ca Tỳ La Vệ, thấy A Nan Đức Phật biết A Nan sẽ là vị kế thừa mạng mạch Phật pháp sau này. Cho nên khi dọn chỗ ở, Đức Phật đến ngay cung điện của Bạch Phạn Vương, ngự tại căn phòng kế cận phòng A Nan. Mỗi buổi sáng mở cửa nhìn qua, A Nan thấy Phật và cung kính bái chào. Ngày ngày chú bé A Nan lân la bên Phật và quạt cho Phật khi nóng nực. Thấy con mến Phật, ngại chú bé có thể chịu ảnh hưởng của Phật và nhất là sợ con sẽ xuất gia theo Phật, nên Bạch Phạn Vương gửi A Nan sang nước Tỳ Xá Ly. Vì nhớ nhà, nhớ cha mẹ và nhớ Phật chú bé A Nan khóc đòi về. Rồi cũng không thể xa chú bé ngây thơ, mũm mĩm duyên dáng, đẹp đẽ lại thông minh, Bạch Phạn Vương lại đưa chú bé A Nan về thành Ca Tỳ La Vệ. Với luật tương duyên việc gì đến sẽ đến, có cản ngăn cũng không được. Khi đã thấm nhuần mưa pháp, một số vương tôn công tử xin Phật xuất gia, dù còn bé, A Nan cũng xin các Vương tôn được đi theo Phật.

---o0o---

Đạo Nghiệp của A Nan Đà

Làm Thị giả Phật

Sau khi được theo Đề Bà Đạt Đa, A Na Luật, Ưu Ba Ly, La Hầu La... về Trúc Lâm Tinh xá, dù còn nhỏ tuổi, A Nan rất siêng năng tham dự các buổi thuyết pháp của Phật. Với tính thông minh sẵn có, A Nan nhớ hết những lời Phật nói, ngược hẳn với Châu Lợi Bàn Đà Già, học một câu kệ 3 tháng mà không thuộc, A Nan nghe một biết mười. Thế nhưng Châu Lợi Bàn Đà Già chứng thánh quả khi Phật còn tại thế, A Nan phải đến sau Phật Niết Bàn 3 tháng mới chứng quả A La Hán, trước ngày khai mạc đại hội kiết tập kinh điển một hôm.

Dù A Nan thông minh có thể nổi thạnh Phật pháp theo sự nhận xét của Đức Phật, nhưng tuổi còn nhỏ cần có thời gian tập sự, mãi đến hai mươi năm sau, A Nan mới được tăng đoàn đề nghị làm thị giả hầu cận Phật. Từ sau khi Đức Phật thành đạo cho đến lúc Ngài A Nan được cử làm thị giả, Phật không có một thị giả nào nhất định. Thân cận Phật lúc đầu có Ngài Xá Lợi Phất và

Mục Kiên Liên, tiếp đến có Tỳ kheo Na Ca Ba La, rồi nhiều tỳ kheo khác thay nhau hầu Phật. Năm Đức Phật 50 tuổi, tăng đoàn thấy Phật cần có một thị giả thường trực bên cạnh, để giúp đỡ Phật mọi sự cần thiết. Vì thế, Tăng đoàn mở một đại hội để chọn thị giả, trong hội có nhiều vị tỳ kheo xung phong nhưng Phật đều không thuận. Tôn giả Mục Kiên Liên thấy trong số đệ tử không ai hơn Ngài A Nan, nên Ngài liền đến khuyên A Nan rằng:

· Nay A Nan! Ý Đức Thế Tôn muốn ông làm thị giả, ông hội đủ nhiều yếu tố, đặc biệt là dựa vào trí nhớ, về sau ông có thể thay đức Thế Tôn tuyên dương diệu pháp. Ông giống như một tòa lâu đài to lớn, mở cửa sổ ở phía đông là có thể giúp cho ánh sáng rớt thẳng vào vách phía tây.

Nghe nói, thấy trách nhiệm lớn lao quá sợ không kham nổi A Nan từ chối, nhưng Xá Lợi Phất và Mục Kiên Liên khuyên mãi cuối cùng A Nan nhận. Nhưng e ngại tyϊ hiểm có thể xảy ra, A Nan yêu cầu Tôn Giả Mục Kiên Liên trình lên Đức Phật 5 thỉnh nguyện:

1. Không mặc áo Phật cho dù cũ hay mới.
2. Không đi trước khi có Phật tử thỉnh về nhà cúng dường.
3. Được ngoài hay đi chỗ khác, khi Phật tiếp tín chúng đến hỏi đạo, nêu sự hiện diện của thị giả không cần thiết.
4. Không ăn thức ăn thừa của Phật
5. Được tùy tiện sắp xếp hoặc cho hay không cho mỗi khi có khác muốn đến yết kiến Phật.

Khi 5 thỉnh nguyện trình lên, Phật hoan hỷ chấp thuận ngay vì Phật thấu hiểu tâm tư A Nan và hết lòng khen ngợi A Nan là người thông minh, tế nhị, thuần hậu, vui vẻ.

---o0o---

Giúp Cho Nữ Giới Xuất Gia

Khi vua Tịnh Phạn băng hà, Phật về thành Ca Tỳ La Vệ lo việc lễ táng và sau khi đã đề cử Ma Ha Nam lên làm vua, Đức Phật đến tạm trú tại rừng Ni Câu Đà. Thấy nhà vua đã mãn phần, việc triều chính cũng đã có người lo, bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề rất hài lòng qua sự sắp xếp của Phật. Một hôm bà dẫn

500 thể nữ thuộc dòng họ Thích đến rừng Ni Câu Đà bái yết Phật, xin được xuất gia và dâng lên Phật hai tấm y do bà tự tay cắt may. Đức Phật không chấp thuận cho nữ giới xuất gia, dù bà nhiều lần khẩn khoản cầu xin. Theo Phật, giới nữ nặng về tình cảm, nhẹ ý chí, có thể gây phiền hà rắc rối cho giáo đoàn. Bởi thế, giáo đoàn có sự tham dự của phụ nữ chánh pháp sẽ giảm mất 500 năm. Di Mẫu vô cùng buồn bã khi Phật nhiều lần từ chối. Để làm cho Di Mẫu vui lòng, Đức Phật nhận một tấm y, tấm còn lại Phật khuyên nên đem cúng dường cho một vị tăng khác. Sau khi thấy nước Ca Tỳ La Vệ ổn định về mọi mặt, Đức Phật cùng tăng chúng rời Ni Câu Đà đi du hóa vùng lưu vực sông Hằng. Di Mẫu Ma Ha Ba Xà Ba Đề không bỏ ý hướng quyết tâm xin Phật xuất gia. Một hôm bà cùng 500 thể nữ xuống tóc, mặc cà sa, và vượt qua hai ngàn dặm đường để đến Tinh xá Na Ma Đề Kiên Ni, nơi Phật đang giáo hóa để bái yết khẩn cầu. Vượt qua bao dặm đường dài hiểm trở lại gặp trời mưa gió nên cả đoàn mệt lả. Khi đến Tinh xá thì trời cũng vừa tối nên đoàn người đành dừng chân ở cổng, đợi đến sáng mai sẽ vào thỉnh Phật cho xuất gia nếu không được thì cũng chết ở đây chứ không trở về thành Ca Tỳ La Vệ. Lúc sáng sớm vì có việc cần phải ra ngoài Tinh xá, Tôn giả A Nan bất chợt gặp Di Mẫu và 500 thể nữ dòng họ Thích, mình khoác cà sa và đã thế phát đang đứng trước cổng Tinh xá trông thật vô cùng thiếu nữ. Tôn giả vô cùng thương cảm nên hứa với Di Mẫu sẽ khẩn khoản xin Phật cho phái nữ được xuất gia. Để đáp lại nhiệt tình và ý chí cao độ của Di Mẫu, Đức Phật chấp thuận lời thỉnh cầu của A Nan, nhưng buộc ni giới phải giữ thêm một số giới pháp và triệt để tuân hành Bát kính pháp. Bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề vô cùng hân hoan và xin triệt để tuân hành lời Phật dạy. Ni giới rất nhớ ơn Tôn giả nên mỗi khi có dịp gặp Ngài họ rất vui mừng và tiếp rước Ngài một cách niềm nở cung kính.

---o0o---

Ác Mộng

Khi thấy Đức Thế Tôn ngày càng già yếu, lòng A Nan vô cùng lo lắng, nếu Phật vào Niết Bàn A Nan biết dựa vào đâu để tu học và chứng quả thánh. Trong một đêm nằm mộng thấy 7 diêm quái lạ, A Nan cảm thấy lo sợ hoang mang. Sáng sớm thức dậy A Nan đến đánh lễ Đức Thế Tôn và kể lại 7 diêm mộng xin Đức Phật giải thích:

1. Khắp nơi các ao ngòi sông hồ biển cả đều bị lửa dữ rực cháy, khô cạn tất cả.

2. Mặt trời rơi rụng, thế giới tối đen, không có một ánh sao, đầu con vượn lao lên chín tầng mây.
3. Các Tỳ kheo không tuân giữ giới luật treo áo cà sa.
4. Trong cảnh chông gai lao lý Tỳ kheo khôn khổ, pháp y toi bời.
5. Cây chiên đàn xanh tươi bị các đàn heo rừng đến bới gốc, tróc rễ.
6. Không nghe lời voi mẹ, voi con tung tăng chạy khắp nơi, lạc vào chốn đồng khô cỏ cháy, chết đói chết, khát ngón ngang.
7. Sư tử chết, các loài điều thú côn trùng không dám đến gần, dòm từ trong ruột sư tử bò ra lúc nhúc, rúc tĩa thịt xương sư tử.

Khi nghe A Nan kể, biết đó là điềm chẳng lành Phật giải thích:

- Nay A Nan! Đã là mộng nên làm gì có thực, tất cả đều do tâm thức biến hiện, chắc lòng ông có gì khắc khoải lo âu! Tuy nhiên giữa cái có và cái không vốn không tách biệt, bởi thế giấc mộng của ông là điềm báo trước giáo pháp của ta trong tương lai.
- Nay A Nan! Điềm thứ nhất: Lửa cháy thiêu đốt, sông biển khô cạn, biểu hiện tương lai các vị Tỳ kheo được hưởng đầy đủ mọi sự cúng dường nhưng lại không giữ giới pháp thanh tịnh, khởi xướng nhiều việc đấu tranh gây gổ.
- Điềm thứ hai: Sau khi ta Niết Bàn giống như trời đất mù tối, để chánh pháp không bị lu mờ, Tăng đoàn sẽ yêu cầu ông tuyên dương giáo Pháp.
- Điềm thứ ba: Trong tương lai có hạng Tỳ kheo chỉ chuyên nói lý thuyết suông không lo tu hành.
- Điềm thứ tư: Trong tương lai có hạng Tỳ kheo không lo tu giới, định, tuệ, xuôi theo thế tục có vợ con đùm đê.
- Điềm thứ năm: Trong tương lai có hạng Tỳ kheo chỉ chuyên buôn Phật, bán thánh, đem chánh pháp làm phương tiện đổi chác, mong cầu lợi dưỡng.

· Điều thứ sáu: Trong tương lai có hạng Tỳ kheo trẻ tuổi không chịu học tập theo lời dạy dỗ của sư trưởng, không tin nhân quả tội phước, chết đọa vào địa ngục.

· Điều thứ bảy: Trong tương lai chính đệ tử Phật phá hoại giáo pháp của Phật, chứ không phải ngoại đạo đủ sức phá hoại chánh pháp.

Trong 7 điều mộng, ngay sau khi Phật Niết Bàn 3 tháng, điều thứ hai đã xảy ra tại núi Kỳ Xà Quật. Tôn giả Ca Diếp mở cuộc Kiết tập kinh điển, Tôn giả A Nan được yêu cầu tuyên đọc tạng kinh.

---o0o---

Yêu Cầu Đức Phật Di Giáo

Tại rừng Ta La Song Thọ, thành Câu Thi Na, khi Đức Thế Tôn sắp nhập Niết Bàn, người khóc than thê thảm nhất là Ngài A Nan, Đức Phật khuyên A Nan không nên khóc vì ở đời có sinh tất có diệt. Con người có hợp thì có tan, đó là một định luật không ai có thể cưỡng lại được, Phật tuy đã giác ngộ và giải thoát nhưng dư báo vẫn còn cho nên phải xả để vào vô dư Niết Bàn. Tất cả giáo pháp tự lợi, lợi tha, Đức Phật đã tuyên giảng đầy đủ, con đường tiến đến chân trời giác ngộ, giải thoát Phật đã chỉ rõ. Do đó Phật còn ở lại thế gian cũng bằng thừa, hơn nữa có Phật mọi người sẽ ỷ lại, không chịu khắc phục thân tâm tiến tu đạo nghiệp. Trước giờ phút Niết Bàn Phật hỏi đại chúng còn gì nghi ngờ hãy nêu rõ.

Tôn Giả A Nan đến trước Đức Phật đánh lễ và thưa:

· Bạch Đức Thế Tôn! Con có 4 điều thắc mắc xin Đức Thế Tôn chỉ giáo:

· Thứ nhất: Sau khi Đức Thế Tôn Niết Bàn chúng con biết nhận ai làm thầy?

· Thứ hai: Sau khi Thế Tôn Niết Bàn chúng con biết nương tựa vào đâu?

· Thứ ba: Sau khi Thế Tôn Niết Bàn chúng con làm sao hàng phục kẻ dữ?

· Thứ tư: Sau khi kiết tập kinh điển, nên để lời gì ở đầu mỗi kinh?

Đức Phật trả lời:

- Nay A Nan sau khi ta nhập Niết Bàn thứ nhất các ông hãy lấy Ba La Đề Mộc Xoa (Giới) làm thầy.
- Thứ hai: Hãy an trú vào Tứ niệm xứ (Quán thân bất tịnh, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã, quán thọ thị khổ).
- Thứ ba: Hãy dùng phép mặc tằn (làm lơ, không giao thiệp luận bàn) để hàng phục kẻ dữ.
- Thứ tư: Đầu mỗi kinh nên đề câu Như thị ngã văn (Tôi nghe như vậy), mà kiết tập kinh điển.

trả lời xong Phật khuyên A Nan và đại chúng hãy tự mình thấp đuốc mà đi, giáo pháp của Như Lai chỉ là phương tiện chỉ đường. Đức Phật cũng khuyên các Tỷ kheo nên siêng năng tinh tấn thực hành giáo pháp tự lợi, lợi tha.

---o0o---

Tham Dự Kiết Tập Kinh Điển

Sau khi Đức Phật nhập diệt Tôn giả Đại Ca Diếp tổ chức đại hội kiết tập kinh điển suốt ba tháng, Ngài A Nan được đại hội đề cử tụng lại tất cả các kinh do Phật đã dạy. Tuy nhiên đại hội yêu cầu A Nan phải sám hối sáu sai lầm đã vấp phải khi Phật còn tại thế, và hãy ra ngoài dốc lòng tu tập cho đến khi nào chứng quả A La Hán mới trở vào tham dự đại hội. Sáu tội Đột Cát La mà A Nan phải sám hối là:

1. Do A Nan thỉnh cầu Phật nhận nữ giới vào giáo hội.
2. Mượn có nước không sạch, A Nan không cung cấp nước cho Phật uống, lúc ở gần thành Duy Ra Yết.
3. Đã biết Đức Phật có đại thần lực, có thể khiến nước đục trở thành trong, A Nan vẫn không lấy nước dâng Phật.
4. Phật nhắc ba lần về điều người tu học dục tứ thần túc, có thể kéo dài thêm mạng sống, A Nan im lặng chẳng thừa thỉnh Phật mới vào Niết Bàn.
5. Là thị giả cần cẩn thận, A Nan đã dẫm chân lên y Tăng già lê của Phật.

6. Sau khi Phật Niết Bàn, A Nan đã cho nữ giới xem tướng mã âm tàng của Phật.

Với tâm hoan hỷ nhu thuận sẵn có, Tôn giả đã thành tâm sám hối sáu điều mà đại hội yêu cầu. Sau đó Tôn giả ra ngoài động kiếm chỗ vắng vẻ ngồi kiết già nỗ lực tu tập, vào nửa đêm Ngài chứng được A La Hán quả. Khi trời vừa sáng Tôn giả trở vào động cũng vừa đúng lúc đại hội bắt đầu. Trước thánh chúng Tôn giả trưng tuyên 4 bộ kinh A Hàm: Trường A Hàm, Trung A Hàm, Tạp A Hàm và Tăng Nhất A Hà. Ngoài ra còn có một số kinh khác như: Kinh Thí dụ, Kinh Bốn Sanh, Kinh Pháp Cú... Trong cuộc kiết tập kinh điển lần thứ nhất A Nan đã thực hiện trọn vẹn di chúc của Phật là, đại diện Phật tuyên dương chánh pháp.

---o0o---

A Nan Niết Bàn

Sau Khi Đức Phật Niết Bàn Tôn giả Đại Ca Diếp thống lãnh giáo đoàn cho đến lúc hơn 100 tuổi thì vào Niết Bàn. Người thừa kế là Tôn giả A Nan, vị tổ thứ hai theo Bắc Tông Phật giáo. Đến khoảng 120 tuổi, tự thấy cơ thể già yếu Tôn giả quyết định nhập Niết Bàn. Ngài đem chánh pháp và giáo đoàn giao lại cho Thương Na Hòa Tu lãnh đạo. Chánh pháp đã có người tiếp nhận kế thừa, Tôn giả A Nan lại phân vân không biết nên Niết Bàn ở Ma Kiệt Đà hay Tỳ Xá Ly. Đức Phật truyền dạy giáo pháp bình đẳng cho nên phải loại trừ tâm thiên vị, gây oán thù, tranh chấp, hơn nữa lúc bấy giờ hai nước đang giao chiến đối đầu nhau. Cuối cùng để hai nước khỏi so bì, Tôn giả chọn sông Hằng làm nơi nhập diệt, vì sông Hằng là biên giới của hai nước.

Nghe tin Tôn giả A Nan sắp Niết Bàn ở sông Hằng, Vua A Xà Thế tức tốc đến mé sông thì A Nan đã lên thuyền ra giữa sông, Vua mời A Nan trở lại. Bên kia bờ dân chúng Tỳ Xá Ly cũng đến bờ sông xướng lời thỉnh cầu Tôn giả qua Tỳ Xá Ly Ra đến giữa sông Tôn giả A Nan nói lớn:

· Vì hai nước bất hòa, hai bên còn oán hận nhau ta không biết nên Niết Bàn ở nước nào cho hợp lẽ. Do đó ta xét thấy ra giữa sông nhập diệt là giải pháp công bằng nhất, ta cầu mong hai nước chấm dứt chinh chiến lập lại hòa bình thân hữu.

Sau khi chỉ dạy dân chúng hai bên và vua A Xà Thế, Tôn giả nhập định tam muội vào Niết Bàn. Xá Lợi của Tôn giả được chia cho hai nước xây tháp tôn thờ, một tháp xây ở giảng đường Đại Long phía Bắc Tỳ Xá Ly, một tháp xây

cạnh Tinh Xá Trúc Lâm, thành Vương Xá nước Ma Kiệt Đà. Nhờ cách nhập diệt và lời kêu gọi của Tôn giả, hai nước hòa giải được hận thù, chấm dứt chinh chiến sống trong hòa bình. Sự nhập diệt của Tôn giả đã giúp cho tài sản hai nước khỏi thiệt hại, sinh mạng của nhân dân được cứu vãn, vì thế nhân dân hai nước vô cùng nhớ ơn Tôn Giả.

Qua cuộc đời và đạo nghiệp của Tôn giả A Nan, có một vài vấn đề cho chúng ta cần đề cập đến. Trước hết là Tôn giả đã giúp cho phái nữ xuất gia, vấn đề mà nhiều lần chính Đức Phật đã khước từ. Dù Đức Phật chủ trương bình đẳng, nhưng trong thực tế nam nữ chung đụng hay nảy sinh nhiều chuyện phức tạp, làm tổn hại đến thanh danh của tăng đoàn khiến sự trường tồn của chính pháp cũng bị suy giảm, đó là lý do Phật không nhận phái nữ xuất gia. Không phải A Nan không rõ lý do nhưng với bản tính dịu hiền, hay ưu ái phái nữ, A Nan đã mạnh dạn xin Phật cho bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề và 500 thể nữ xuất gia. Chính cũng vì lý do xin cho phái nữ xuất gia trong kỳ kiết tập kinh điển lần thứ nhất, A Nan đã bị đại hội kết tội và buộc phải sám hối. Dù bị buộc tội làm cho chính pháp suy giảm, nhưng Tôn giả đã góp phần cho giáo đoàn của Phật có được trọn vẹn tinh thần bình đẳng của Phật.

Thứ đến là vấn đề bùa chú, trên đường đi khát thực một mình, A Nan đã bị Ma Đăng Già bỏ bùa suýt mất giới hạnh, nhờ thần chú Lăng Nghiêm mà thoát nạn. Người ta thường cho bùa là thứ phù phép siêu hình, riêng chúng tôi thấy vấn đề đó chẳng có bùa phép siêu hình gì hết. Chẳng qua người ta rút từ động vật hay thực vật ra một số hóa chất nào đó làm mê mẩn con người mà thôi, khi hóa chất tan hết, con người trở lại bình thường, còn chữ và hình vẽ chỉ là một thứ trang trí làm mà mất thiên hạ. Cụ thể như tỏi nén là chất làm cho rắn bị mê, sả có mùi làm cho rắn sợ không dám đến gần, dầu mè dầu phụng có tác dụng đẩy tử khí ra ngoài, ngược lại dầu thơm làm xúc tác cho tử khí tăng mùi, thuốc Imenocotan làm cho người ta hôn mê... Còn thần chú, muốn có hiệu quả, người trì chú phải có nhiều dụng công, tinh tâm, định lực, thông thường gọi là phải tu luyện, cùng một bài chú có người đọc linh nghiệm, có người đọc không linh nghiệm là do có công phu tu luyện hay không. Thần chú là một phương tiện khi chú tâm trì tụng giúp cho định lực cao cường, cõi lòng vắng lặng chi phối được tâm tư người khác. Thôi miên hoặc thân giao cách cảm cũng thuộc dạng này, nhưng thấp hơn tu luyện bằng thần chú, sự thật chỉ có thể chứ chẳng phải siêu hình gì hết. A Nan vì chưa chứng thánh nên phải bị thần chú của Ma Đăng Già mê hoặc, Ngài Xá Lợi Phất đã chứng A La Hán, Thánh định lực cao nên khi đọc chú Lăng Nghiêm đã chuyển được tâm tánh Ma Đăng Già.

Một vấn đề khác là giấc mộng của A Nan trở thành biểu hiện trong thực tại. Mộng có thể thực có thể không thực. Chẳng hạn ban ngày chúng ta tiếp xúc với vấn đề gây khủng hoảng tâm lý, đêm có ác mộng, đó là mộng không thực. Khi nằm ngủ vì một động tác nào đó làm động mạch tắc nghẽn, mộng sinh ra đó là mộng không thực. Còn ngày hoặc đêm chúng ta quan tâm đến một vấn đề nào đó, trong giấc ngủ từ tiềm thức trỗi lên các hình ảnh mộng, những điềm đó có thể thành hiện thực. Khi có điều kiện Phật gọi là nhân duyên. Tôn giả A Nan có 7 điều mộng là do Tôn giả đã có sẵn tư duy về vấn đề tuổi già của Phật và sau khi Phật vào Niết Bàn có những gì sẽ xảy ra, từ tư duy đó tiềm thức làm việc và cho hình ảnh kết quả. Đức Phật đã dựa vào 7 điều mộng để dự đoán. Từ sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn đến nay, những điều Phật dựa vào mộng để dự đoán đều đúng, vì Phật là bậc giác ngộ, có trí tuệ ưu việt siêu đẳng cho nên tìm được hệ luận của mộng. Với ba vấn đề qua tư duy và trình bày của chúng tôi ở trên chỉ là ý kiến gợi ý cá nhân, do đó vấn đề cần có thời gian để tư duy và thực nghiệm thêm, mới có thể xác thực hơn. Sau cùng với thời hiện đại, với giáo pháp của Phật, chúng ta đa phần thiên về nghiên cứu, lý thuyết nhiều hơn là thực nghiệm tu chứng. Bởi thế chúng ta cần noi gương Tôn giả A Nan trong vấn đề tuyên dương chánh pháp để tự lợi và giúp ích cho mọi người nhiều hơn. Lấy chính pháp trang nghiêm bản thân, trang nghiêm Phật giáo cũng chính là để góp phần trang nghiêm xây dựng quốc độ, an bình, phúc lạc.

---o0o---

Tôn Giả A NA LUẬT **ANIRUDHA THIÊN NHÃN ĐỆ NHẤT**

Sau khi thành đạo Đức Phật xuống núi, đi giáo hóa khắp nơi, Đức Phật cũng không quên trở về thành Ca Tỳ La Vệ thuyết pháp cho hàng vương tôn công tử, và đã khuyến hóa được nhiều thân thuộc xuất gia. Trong số 7 vương tử đi xuất gia có A Na Luật là bậc Thiên Nhãn Đệ Nhất.

---o0o---

Dòng Họ A Na Luật.

A Na Luật (Anirudha), là em ruột của Ma Ha Nam (Ma Ha Bạt Đề), con thứ của Cam Lộ Phạm Vương dòng Sát Đế Lợi. Ma Ha Nam đã được Phật Thích Ca đưa lên ngôi vua nước Ca Tỳ La Vệ, sau ngày vua Tịnh Phạn băng hà. Cam Lộ Vương là em thứ hai của Tịnh Phạn Vương, do đó A Na Luật là

đường đệ của Phật Thích Ca. Lúc tuổi thơ, A Na Luật là một cậu bé được nhiều người thương mến. Ngài rất thông minh, hoạt bát, có tài âm nhạc hay ca hát, làm điệu bộ trước đám đông khiến ai cũng yêu quý. A Na Luật được nuông chiều nuôi dưỡng trong hoàng cung, và bạn cùng chơi với Bạt Đề và Kiếp Tân Na một cách ngây thơ, hồn nhiên. Khi đến tuổi trưởng thành A Na Luật có vóc dáng anh dũng, diện mạo khôi ngô tuấn tú, nên được nhiều thiếu nữ mơ tưởng đeo đuổi, nhưng với bản tính đ đoan chính, A Na Luật chẳng hề bị sắc dục làm xao động. Lúc Đức Phật về Ca Tỳ La Vệ thuyết pháp, thẩm nhuần mưa pháp xem nhẹ lạc thú trần gian, A Na Luật cùng với anh là Ma Ha Bạt Đề và A Nan, Đề Bà, Kiếp Tân Na, Bà Sa Nam Đề và La Hầu La quyết tâm theo Phật xuất gia học đạo. Cả 7 vương tử kéo theo Ưu Ba Ly, một thợ cạo râu tóc thuộc giai cấp Thủ Đà La đi theo. Được Phật chấp nhận, Ưu Ba Ly cạo bỏ râu tóc cho 7 vương tử. Khi về đến Tinh xá, để thử xem các vương tử đã thật sự loại được tâm đắm say lạc thú hay chưa, Đức Phật bảo cả 7 vị vào tịnh thất tĩnh tọa 1 tuần lễ rồi mới cho nhập giáo đoàn.

---o0o---

Đạo Nghiệp Của A Na Luật

Cự tuyệt thiếu nữ cầu hôn

Sau khi xuất gia và đã thông hiểu đạo lý giải thoát, A Na Luật được Phật phân công du hóa phương xa. Một hôm trên đường đến núi Kiều Tát La thuyết pháp, giữa đường gặp trời mưa, đêm tối, nhưng không có một cảnh già lam nào dành cho các Tỳ kheo tạm trú, A Na Luật đành đến nhà thường dân gõ cửa xin tạm tá túc một đêm. Ra mở cửa, thấy A Na Luật có hình tướng khôi ngô tuấn tú, trẻ đẹp, thiếu nữ rất vui mừng niềm nở mời vào. Trong nhà không có ai cả chỉ một mình thiếu nữ giữ nhà. Tấn thối lưỡng nan, cửa ngoài đã đóng kỹ, thế chẳng dặng dưng A Na Luật đành ở lại. Nhưng để giữ phẩm hạnh A Na Luật không nằm nghỉ mà ngồi kiết già nhất tâm tĩnh tọa. Đến nửa đêm, dưới ánh sáng mờ lung của ngọn đèn, thiếu nữ đến gạ gẫm chuyện với lời lẽ cợt nhả. A Na Luật một mực nín lặng không dám hé môi, mở mắt. Thiếu nữ kể lẽ có nhiều trưởng giả đến cầu hôn nhưng nàng từ chối. Theo thiếu nữ, chuyện duyên nợ ba sinh nay mới đến thời điểm, nàng hết lời ca ngợi A Na Luật, nào là diện mạo khôi ngô tuấn tú, nào là da dẻ hồng hào, thân hình cân đối... So với nàng thật là xứng đôi vừa lứa mong được kết tóc xe tơ. Thiếu nữ yêu cầu A Na Luật ở luôn tại nhà này, cha mẹ nàng sẽ mừng rỡ vô cùng, thiếu nữ càng van xin khẩn khoản, A Na Luật càng nhắm kỹ đôi mắt, cố giữ tâm bất động. Thấy A Na Luật một mực

kiên trì không lay động, thiếu nữ choàng tay qua thân Ngài. Thấy tình thế nguy ngập đến nơi A Na Luật mở mắt nhìn thẳng vào thiếu nữ và nói lời phản đối dữ dội. Thiếu nữ vô cùng thẹn thùng, xấu hổ và thất vọng, nằm vật xuống đất khóc than, gần như một người mắc bệnh tâm thần. Biết thiếu nữ có thể đã rối loạn thần kinh, A Na Luật đôi giọng ngọt ngào khuyên bảo và giảng giải cho thiếu nữ biết tham ái là gốc của sanh tử, người tu hành cần đem lưỡi gươm trí tuệ chặt đứt ái dục, thoát khỏi vòng luân quần sinh tử luân hồi. Nghe Ngài giảng giải thiếu nữ từ từ tỉnh ngộ, và vô cùng cảm mến đạo hạnh của Ngài. Trước khi trời sáng A Na Luật sửa soạn hành trình, thiếu nữ quỳ lạy sám hối và xin được quy y làm đệ tử.

---o0o---

Chứng Thiên Nhân

Nhờ nghiêm trì phạm hạnh không bị nữ sắc cám dỗ, A Na Luật rất được mọi giới kính ngưỡng, nhưng A Na Luật chưa loại trừ được ma mê ngủ. Mỗi khi vào giảng đường nghe Phật thuyết pháp dù đã hết sức cố gắng, A Na Luật vẫn thường ngủ gục. Vài ba lần A Na Luật đã bị Phật quở trách. Một hôm Phật gọi A Na Luật đến bảo rằng:

- Này A Na Luật! Ông xuất gia học đạo vì sợ phép nước hay sợ trộm cướp.
- Bạch Thế Tôn! Không phải như vậy.
- Thế vì lý do gì mà ông xuất gia?
- Bạch Thế Tôn vì con chán cảnh sinh, lão, bệnh, tử và muốn giác ngộ, giải thoát hết các khổ não.
- Này A Na Luật! Ông là con người đoan chính, phạm hạnh không sa ngã bởi nữ sắc, cho nên được giáo đoàn kính trọng. Tính háo sắc, người đời khó trừ được còn ông là người không mù quáng, thế tại sao tính ham ngủ ông lại không dẹp bỏ được? Trong lúc nghe pháp mà ngủ thì bao giờ mới chứng đạo giải thoát?

Nghe Phật quở, A Na Luật quỳ lạy sám hối và phát lời thề rằng:

· Bạch Thế Tôn con xin sám hối tội hay ngũ gục trong lúc nghe pháp, cúi xin Đức Thế Tôn lượng thứ. Từ nay về sau con sẵn sàng chịu mọi cực hình miễn sao diệt trừ được tật xấu ngũ gục.

Từ đó Tôn giả quyết tâm không ngủ. Lúc nào cũng mở to đôi mắt nhìn vào khoảng không, từ đầu hôm đến sáng, từ sáng đến chiều không chớp mắt. Sức người có hạn, sau những giờ làm việc mệt nhọc, con người cần có giấc ngủ để lấy lại sức lực. Sự vận hành của thiên nhiên giữ cho con người được thăng bằng. Mặt trời xuất hiện soi sáng mọi vật, giúp con người hoạt động. Mặt trời đi ngủ khiến không khí mát mẻ, bóng đêm tràn ngập, giúp con người ngủ nghỉ để tâm hồn bình thản, trái với thiên nhiên, con người mất hết sức lực. Mắt ngủ là một bệnh, cơ thể đã đuối, hai mắt sưng húp. A Na Luật đã cãi thiên nhiên, ngồi chong mắt hết ngày nọ đến ngày kia, khiến hai mắt sưng vù.

Từ trên pháp tòa, nhìn thấy A Na Luật đã sưng vù hai mắt, Phật rất lo lắng gọi đến và dạy rằng:

· Này A Na Luật! Người tu hành hãy tránh hai thái cực: Bất cập hoặc thái quá đều chẳng đạt đạo. Dây đàn căng quá hoặc chùng quá khiến đàn không kêu, dây đàn vừa phải, tiếng đàn mới thánh thót. Sự tu hành phải đi theo con đường trung đạo. Ông không nên hành đạo theo con đường thè độc của ông, nguy hiểm lắm đạo chưa đạt mà mắt đã mù, sẽ chịu thiệt hại nhiều thứ.

· Bạch Thế Tôn! Con không thể trái nguyện, xin Thế Tôn cho con được giữ tròn.

· Này A Na Luật! Sống trong đời con mắt rất cần yếu, mắt bị mù sẽ không thấy biết gì hết. Con người sống được nhờ ăn, có ngủ nghỉ con mắt mới tinh sáng. Giấc ngủ là thức ăn của con mắt, ông không ngủ tức là bắt mắt nhịn đói, đói ngủ nó sẽ mù sức khỏe của ông cũng sẽ kiệt, sức kiệt thì làm thế nào tiến đến Niết Bàn, ông nên biết Niết Bàn cũng cần thức ăn.

· Bạch Thế Tôn! Thế thức ăn của Niết Bàn là gì?

· Thức ăn của Niết Bàn là không buông lung (bất phóng dật), người không buông lung mới đạt Niết Bàn.

Mặc dù Phật từ mẫn khuyên bảo, Tôn giả vẫn không nghe cứ tiếp tục cố mở mắt, một thời gian ngắn, đôi mắt bị mù. Một hôm Tôn giả mặc một tấm áo,

biết có chỗ rách bèn ngồi vá áo, nhưng không biết mượn ai khâu chỉ vào kim, Phật đến trước A Na Luật và nói:

- Để ta khâu giúp cho.

Tình thương của Phật thật bao la, A Na Luật rất cảm động. Khâu chỉ xong, Phật trao kim lại nhưng A Na Luật cũng chẳng thấy để may, tay cứ mân mê cái áo. Thấy thế Đức Phật lại bảo:

- Để ta giúp cho.

Suốt ngày Phật nắm tay A Na Luật hướng dẫn để mũi kim lên xuống đều đặn, mãi đến chiều ba y đã vá xong. Để giúp cho A Na Luật không cần mất thịt vẫn thấy xuyên suốt ba ngàn thế giới, Phật dạy A Na Luật phương pháp nhập định, luyện phép thiên nhiên. Bản chất vốn hay cương quyết, lại tuyệt đối tin Phật, A Na Luật chứng được Thiên Nhân Thông. Được giáo đoàn suy tôn là bậc Thiên Nhân Đệ Nhất trong hàng Thánh chúng.

---o0o---

Tám Điều Giác Ngộ Của Bậc Đại Nhân

Sau khi chứng Thiên nhân thông Tôn giả đến trước Phật tỏ lòng biết ơn rồi thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Bước đầu của người xuất gia là loại trừ tham sân, ngã mạn, tật đố, để bản thân có phẩm hạnh vô ngã, vị tha, và đem lại cho mọi người được nhiều phước lạc. Nhưng để tiến xa hơn đến chân trời giác ngộ, giải thoát và niết bàn, người xuất gia còn phải thực hành những gì xin Thế Tôn chỉ giáo.

- Đức Phật hoan hỷ dạy rằng:

- Hay thay! Hay thay! Người xuất gia cần phải hạ hóa thượng cầu. Ngoài việc làm lợi ích cho con người, cho xã hội, để giải thoát hàng Tỳ kheo cần phải thực hành "Tám điều giác ngộ của bậc đại nhân". Đó là:

- Thứ nhất: Giác ngộ thế gian vô thường, đất nước nguy khốn, bốn đại khổ không, năm ấm không ngã, thấy đều sinh diệt, hư dối không thật, tâm là gốc tội, thân thể biến hoại. Quán sát như vậy dần lìa sinh tử.

- Thứ hai: Giác ngộ tham dục gốc khổ dẫn vào sanh tử, thiếu dục vô vi thân tâm tự tại.
- Thứ ba: Giác ngộ lòng tham không đáy, càng có càng cầu, càng thêm tội ác. Bồ tát ngược lại, ít muốn biết đủ, vui đạo quên nghèo, bồi đắp trí tuệ.
- Thứ tư: Giác ngộ, lười biếng trụ lạc điều đáng tui hổ, luôn luôn tinh tấn phá trừ phiền não, hàng phục tứ ma chống khỏi địa ngục giam hãm.
- Thứ năm: Giác ngộ, ngu si là đầu mối của sanh tử, Bồ tát chăm lo học rộng nghe nhiều, tăng trưởng trí huệ sớm được biện tài, giáo hóa chúng sinh là niềm vui lớn.
- Thứ sáu: Giác ngộ, nghèo khổ sinh hận tạo thêm duyên dữ, Bồ tát không oán không ghét người ác, oán thân bình đẳng.
- Thứ bảy: Giác ngộ, dục là nguồn họa, còn ở thế gian, tâm không đắm dục, tâm chí hướng về chí hạnh xuất gia giữ hạnh thanh bạch, cầu hạnh thanh tịnh thương khắp mọi loài.
- Thứ tám: Giác ngộ, lửa sinh lửa tử, ngày đêm thiêu đốt, biển khô không bờ, phát tâm độ sinh, thay hết chúng sinh, chịu vô lượng khổ khiến đều an vui.

Này A Na Luật! Chư Phật thường khai thị tám điều trên đây. Muốn được giác ngộ cần vận dụng tâm từ bi rộng lớn làm nền tảng cho vấn đề tu phước và huệ. Người được như thế tất sẽ thành đạt cứu cánh Niết Bàn, thường lạc ngã tịnh.

---o0o---

Nhận Thức và Kết Luận

Trong nhân loại, giữa nam và nữ, nam mang tính lý trí và năng động, còn nữ thiên về tình cảm nên nặng tính thụ động và đặc biệt là tôn giáo tính. Bởi thế trong các cuộc lễ tôn giáo phái nữ chiếm nhiều hơn, người đi tu cũng chiếm đa số. Còn nếu xét về giai cấp thì từ xưa đến nay chỉ có Phật Thích Ca là vị xuất thân từ dòng dõi vua chúa, trong số đệ tử của Phật đa phần là giai cấp thấp hoặc từ đạo sĩ Bà La Môn chuyển hướng. Còn giai cấp Sát Đế Lợi ngoài Đức Phật chỉ có 8 vương tôn công tử, trong đó có A Na Luật người dám bỏ lạc thú trần gian để theo Phật xuất gia. Việt Nam có vua Trần Nhân

Tông. A Na Luật là con người đoan chính lại rất ý chí, nên đã không bị nữ sắc lung lạc, lại giữ ý chí đến như cực đoan, trong vấn đề ma ngũ đến mù cả hai mắt. Lại cũng nhờ quyết chí A Na Luật đã chứng thánh, đạt được thiên nhãn thông. Được thế nhưng không dừng lại ở đó, Tôn giả lại tinh tấn Phật phương pháp giác ngộ và giải thoát cao hơn. Do đó Đức Phật đã vì A Na Luật mà nói kinh Tám Điều Giác Ngộ của Bạc Đại Nhân. Với kinh này không chỉ là phương pháp giúp sự tu hành cho A Na Luật xưa kia mà ngày nay chúng ta cũng cần học để tiến tu. Sinh vào thời điểm mật pháp, đạo nghiệp chúng ta rất yếu, trong lòng còn nhiều tham ái, tật đố, ngu si, lười biếng, ích kỷ... Chúng ta nên noi gương Tôn giả A Na Luật, tâm niệm tu tưởng 8 điều giác ngộ, giữ tâm đoan chính, lập chí vững chắc để đừng bị tình đời lôi cuốn, hầu nâng cao phẩm hạnh đạo đức giúp ích cho đạo, lợi lạc cho đời và làm tư lương cho con đường tiến lên chân trời giác ngộ và giải thoát.

---o0o---

Tôn Giả La Hầu La **Rahula - Mật Hạnh Đệ Nhất**

Tục ngữ Việt Nam có câu: "Con vua thì được làm vua, con sãi giữ chùa thì quét lá đa". Câu tục ngữ con vua quan bao giờ cũng được che chở và tiếp tục chức tước, còn dân thì cha truyền con nối cày sâu cuốc bẫm, còn mang ý nghĩa nói lên tính huyết thống, di truyền mà ít ai nghĩ đến từ ý nghĩa đó, tục ngữ Việt Nam còn có thêm một câu tương tự: "Con nhà tông không giống lông cũng giống cánh". Tục ngữ Pháp gọi là: "Cha như thế nào con như thế ấy" (Tel père, tel fils). Bởi thế với xã hội chúng ta có thể thiết lập công bằng trên bình diện quyền lợi vật chất, còn huyết thống di truyền thì chúng ta khó có thể san bằng được, nếu con người không chịu cấy giống, tạo được khí hậu đồng đều giữa các miền. Dù không có pháp chế chính thức, người Nhật đã âm thầm lai giống cho nên ngày nay dân Nhật có tầm vóc cao, hết gọi là Nhật lùn, ngoài vấn đề Nhật có một đời sống vật chất cao, đầy đủ chất dinh dưỡng. Từ đó thực tế cho thấy vấn đề huyết thống di truyền rất là quan trọng đối với con người. Ngày xưa ở Ấn Độ Thái Tử Tất Đạt Đa vốn sanh từ dòng Sát Đế Lợi, được thừa hưởng huyết thống thông minh tài trí, lại nhờ bối cảnh xã hội thúc đẩy, Thái Tử Tất Đạt Đa vượt trội lên để trở thành Phật Thích Ca đấng Pháp Vương Vô Thượng. Về sau La Hầu La dù có nghịch ngợm hay đùa cợt, nhưng đã nhờ sức tiếp huyết thống của Phật Thích Ca nên đã thẳng bước tiến trên đường đạo nghiệp, trở thành một đại đệ tử Đệ Nhất Mật Hạnh.

---o0o---

La Hầu La Thời Niên Thiếu

Là cháu đích tôn của vua Tịnh Phạn và là cháu ngoại của vua Thiện Giác, La Hầu La (Rahula) rất được cưng chiều sống hạnh phúc trong thời thơ ấu. Thái Tử Tất Đạt Đa không những chỉ bỏ lạc thú mà còn khước từ luôn cả ngôi báu, bởi thế trong tương lai người kế vị vua Tịnh Phạn chắc chắn là La Hầu La. Đó cũng là lý do La Hầu La được trìu mến trong hoàng cung. Và lại La Hầu La là niềm vui duy nhất của Da Du Đà La, nên bà rất mực yêu thương và nuông chiều.

Sau ba năm thành đạo, Đức Phật mới trở về thành Ca Tỳ La Vệ thăm Phụ vương, Di mẫu, Da Du Đà La và La Hầu La. Toàn dân nô nức đón chào ngày trở về của Thái Tử Tất Đạt Đa nay đã trở thành Phật Thích Ca, Vua Tịnh phạn cũng đích thân đi đón. Da Du Đà La và La Hầu La không đi, chỉ lên lầu ngó trông. La Hầu La lúc nào cũng bên mẹ, nên mãi chưa được thấy phụ thân. Khi Đức Phật cùng Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên đến cung của Da Du Đà La, La Hầu La mới biết phụ thân. Nhưng với trí thông minh sẵn có dù chỉ 10 tuổi, La Hầu La liền nghĩ Phật chẳng còn là phụ thân riêng của La Hầu La mà là một bậc đại từ phụ của tất cả chúng sanh, với tính thơ ngây La Hầu La thường đòi được ở chung với Phật. Mỗi khi gặp Phật, La Hầu La lại đòi Phật cho gia tài. Một hôm sau khi từ rừng Ni Câu Đà vào đến hoàng cung, Đức Phật nói với Xá Lợi Phất:

· Chú bé La Hầu La cứ đòi xin ta gia tài, ta không cho thứ tài sản mong manh của cuộc đời, ta không muốn La Hầu La thừa kế ngôi báu, chỉ muốn cậu bé xuất gia cầu đạo giải thoát. Do đó ta muốn Xá Lợi Phất hướng dẫn La Hầu La xuất gia. Với huyết thống Phật chủng sẵn có, vâng lời Tôn giả Xá Lợi Phất, La Hầu La xuất gia làm vị Sa di đầu tiên trong giáo đoàn, tháp tùng các vương tôn theo Phật về Tinh Xá Trúc Lâm, tiến tu đạo nghiệp nối tiếp dòng thánh, trở thành vị Mật Hạnh Đệ Nhất.

Đạo Nghiệp La Hầu La

Sa Di nghịch ngợm

Dù đã thọ giới Sa di nhưng còn trẻ tuổi, La Hầu La chưa ý thức rõ hết tầm quan trọng của con đường mới và cũng chưa đủ kiến thức để lãnh hội chánh pháp. Trong tăng đoàn La Hầu La giống như một cái máy, các bậc trưởng thượng bảo sao nghe vậy, chẳng biết trách nhiệm của một sa di phải làm

những gì? Khi Xá Lợi Phát nhận thêm chú bé Quân Đầu vào làm Sa di, La Hầu La bắt đầu có bạn và thường bày các trò chơi nghịch ngợm, dối gạt người khác. Lúc ở rừng Ôn Tuyền, ngoài thành Vương Xá, có nhiều quan quyền, trưởng giả, cư sĩ đến hỏi nơi Đức Phật đang thuyết giáo để viếng thăm, La Hầu La thường trêu chọc bằng cách chỉ không trúng chỗ. Nếu Phật ở Tinh Xá Trúc Lâm, La Hầu La bảo ở Kỳ Xà Quật, ngược lại nếu Phật ở Kỳ Xà Quật, La Hầu La chỉ ở Trúc Lâm, hai nơi này cách nhau đến những 5 dặm. Nhiều người không bằng lòng cách trêu chọc của La Hầu La, nhưng La Hầu La vừa là Sa di, vừa là con Phật lại thuộc dòng họ quyền quý, nên không ai dám chỉ trích hoặc trách cứ. Chuyện nghịch ngợm dối gạt để mua vui lâu ngày cũng đến tai Phật. Phật không vui chút nào, vì đã là một Sa di mà tập khí vương giả, tính ý lại chưa tẩy trừ được, Đức Phật đích thân đến vườn Ôn tuyền khiển trách La Hầu La.

---o0o---

Phật Răn Dạy La Hầu La

Khi nghe tin Phật đến, La Hầu La vội vàng ra nghinh đón. Thấy Đức Phật rất oai nghiêm từ xa mới đến, La Hầu La đem nước đến để Phật rửa chân. Rửa xong, Phật chỉ nước trong chậu hỏi La Hầu La:

- Này La Hầu La! Nước này có thể uống được không?
- Bạch Thế Tôn! Không thể uống.
- Tại sao?
- Vì nước đã ô uế.

- Này La Hầu La! Ông cũng giống như thứ nước đó. Thời gian xuất gia làm Sa di khá dài, gần 10 năm nhưng với lễ thói xấu xa, ông chưa dứt được. Nước ô uế không uống được, thân tâm những người còn ô uế các tập khí có khác gì đâu? Hình thức xuất gia mà thân, khẩu, ý còn trần tục tất không thể thăng hoa. Người rời bỏ thế tục phải giữ lòng thanh tịnh, hành vi cử chỉ nhẹ nhàng, nói năng ngọt ngào, lựa lời mà nói. Xuất gia mà không trừ bỏ ba độc uế, chẳng khác gì nước dơ, nước không sạch người ta sẽ đem đổ, con người mang nhiều tật xấu ắt sẽ sa đọa tương lai đen tối.

Nói xong, Đức Phật bảo La Hầu La mang chậu đi đổ nước dơ rồi mang chậu về, khi trở lại Phật hỏi:

- Này La Hầu La! Chậu này có đựng thức ăn được không?
- Thưa không.
- Tại sao?
- Vì vết dơ bám đầy chậu.
- Này La Hầu La! Chậu dơ không đựng thức ăn được, thân dơ cũng thế thôi. Ông chỉ là một hình đồng Sa di mà thân, khẩu, ý không đồng, không tu tập giới, định, huệ, tâm không trong sạch, lời nói bông đùa nghịch ngợm, thân dính đầy cấu uế, mất hết oai nghi, như thế khác gì nước uế, chậu dơ. Chậu dùng không được thì giữ lại làm gì?
- Nói vừa dứt lời, Phật lấy chân đá nhẹ vào chậu khiến chậu vỡ đôi, Người lại hỏi tiếp:
 - Này La Hầu La! Ngươi có tiếc cái chậu không?
 - Thưa không.
 - Tại sao?
 - Vì chậu dơ, có gì phải tiếc!
- Này La Hầu La! Vì chậu dơ ngươi không tiếc khi nó vỡ. Giống như mọi người không thương kính ngươi, vì ngươi còn nhiều lầm lỗi, kể cả việc nói để mà chơi. Mang danh xuất gia, ăn nói không được thật thà, oai nghi thiếu chừng mực, phỉnh gạt người khác, ai mà thương mến ngươi được?

Nói xong Phật còn đem chuyện xưa để răn dạy thêm. Xưa kia có một ông vua chuẩn bị đầy đủ cho con voi lâm trận, mình mặc áo giáp, ngà nổi tên nhọn, túi giắt kiếm báu... Khi lâm trận voi sử dụng đủ các bộ phận của cơ thể, như hai chân trước, hai chân sau, đầu, tai, ngà, đuôi, nhưng không dùng cái vòi, luôn luôn co lại giấu kín. Nếu không bảo vệ cái vòi thì bị tên bắn, liền bị toi mạng. Đức Phật khuyên La Hầu La cần cẩn thận lời nói, giống như con voi bảo vệ cái vòi, mở miệng nói dối dù nói chơi huệ mạng của người sẽ mất. Con voi ra trận mà không biết bảo vệ cái vòi thì chẳng còn biết sợ gì hết. Con người không cẩn thận, cân nhắc lời nói để cứ nói lừa, nói dối sẽ không có tầm quý và không có một việc xấu xa nào mà không làm. Bởi thế con người hãy ráng giữ miệng giữ mồm. Nghe Đức Phật răn dạy, La

Hầu La tỉnh ngộ phát nguyện sửa đổi oai nghi, bỏ lời dối gạt, âm thầm vắng vẻ tu luyện mật hạnh.

---o0o---

Tu Hạnh Nhẫn Nhục

Tuy La Hầu La đã phát nguyện giữ gìn giới luật, cẩn thận lời nói tiến tu mật hạnh, Đức Phật vẫn bảo Tôn giả Xá Lợi Phất luôn luôn kèm chế La Hầu La bằng những công tác hằng ngày. Theo lời Phật, Xá Lợi Phất giao việc quét dọn sân vườn cho La Hầu La. Một hôm sau khi thực hiện xong công tác hằng ngày, La Hầu La vào giảng đường nghe Phật thuyết pháp mãi đến tối mới trở về phòng. La Hầu La thấy một khách tăng đã dọn y bát của La Hầu La ra ngoài để lấy phòng nằm ngủ, theo sự hướng dẫn của vị quản lý. Vì đã nguyện kín tiếng lặng hơi theo pháp mật hạnh, La Hầu La đành ôm y bát ra sân ngồi. Thành linh trời đổ mưa xối xả, La Hầu La lại ôm y bát vào nhà xí. Cũng vì trời mưa nước ngập hang, một con rắn tìm nơi lánh nạn, bò vào nhà xí. Vì trời tối La Hầu La ngồi bất động không thấy rắn, trong cơn nước ngập rắn bò kiếm chỗ khôn ráo nên cũng không biết có người trong nhà xí. Ngay tối hôm đó có người báo cho Phật hay La Hầu La bị một khách tăng chiếm phòng và có thể La Hầu La ẩn mưa trong nhà xí, Phật liền đi tìm La Hầu La. Khi rọi đèn vào nhà xí, Phật thấy La Hầu La ngồi bó gối ở một góc, con rắn khoanh tròn ở một góc. Vì có ánh sáng rắn nằm bất động, còn La Hầu La được Phật gọi ra và dẫn vào Tinh xá. Sáng hôm sau, Phật tập họp tăng đoàn ban hành quy chế, Sa di có thể ở chung phòng với Tỳ kheo. Từ đó La Hầu La được ở chung phòng với Xá Lợi Phất, hai thầy trò sát cánh nhau. Một hôm hai thầy trò đi khát thực, vì kính Tỳ kheo hơn Sa di, các đàn việt đem vật ngon cúng cho Tỳ kheo, còn Sa di La Hầu La nhận những vật thực ít chất dinh dưỡng như xác mè, rau đậu... Tuy đã phát nguyện nhẫn nhịn, tịnh hóa thân tâm, các tập khí bị dồn nén lâu ngày, giờ có thời cơ trỗi dậy. Với ý nghĩ tuổi đang lớn, cần được dinh dưỡng khi khát thực về về mặt La Hầu La lộ nét u buồn, Phật hỏi lý do La Hầu La trình lại sự cố. Phật dạy La Hầu La nên kính lão, vả lại đi tu đâu có cần miếng ăn, ăn để sống chứ đâu phải sống để ăn. Đức Phật khuyên La Hầu La nên chú trọng đến hạnh tu, không nên quá quan tâm đến ăn uống, thức ăn chỉ là thuốc trị bệnh đói. Tuy nhiên, Phật cũng bảo Ngài Xá Lợi Phất nên chăm sóc đến sức khỏe của tuổi trẻ bằng cách lưu tâm đến sự ăn uống cho đủ chất dinh dưỡng. Một hôm khác hai thầy trò vào thành Vương xá khát thực, trên đường đi chẳng may hai thầy trò gặp một chàng du đãng. Hắn ta chặn đường, chửi bới lấy cát bỏ vào bình bát của Xá Lợi Phất, rồi vác gậy đánh La Hầu La túi bụi rồi bỏ đi. Vì sức yếu

không chống trả nổi, đầu bị chảy máu. Lại cũng do tập khí bị dồn nén chưa dứt sạch, mặt La Hầu La tức giận bùng bùng và ôm đầu khóc thê thảm. Xá Lợi Phất từ tôn khuyến giáo:

· Này La Hầu La! Tuổi đã 18,19 sắp được thọ cụ túc giới, người hãy quyết tâm nhổ sạch tập khí 3 độc, bằng mật hạnh nhẫn nhục, kẻ hành giả không nên oán cừ thù hận, hãy đem đức tính từ bi thương yêu tất cả chúng sanh, ở đời khen, chê, vinh, nhục là điều không đáng cho người tu hành lưu tâm. Điều đáng cho hành giả ghi nhớ là ở thế gian, sức mạnh nhẫn nhục có thể thắng tất cả sức mạnh khác, dù lớn lao đến đâu.

Vừa khuyên giải, Tôn giả vừa băng bó vết thương cho La Hầu La. Khi về đến Tinh xá, Tôn giả trình lên Đức Phật sự tình vừa mới xảy ra trên đường hai thầy trò đi khát thực. Phật dạy La Hầu La:

· Này La Hầu La! Nhẫn nhục là hạnh vô cùng cao quý, muốn thấy Phật, thuận pháp, gần tăng ông hãy tu hạnh nhẫn nhục. Người biết nhẫn nhục tâm hồn sẽ thư thái, an ổn, diệt trừ được các tai họa, trí tuệ phát sinh, trí tuệ là kiếm báu chặt đứt gốc rễ vô minh, tham ái, ngã chấp. Người có trí tuệ dù có chung đụng với thế lực vẫn không bị ô nhiễm. Nhẫn nhục là điều kiện làm tăng thượng duyên, tuyên dương chánh pháp, là tư lương để giải thoát khỏi sinh tử luân hồi. Để khai thị thêm, giúp La Hầu La có đủ điều kiện tiến tu và chứng thánh, Phật lại khuyến hóa tiếp:

· Này La Hầu La! Để nối tiếp dòng thánh không phụ các ân người hãy nhìn thẳng vào thực tại của muôn vật, người có thấy vật nào đứng yên không? Tất cả năng động trong sinh diệt, diệt sinh, người cần đem trí tuệ soi suốt tính vô thường, vô ngã của vạn vật kể cả thân tâm của ông, có suốt rõ như thế tâm mới không dính mắc vào bất cứ một thứ gì để tu niệm, giữ 8 vạn oai nghi và ba ngàn tế hạnh, hầu sớm được giải thoát. Người không thể trì trệ trên con đường triển khai Phật chủng. Nghe Đức Phật cảnh tỉnh, La Hầu La liền tỉnh ngộ, dành mọi thời gian, chuyên tâm tu luyện oai nghi tế hạnh. Cuối cùng La Hầu La trở thành bậc đệ nhất về mật hạnh, được Phật khen ngợi và khuyên trang trải tâm tư đồng thể khắp mọi loài đưa chúng sanh qua bờ giải thoát.

Tiếp Nhận Tinh Xá

Tuổi còn trẻ ít tham gia sinh hoạt của tăng đoàn, chỉ vâng lời Phật chuyên tu oai nghi tế hạnh, lúc 20 tuổi La Hầu La chứng Thánh và được nhiều người kính trọng, vì thế La Hầu La được tín chúng cúng dường nhiều nhất. Một hôm Đức Phật ở Ca Tỳ La Vệ thuyết pháp, có một trưởng giả đến xin quy y Phật nhưng lại rất hữu duyên với La Hầu La. Sau ngày quy y vì cùng một quê hương Ca Tỳ La Vệ, Ông trưởng giả cúng dường cho La Hầu La đủ các thứ cần dùng. Sản có tài sản trưởng giả xây cất một tinh xá, dâng cúng cho La Hầu La. Tinh Xá kang trang rộng rãi nên La Hầu La dọn về thường trú ở đó. Trên đường đi thuyết pháp các Tỷ kheo cũng thường ghé lại Tinh xá của La Hầu La. Vì thế Tinh Xá lúc nào cũng đông khách ra vào. Vì nghĩ Tinh xá do mình cúng nên mình có trách nhiệm quản lý, Trưởng giả rất siêng năng lui tới Tinh xá bàn bạc với La Hầu La việc này, việc nọ, đôi lúc ông còn lấn cả quyền hạn của trụ trì La Hầu La. Là một người tu hạnh nhẫn nhục luôn im lặng trước mọi hành động của vị trưởng giả, và cũng vì chưa nghe Phật chế giới tiếp nhận và quản lý Tinh xá như thế nào nên trong dịp trở về Trúc Lâm, La Hầu La thỉnh Phật ý kiến. Đức Phật dạy rằng:

· Trong giáo pháp của ta việc của tăng đoàn, hàng tín chúng không được can dự vào, phòng ốc, tinh xá của tăng đoàn cư sĩ Phật tử không có quyền quản lý. Dù bất cứ vật gì kể cả Tinh xá, sau khi đã dâng cúng quyền sở hữu thuộc về chư tăng.

Nghe Phật giải thích rõ ràng, La Hầu La về trình bày với ông trưởng giả. Đã không thông hiểu Phật pháp lại ý đã bỏ tài sản ra xây dựng, đương nhiên ông có quyền quản lý. Do đó trước kính trọng cúng dường cho La Hầu La bao nhiêu, bây giờ trưởng giả lại oán thù La Hầu La bấy nhiêu, xem La Hầu La là người chiếm đoạt tài sản. Một hôm La Hầu La có việc phải vào thành Xá Vệ, đúng lúc trưởng giả viếng thăm Tinh xá, vì tâm bất bằng có sẵn lại thấy Tinh xá vắng vẻ, trưởng giả vội vàng đem Tinh xá cúng dường cho một vị Tỷ kheo khác. Khi xong việc trở về, thấy tinh xá có người đến ở, với tâm không vụ lợi tranh chấp, xả bỏ tất cả, La Hầu La ôm y bát trở về Tinh xá Kỳ Hoàn. Thấy lạ Đức Phật hỏi lý do, La Hầu La trình bày với Phật, Tinh xá đã bị trưởng giả thu hồi và đem cúng dường cho một vị Tỷ kheo khác. Đức Phật nghĩ, người không hiểu Phật pháp mà đi làm phật sự thật là một điều khó, sau đó Phật triệu tập tăng đoàn và dạy:

· Những vật đã đem bố thí cho người, tín thí đem tặng lại cho các ông, các ông không được tiếp nhận. Nói thế không phải ta thiên vị, bênh vực

quyền lợi cho La Hầu La, phép tắc trong giáo đoàn phải được quy định rõ để tránh các rắc rối về sau.

---o0o---

La Hầu La Nhập Niết Bàn

Về sự đản sinh và niết bàn của La Hầu La có hai truyền thuyết: Một thuyết cho rằng La Hầu La ra đời năm Thái tử Tất Đạt Đa 19 tuổi, thuyết khác cho rằng La Hầu La chào đời năm Thái Tử Tất Đạt Đa 25 tuổi. Về năm Niết Bàn của La Hầu La cũng có hai truyền thuyết. Một thuyết nói La Hầu La Niết bàn trước Phật vài năm, thuyết khác ghi khi Phật Niết Bàn La Hầu La còn quỳ bên Phật. Theo truyền ký Da Du Đà La cùng tuổi với Phật, nhưng niết bàn năm 78 tuổi như thế là trước Phật 2 năm. Còn La Hầu La niết bàn không quá 50 tuổi trước cả Phật và Da Du Đà La.

---o0o---

Nhận Thức Và Kết Luận

Trong hàng Thánh chúng, La Hầu La là vị tu chứng trẻ nhất, lúc mới 20 tuổi. Đúng là mê nhất kiếp ngộ nhất thời, vừa vâng lời Phật bỏ tính ham chơi của tuổi trẻ, tu chẳng bao lâu La Hầu La liền chứng thánh vị. Lúc còn là chú tiểu và cả lúc đã thọ sa di, La Hầu La biểu thị tính hồn nhiên, thơ ngây, nghịch ngợm của tuổi trẻ ngày xưa. Nếu đem so với thế hệ tuổi trẻ ngày nay, chúng không còn ngây thơ hồn nhiên như thế hệ tuổi trẻ của cha anh. Chúng ta không nên méo mó, phải thẳng thắn thừa nhận rằng, trong hiện tại con em chúng ta đang thiếu hướng dẫn, nạn phá phách, xì ke, ma túy nghiện ngập đang lan tràn trong giới trẻ. Gia đình, học đường cần tìm biện pháp chấn chỉnh, đưa tuổi trẻ vào nề nếp. Chúng ta không thể ham lo đời sống kinh tế rồi bỏ quên tuổi trẻ, thế hệ mai sau của tổ quốc. Do đó chúng ta hãy noi gương Đức Phật và Tôn giả Xá Lợi Phất đi sâu sát rèn luyện tuổi trẻ sớm nên người tốt trong xã hội.

Trên đây là nói về mặt chung của xã hội, còn mặt riêng trong giới tăng ni trẻ, chúng ta phải noi gương La Hầu La về mặt giới đức tu trì. Trong tuổi trẻ La Hầu La có đùa nghịch nhưng là đùa trẻ nghịch hồn nhiên, trong trắng, không bê tha ô nhiễm... Bởi thế sau khi nghe giáo huấn của Phật và Tôn Giả Xá Lợi Phất, La Hầu La đã dễ dàng loại trừ những trò chơi trêu chọc nghịch ngợm và gia công tra dồi oai nghi tế hạnh, để chứng thánh quả. Các tăng ni trẻ nên khép mình trong khuôn khổ nhà chùa, tam thường bất tức, tu trì giới,

định, tuệ để trở thành một tăng sĩ thật tài, có đức hữu ích cho giáo hội, cho dân tộc. Có học có tu, có thực tài, có đức hạnh, vị thế của chúng ta trong giáo đoàn và ngoài xã hội mới vững, mới lâu dài. Người xưa có nói: "Hữu hoạn bất tài, hà hoạn vô vị" (chỉ sợ không tài, lo gì không có địa vị). Đối với cuộc đời, người có tài đức nếu vì một lý do nào đó không thành công thì cũng thành nhân". Riêng tu sĩ vấn đề tiến tu đạo nghiệp là chính. Tôn giả La Hầu La nhờ âm thầm bỏ công rèn luyện oai nghi tế hạnh nên đã trở thành vị Mật Hạnh Đệ Nhất ngay lúc tuổi còn trẻ. Trong công tác của giáo đoàn, dù không có những hoạt động sôi nổi như Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Phú Lô Na, Ca Chiên Diên... nhưng đã chứng Thánh quả A La Hán, Mật Hạnh đệ nhất, La Hầu La đã có vị thế lâu dài trong hàng Thánh chúng Thập đại đệ tử của Đức Phật.

---o0o---

Tôn Giả Tu Bồ Đề **Subhuti - Giải Không Đệ Nhất**

Qua 45 năm thuyết pháp, tùy theo căn cơ trình độ của chúng sinh Đức Phật đã nói rất nhiều vấn đề. Từ những vấn đề đó sau khi Phật vào Niết Bàn, giáo đoàn chia thành nhiều bộ phái và có nhiều quan điểm khác nhau, nhưng không ngoài hai phái chính yếu là Nam Tông và Bắc Tông. Nam tông theo hệ kinh Pali, Bắc Tông theo hệ kinh Sanskrit. Trung tâm và cơ bản của Bắc tông là Bát Nhã (Prajñā). Trung Quốc dịch là Tuệ, Trí tuệ, Không trí. Trí tuệ của Bát Nhã không phải là thế trí biện thông, mà là loại trí tuệ siêu thiện ác vô phân biệt. Trong bản chất trí tuệ này thanh tịnh và vắng lặng, trong suốt như hư không, cho nên gọi là không trí có nghĩa là trí tuệ hiểu về tánh không của các pháp, vì các pháp hiện tượng vốn là duyên sinh cho nên tự thể nó là không, thấy đều giả hữu, hết thấy đều vô ngã, sâu xa. Tánh này không thật sâu xa huyền diệu, ngôn thuyết không diễn tả hết, tâm tư cũng khó hiểu thấu, vì không mà có, có mà không, nói theo lý Bát Nhã là chân không diệu hữu. Khi Phật nói kinh Bát Nhã trong số 1.250 vị đại A La Hán nói chung, 10 đại đệ tử nói riêng, người thấu hiểu không trí hơn hết là Tu Bồ Đề, bậc Giải Không Đệ Nhất.

---o0o---

Danh Hiệu Tu Bồ Đề

Trong các sách sử, các đệ tử Phật đều có ghi chép lịch sử hoặc nhiều hoặc ít, riêng Tu Bồ Đề không có ghi chép về gia thế dòng họ. Tuy nhiên trong kinh

điền Bắc Tông có chép về truyền thuyết sự tích của Tu Bồ Đề qua một vài chi tiết. Tôn giả chào đời ngay trong lúc gia đình như thiếu may mắn, tất cả tài sản rơi rụng, kho lẫm trống trơn một cách ngẫu nhiên. Cả nhà đều lo sợ, nhiều người cho là điềm lạ kéo đến quan sát luận bàn và cuối cùng đều quyết đoán đó là một điềm lành, ngày sau đứa bé sẽ trở thành một nhân vật phi thường. Dựa theo sự quyết đoán của số đông, bà mẹ đặt tên cho đứa bé là Tu Bồ Đề (Subhuti), có nghĩa là không sanh hay Thiện Cát (tốt lành), hay Thiện hiện (hiện điềm tốt). Quả thật về sau gia đình gặp nhiều điều may mắn, trở lại giàu có, tiền của tràn đầy kho lẫm. Tuy tuổi còn nhỏ Tu Bồ Đề không mấy thiết tha với tài lợi, cha mẹ cho bất cứ một vật gì Tu Bồ Đề đem bỏ thí hết cho người thiếu thốn. Với trí thông minh xét thấy muôn vật đều hư giả, trống không, tự thể cũng mất khả năng chủ động, bởi thế khi gặp Đức Phật Tu Bồ Đề liền xin xuất gia.

---o0o---

Đạo Nghiệp Của Tu Bồ Đề

Khất thực nhà giàu

Vì sẵn có từ tâm hay thương người nghèo khó, từ hồi còn nhỏ ở với cha mẹ Tu Bồ Đề thường đem của cải ban bố cho người. Nhiều lần bị cha mẹ rầy la, Ngài vẫn không từ bỏ hạnh bố thí. Bởi thế sau khi theo Phật mỗi sáng đi khất thực, Tôn giả không nỡ dừng bước trước cửa những ngôi nhà lụp xụp xơ xác, có vẻ nghèo nàn, dù xa đến đâu Ngài cũng đến khất thực những gia đình giàu có. Với phong cách khất thực của Tôn giả, các đệ tử của Phật cho là khác thường và chẳng rõ vì sao? Bởi theo pháp hành hóa của Phật, Tỳ kheo phải tuần tự khất thực trước mỗi nhà dù nghèo hay là giàu đều phải dừng bước để cho người gieo giống phước điền. Đàng này mỗi sáng ra khỏi Tinh xá Tôn giả tách đoàn đi riêng và tránh xa nhà nghèo, dù đôi lúc phải mang bát không về, chịu đói. Có người hỏi lý do, Ngài giải thích:

· Khất phú hay khất bần cũng đều vì lợi ích chúng sanh cả, nhưng khất người nghèo là tước đoạt phần ăn của họ, vả lại nếu không có vật thực để cúng dường người nghèo có thể sinh buồn tủi, thế là vô tình đã gieo ưu sầu cho người.

Trong chúng đệ tử Phật ngược với Tu Bồ Đề, có Ngài Ma Ha Ca Diếp lại chỉ khất thực nhà nghèo, tránh xa nhà giàu. Vì theo Ca Diếp người giàu đã có thừa phước báu khỏi cần đem phước báu lại cho họ, người nghèo mới cần

đem gieo trồng phước báu, để mai sau khỏi bị nghèo túng. Bởi thế người xuất gia cần đem ruộng phước đến cho người gieo giống phước đức.

Thái độ của hai Ngài đã trở thành hai thái cực, nên đã bị Đức Phật quở trách. Theo Phật con người cần giữ tâm quân bình, không được phân biệt, thiên kiến. Người đứng lẫn ranh này tất phải đối đầu với lẫn ranh kia, cuộc đời vì có đối kháng mà tương tranh, mất bình đẳng gây nên nhiều thảm họa. Đức Phật đi xuất gia vì muốn san bằng cuộc sống bất công, từ đó giáo pháp của Phật hàm chứa tinh thần hòa đồng, không phân chia ranh giới, kể cả giàu và nghèo. Phép khát thực chân chính là không phân chia giàu nghèo, sang hèn, Tỳ kheo cần giữ oai nghi nghiêm túc, thứ lớp khát thực. Với đức tính trống rỗng sẵn có, Tu Bồ Đề dễ dàng thuận theo lời Phật dạy, khi đi khát thực không còn phân chia giàu nghèo, đem phước điền đến cho tất cả mọi người.

---o0o---

Tu Bồ Đề Đón Phật

Trong hàng Thánh chúng, Tu Bồ Đề dùng trí quán chiếu soi thấy tánh không của các pháp, thể chứng lý không, từ đó Tôn giả thường nói lý không và các oai nghi tế hạnh đều biểu thị lý không. Tương truyền một hôm, tại động Kỳ Xà Quạt trên núi Linh Thứu, trong lúc đang vá áo, Tôn giả dùng trí quán chiếu biết Đức Phật du hóa phương xa sắp trở về. Tôn giả ngưng việc vá áo định đi đón Phật nhưng liền nghĩ rằng: Phật là bậc vô ngã, pháp thân không tịch vắng lặng, ngã và ngã sở đều không, tuyệt dứt đối đãi. Phật đã từng nói không ngã, không nhờn, không chúng sanh, không thọ giả, các pháp rỗng lặng pháp tánh biến khắp không gian và thời gian. Pháp thân Phật ở đâu mà chẳng có, vì thế ta đi đón Phật có thể bị Phật quở trách là người hành tà đạo. Trong hội Bát Nhã Đức Phật đã nói:

· Nếu lấy sắc thấy ta, lấy âm thanh cầu ta, đó là người tà đạo, không thể thấy Như Lai.

Sau khi suy nghĩ, Tôn giả ngồi vá áo một cách bình thản như không có chuyện gì xảy ra. Lúc bấy giờ trên đường trở về Phật được Tăng đoàn và đông đảo quần chúng chuẩn bị đón tiếp vô cùng trang trọng. Trong số đó có Tỳ kheo ni Liên Hoa Sắc, vị chứng thân thông đệ nhất bên nữ, vận dụng thân thông để đón Phật trước nhất. Khi gặp Phật Liên Hoa Sắc đánh lễ và bạch Phật:

· Bạch Đức Thế Tôn! Nhờ có phép thần thông con hay tin Thế Tôn về và đến đây chờ đánh lễ Thế Tôn trước hơn ai hết.

Trước nét hân hoan của Liên Hoa Sắc, Phật mỉm cười từ tốn nói rằng:

· Liên Hoa Sắc! Người nghinh đón ta trước tiên chẳng phải là người.

Nhìn bốn phía chẳng thấy ai, tất cả đều còn ở sau xa, với vẻ hoài nghi bàng hoàng, Liên Hoa Sắc quỳ thưa:

· Bạch Đức Thế Tôn! Con vận dụng sức thần thông khi đến đây chẳng thấy có ai cả. Thế ai là người đón Đức Thế Tôn trước con?

Trong lúc Liên Hoa Sắc vừa chấm dứt câu hỏi, Ca Diếp và Tăng đoàn từ từ tiến đến. Đợi chúng Tăng quy tụ đông đảo, Phật mỉm cười nói với tất cả mà cũng để trả lời cho Liên Hoa Sắc, Phật nói:

· Nay các Tỳ kheo! Ta cảm ơn tất cả, các ông đã không quản xa xôi để đến đây đón ta, nhưng người gặp ta trước tiên chính là Tu Bồ Đề. Hiện giờ tại núi Kỳ Xà Quật, Tu Bồ Đề đang chiếu quán tánh không của các pháp. Người thấy thể tánh rỗng lặng như như bất động, chính là người trực tiếp nghinh đón ta trước nhất. Chúng đệ tử kể cả Liên Hoa Sắc, nghe Phật nói mới thấu rõ tướng của các pháp là hư vọng như chiêm bao, ảo thuật, bóng nước, ảnh tượng, sương mai, điện chớp. Thể tính các pháp là pháp không tịnh, ly ngã, nhơn, chúng sinh, thọ giả, Tu Bồ Đề đã thấu rõ chân lý đó nên Tôn giả là người đón Đức Thế Tôn trước hơn ai hết. Tôn giả xứng đáng là vị Giải Không Đệ Nhất trong hàng Thánh chúng.

---o0o---

Tu Bồ Đề Xương Minh Lý Không

Một hôm tại hội Bát Nhã, trước 1.250 vị Tỳ kheo, hướng về Tu Bồ Đề, Phật nói:

· Tu Bồ Đề! Ông có biện tài thể hội sâu xa đạo lý chân không, giờ này trước đại chúng ông hãy thuyết về không lý Bát Nhã cho tất cả cùng nghe. Nghe Phật dạy Tu Bồ Đề, đại chúng đều không rõ Tu Bồ Đề sẽ dựa vào biện tài của tự thân hay nhờ oai lực của Phật để nói lý chơn không của Bát Nhã? Rõ biết tâm lý đại chúng Tu Bồ Đề rào đón nói rằng:

· Thừa đại chúng! Muốn tỏ lòng cung kính Phật là phải vâng mệnh lệnh của Phật, tôi vốn biết sức mình có hạn, trí tuệ biện tài còn non, nếu không nương sức oai lực của Phật tôi phải thúc thủ. Chân lý của Phật nói thật là sâu xa huyền diệu, như chúng ta đã biết muôn sự, muôn vật, nói khác hơn là các pháp đều do nhân duyên mà sanh khởi, cho nên các pháp là không thực thể, không tự chủ, thực tướng các pháp là chân không diệu hữu. Trong hội Bát Nhã Đức Phật nói: - Sắc tức là không, không tức là sắc, sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, thọ tướng hành thức cũng giống như vậy.

Cái có của các pháp là giả danh, không có thật, bởi thế các pháp chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng dị, chẳng lai, chẳng xuất. Các pháp vốn không tướng cho nên đâu còn tướng sanh, diệt, sạch, dơ, thêm, bớt. Rồi từ đó lục căn, lục trần, lục thức, lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới, không vô minh diệt, cũng không vô minh tận. Đã là giả danh cho nên không những sinh, lão, bệnh, tử, khổ, tập, diệt, đạo đã không mà không luôn cả trí và cái sở đắc, kể luôn cả cái tâm.

· Phật nói: Các tâm đều là phi tâm, thế mới gọi là tâm, tâm quá khứ, hiện tại và vị lai

đều không nhận được. Các pháp vốn không nên không có chủ thể, gọi là vô ngã, vì ngã cũng là giả danh. Có lý tất cả mới đạt trung đạo, mới thật đạt tướng Niết Bàn tịch diệt vắng lặng.

Trong giáo đoàn của Phật, chỉ có Tôn Giả Tu Bồ Đề nhận thức sâu sắc về không tánh của các pháp, hiểu thấu đáo không lý và thật chứng không trí, bởi thế Ngài được tôn xưng là bậc Giải Không đệ nhất.

Nhận Thức và Kết Luận

Khi còn tại thế lúc nói Kinh Bát Nhã, Đức Phật xưng minh lý tính chân không diệu hữu của các pháp duyên sinh, Tôn giả được thừa nhận là bậc đã chứng đắc về không trí và không lý. Mãi đến hơn 600 năm sau, với luận lý Bát Nhã Bồ Tát Long Thọ mới triển khai thành giáo nghĩa Bát Nhã, xây dựng thế giới quan chân không diệu hữu của giáo hệ Bắc Tông qua con đường trung đạo. Hiện nay trong Đại Tạng chữ Hán có đến 720 quyển kinh thuộc về hệ Bát Nhã. Từ xưa đầu mối của giáo hệ Bắc Tông, kinh Bát Nhã là nguồn mạch, nếu không có kinh Bát Nhã thuyết lý chân không diệu hữu thì các trào lưu tư tưởng thuộc hệ Bắc Tông không thể hình thành và tồn tại đến

ngày nay. Bởi thế chúng ta có thể nói: Tôn Giả Tu Bồ Đề là vị Tổ đầu tiên của phái Bắc Tông và cả Bát Nhã Tông. Ngài là bậc đã tu quán bằng không trí Bát Nhã.

Với lý duyên sinh, các pháp trùng trùng duyên khởi liên hệ với nhau chẳng chịt. Tương truyền khi Tôn giả mới sinh chính là lúc tài sản gia đình hết sạch, kho lẫm trống trơn, không phải là vấn đề hoang đường, duy lý hay duy tâm. Phật giáo không duy gì hết, Đức Phật chỉ thuyết minh cái thực tại của các pháp để giúp con người hiểu, tu chứng giải thoát. Thực tại là như vậy, ta không nên rơi vào bất cứ cái duy nào, với lý duyên sinh cái này có thì cái kia có, cái này không thì cái kia không... cái này tạo thuận duyên cho cái kia sinh cái này tạo nghịch duyên cho cái kia hoại diệt. Đó là Tăng thượng duyên (thuận và nghịch), một trong 4 duyên (nhân duyên, sở nhân duyên, đẳng vô gián duyên và tăng thượng duyên). Con người có nhiều ảnh hưởng chi phối sự vật chung quanh và ngược lại. Bởi thế tài sản trong kho lẫm của gia đình Tu Bồ Đề có thể liên hệ hữu cơ với tính giải không của Tu Bồ Đề.

Trong gia đình hay ngoài xã hội cũng thế, cụ thể dễ nhận hơn như trong một gia đình, phòng ốc nhà cửa vườn tược, tươm tất sạch sẽ xanh tươi biểu thị cho người trong gia đình mang tính sạch sẽ tươm tất, cần cù siêng năng... là một gia đình đang thịnh, ngược lại là biểu thị một gia đình đang suy. Để nói lên sự thịnh suy của một gia đình, phong dao Việt Nam có câu: "Ngày xem tre, đêm nghe chó sủa" có nghĩa là: nếu thấy tre vườn xanh tươi, chó sủa hùng mạnh thì biết là gia đình hiện hữu trong đó đang thịnh, ngược lại là biểu thị cho sự suy tàn. Trong một quốc gia, xã hội, nếu mọi người mang tính thiện: "cần kiệm, liêm chính, chí công, vô tư", quốc gia đó nhất định đang trên đà giàu mạnh, mọi sự kiện trong đời đều liên hệ hữu cơ với nhau thật chặt chẽ. Nhìn chung qua cuộc đời và đạo nghiệp của Tôn Giả Tu Bồ Đề, có hai điểm đáng cho chúng ta noi gương:

- Hạnh bồ thí.
- Trí giải không.

Hai điểm đó lại tương quan với nhau. Nhờ thấu rõ tánh không của các pháp duyên sinh là không, là giả danh, là vô ngã, Tu Bồ Đề mới không ích kỷ, tham lam, chấp ngã, luôn đem của cải bố thí cho người nghèo thiếu. Lại nhờ xả ly, bố thí, Ngài mới thực sự biểu thị cho sự tu chứng tánh không của các pháp, để trở thành bậc Giải Không Đệ Nhất trong hàng Thánh chúng.

Tôn Giả Phú Lô Na

Purana - Thuyết Pháp Đệ Nhất

Thế gian có câu: Muốn bắt cọp hãy vào hang cọp. Muốn vào hang cọp phải cần có can đảm, không can đảm không thể nào bắt được cọp; người chiến sĩ muốn thắng kẻ thù cần phải can đảm xông pha ở chiến trường. Cũng thế, người hành đạo phải can đảm chịu mọi thử thách. Có can đảm thắng lướt mọi gian lao mới thành tựu được sự nghiệp đời hoặc đạo. Trong số 10 vị đại đệ tử của Phật, Phú Lô Na trở thành một vị thuyết pháp đệ nhất nhờ đức can đảm, đi bất cứ nơi đâu kể cả xứ bạo ngược nhất. Còn kể vào thứ bậc trong giáo đoàn, Phú Lô Na được xếp vào hàng thứ ba trong Thánh chúng, sau Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên.

---o0o---

Dòng Họ Và Danh Hiệu của Phú Lô Na

Ở Ấn Độ, dòng họ Phú Lô Na có danh tiếng và giàu có, Phú Lô Na rất được cha mẹ thương yêu. Tôn giả có khuôn mặt tròn đầy, mắt chan chứa vẻ từ hòa, người độ lượng khoan dung, nhưng rất can đảm. Như bao nhiêu người khác ở Ấn Độ, người con được gọi bằng tên mẹ. Theo tiếng Phạn gọi cho đủ là Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử, gọi tắt là Phú Lô Na (Purana), Trung Hoa dịch là Mãn Từ Tử tức là con của bà Mãn Từ. Danh hiệu của Tôn giả biểu hiện một con người có hoài bão vô tận, có lòng từ vô tận như non cao, núi rộng, sông dài. Về sau khi đã xuất gia đi du hóa, giáo pháp mà Tôn giả tuyên thuyết cũng trường mãn vô cùng.

---o0o---

Đạo Nghiệp Của Phú Lô Na

Phú Lô Na được Đức Phật thọ ký

Ngoài đức tính từ hòa do truyền thống dòng họ hun đúc, Ngài còn có tài hùng biện. Với tài năng sẵn có Ngài đã giúp Phật truyền bá chánh pháp khắp nơi và được mọi tầng lớp dân chúng hoan nghênh nhiệt liệt. Tại nước Kiền Tát Di, Tôn giả đã thuyết phục chúng Tỳ kheo ẩn cư đi bố giáo. Trong chúng hội có Tỳ kheo làm việc tà, Tôn giả đã sử dụng ngôn ngữ xảo diệu để cản ngăn. Tại núi Kỳ Xà Quạt trong cuộc kiết tập kinh điển về phần Luật tạng Ngài Ma Ha Ca Diếp đem 8 pháp âm thực ra yêu cầu các Tỳ kheo phải

giữ. Theo Phật trong hoàn cảnh đặc biệt tỳ kheo có thể có 8 điều tùy nghi không bị ngăn cấm:

- Chứa thức ăn trong phòng, nấu nước trong tự viện, tự nấu, tự lấy thức ăn, từ chỗ khác đem thức ăn về, ăn các thứ trái cây, ăn những thực vật sản xuất từ hồ ao và không ăn cá thịt.

Phú Lô Na đã đứng về phe tự do, nên đã chống 8 việc mà Ca Diếp cấm các Tỳ kheo. Điểm đặc biệt mà Ngài đã trội hơn các đệ tử khác là tinh thần bố giáo cao độ, Tôn giả không những thường xuyên đi bố giáo mà cả những nơi xa xôi hẻo lánh, dân tình bạo ngược, Tôn giả đều can đảm xung phong. Bởi thế Tôn giả được tôn xưng là vị Thuyết pháp Đệ Nhất.

Thấy Tôn giả có đức từ ái, tín tâm thâm hậu, hùng biện xảo diệu và bố giáo cao độ, Đức Phật đã hết lời tán dương và thọ ký cho Ngài trong tương lai sẽ thành Phật hiệu là Pháp Minh Như Lai, tại thế giới ta bà này.

---o0o---

Phú Lô Na Bố Giáo Ở Du Na

Trong sự nghiệp thuyết pháp độ sinh, Tôn giả không cần khen ngợi, cung kính, không ngại khó khăn, gian khổ. Dù những nơi hẻo lánh xa xôi, đầy ác độc, Ngài cũng nhiệt tình tìm cách đến đó truyền bá chính pháp.

Theo thông lệ hàng năm sau mùa an cư, Phật lại phân bố các đệ tử đến các địa phương truyền đạo. Trong danh sách các giáo khu Tôn giả thấy không có tên nước Duna. Phú Lô Na hỏi Phật lý do, Phật cho hay nơi đó quá xa xôi hẻo lánh, đường đi hiểm trở, dân tình lại rất dã man bạo ngược. Vì ngại nguy hiểm đến tính mạng Tăng sĩ, nên Phật không ghi tên nước Duna vào danh sách và phân bố chúng đệ tử đi đến đó thuyết giáo. Phú Lô Na xin Phật được đến đó bố giáo.

Phật hỏi: Ông không sợ nguy hiểm sao?

Phú Lô Na bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Người xuất gia phải có chí thượng cầu hạ hóa, muốn thành tựu sự nghiệp dù ở lãnh vực nào, con người cần phải vượt qua khó khăn gian khổ, chông gai là điều kiện thử thách con người. Ánh sáng Phật pháp cần bình đẳng soi rọi khắp nơi. Có ánh sáng Phật pháp con người

mới được cải thiện, bóng tối mê muội được đánh tan, nên con nguyện đến đó để thuyết pháp dù có thịt nát xương tan.

- Đức Phật hỏi: Này Phú Lô Na! Giả sử đến Du Na người ta chửi rửa nhục mạ ông, thì ông nghĩ sao và xử lý bằng cách nào?
- Bạch Đức Thế Tôn! Họ vẫn còn tốt đối với con vì họ chỉ chửi mắng mà chưa đem gậy gộc để đánh con.
- Nếu họ dùng roi gậy đánh ông thì ông nghĩ sao?
- Con thấy họ vẫn còn tốt, vì họ chỉ mới rượt đuổi mà chưa gây thương tích cho con.
- Nếu họ dùng dao búa gây thương tích cho ông?
- Con vẫn còn cảm ơn họ vì họ còn lương tri chưa nỡ giết chết con.
- Nếu họ giết ông?
- Con lại cảm ơn họ bội phần, vì họ đã giúp con từ bỏ xác thân hư ảo, ô trược, sớm nhập Niết Bàn. Đó là một dịp may hiếm có, chết vì truyền bá chánh pháp, con sẵn sàng đón nhận mà không có gì ân hận.

Với những lời dũng cảm chưa từng nghe, Phật cảm động khen rằng:

- Này Phú Lô Na! Ông là một con người can đảm xứng đáng là đệ tử của ta, hạnh tu đạo bố giáo nhẫn nhục của ông thật là siêu tuyệt hiếm có.

Hướng về chúng đệ tử, Đức Phật nói:

- Này các Tỳ kheo! Phú Lô Na là một con người can đảm trong sự nghiệp thuyết pháp độ sinh đáng được tán dương. Trong công tác đi thuyết pháp, một giảng sư cần có những đức tính sau đây:

1. Thông hiểu giáo nghĩa
2. Nói năng lưu loát
3. Không lo sợ trước đám đông
4. Biện tài vô ngại

5. Vận dụng phương tiện khôn khéo
6. Tù theo cảnh cơ mà bố giáo
7. Đầy đủ oai nghi
8. Tinh tấn dững mãnh
9. Thân tâm tráng kiện
10. Có đầy đủ uy lực.

Này các Tỳ kheo Phú Lô Na là một con người có đầy đủ các đức tính đó, ta không còn e ngại gì nữa mà không ủy thác cho Phú Lô Na đến Du Na để bố giáo.

Đúng như Phật đánh giá, tại xứ Du Na Tôn giả không những không bị hề hấn gì mà sự nghiệp bố giáo lại đạt được kết quả rực rỡ. Ở Du Na chưa đầy một năm, Ngài đã thu vào giáo đoàn hơn 500 đệ tử và kiến lập khoảng 50 cảnh già lam. Phú Lô Na xứng danh là thuyết pháp đệ nhất, được như thế là nhờ Ngài đã thành tựu được 4 phép Bồ tát:

1. Đối với giáo pháp chưa từng nghe, Tôn giả luôn luôn tỏ thái độ trầm tĩnh để tư duy nghĩa lý không vội phê phán.
2. Không cần đa văn vì đa văn, dục tâm dễ khởi; không cần nhàn hạ vì nhàn hạ lạc tâm dễ sinh. Ngược lại lo tu từ quán để đoạn tham dục, tu nhân duyên quán để đoạn ngu si.
3. Thấu rõ triệt đề 5 ấm, 12 nhập, 18 giới, 12 nhân duyên để thành tựu trí vô sở đắc, trí vô sư, có thành tựu trí đó mới hết niệm phân biệt và nhờ đó mới đủ sức tuyên dương đạo pháp
4. Rộng thực hành bố thí, sau nghiêm trì giới luật, thường dững mãnh, nhẫn nhục, tịnh tinh tấn bồ đề.

---o0o---

Cuối Cuộc Đời Của Phú Lô Na

Sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn 3 tháng, tại núi Kỳ Xà Quật Ngài Ma Ha Ca Diếp tổ chức kiết tập kinh luật. Vì đi thuyết pháp xa về muộn, Tôn giả được Ca Diếp trình bày lại diễn tiến của cuộc kiết tập và nói:

· Kinh luật kiết tập gần xong, Tôn giả có ý kiến gì cần phát biểu xin cho biết?

Phú Lô Na đồng ý tất cả, riêng 8 phép ăn uống Ngài không đồng ý với Ca Diếp, Tôn giả nói:

· Với 8 phép ăn uống tôi không đồng ý với quan điểm của Ngài, tôi nhất quyết theo ý chỉ của Đức Thế Tôn.

Sau đó, Tôn giả lại lên đường tiếp tục cuộc hành trình hoằng pháp. Về sau chúng ta không rõ Ngài nhập Niết Bàn lúc nào và ở đâu, vì chưa thấy tài liệu khảo cứu ghi chép.

---o0o---

Nhận Thức Và Kết Luận

Là đệ tử của Phật, cần phải đem giáo pháp của Phật truyền bá sâu rộng để khai thị cho mọi người. Trong những thời kỳ mà cuộc đời đang đen tối bởi si mê tham ái, ngã chấp, ác độc... Ánh sáng trí tuệ của đạo Phật lại cần thiết hơn bao giờ hết, như xứ Du Na thời Phật còn tại thế chẳng hạn. Bởi thế, Tôn Giả đã can đảm lên đường đi bố giáo, Ngài được tôn xưng là bậc thuyết pháp đệ nhất trong hàng Thánh chúng. Tuy nhiên lòng can đảm không chưa đủ, nếu không có tài hùng biện, lòng từ ái, oai nghi, đĩnh đạc, sự can đảm trở thành liều lĩnh. Tôn giả Phú Lô Na thành công nhờ có đầy đủ các đức tính đó.

Lịch sử truyền bá Phật pháp đã không làm tổn hại cho bất cứ một người nào, một quốc gia xã hội nào, sự truyền bá của đạo Phật luôn luôn mang tính nhân bản, tôn trọng mọi truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Phật giáo là một bông hoa tô điểm cho các dân tộc thêm tươi thắm, Phật giáo cũng là một bông hoa rất mềm mại nhưng không vì thế mà dễ dàng bị bẻ gãy. Tại Ấn Độ, sau thời gian ức Phật qua đời, vua A Dục, Ca Ni Sắc Ca, Phật giáo bị cản quét bởi Bà La Môn giáo nhưng tư tưởng Phật giáo không vì thế mà bị mai

một. Tại Trung Quốc qua nạn tam Võ, đặc biệt là Võ Tôn nhà Đường, tại Việt Nam vào cuối nhà Trần Phật giáo vẫn không bị tiêu diệt.

Ngày nay với đà tiến hóa của khoa học, con đường bành trướng của các tôn giáo có phần chùn lại, ngược hẳn với Phật giáo, đặc biệt là ở Tây phương nơi mà khoa học không ngừng tiến triển, cũng là nơi mà có nhiều người đang hướng về Đông phương tìm hiểu đạo Phật. Do đó chúng ta tin rằng Phật giáo không thể bị tiêu diệt, khi con người chưa trở thành Thánh nhân, cuộc đời còn lăm thẳm trăm chưa trở thành tịnh lạc. Chúng ta hãy noi gương Phú Lâu Na Tôn giả, đem giáo pháp của Đức Phật soi rọi cho những ai còn nghiệp chướng tham sân chấp ngã, để góp phần kiến tạo một thế giới an bình tịnh lạc.

---o0o---

Tôn Giả Ưu Ba Ly **Upali Trì Giới Đệ Nhất**

Trong cuộc sống, từ quốc gia xã hội, đến đoàn thể, luật pháp, nội quy, điều lệ là những điều kiện giúp cho tổ chức được kiên toàn, vững mạnh, trường tồn. Ngược lại trong một tổ chức có nhiều người không giữ nội quy, điều luật sẽ trở thành ô hợp dễ tan rã, cụ thể như trong quân đội nếu không có kỷ luật sắt, khi ra trận sẽ bị thất bại. Với tôn giáo cũng thế, tín đồ không tuân giữ điều răn cấm, đạo giáo sẽ bị suy tàn. Khi Đức Phật sắp Niết Bàn, Ngài A Nan hỏi Phật nhiều vấn đề trong đó có câu hỏi:

- Sau khi Thế Tôn Niết Bàn chúng con nhận ai làm thầy?

Đức Phật trả lời:

- Hãy lấy giới luật làm thầy, giới luật còn đạo ta còn.

Như vậy người Phật tử không luận tăng hay tục đều phải tuân giữ giới luật. Trong số các vị đại đệ tử của Phật có Ưu Ba Ly là người tu hành, hành trì giới luật rất đầy đủ. Do đó Ngài được suy tôn là bậc Trì Giới Đệ Nhất.

---o0o---

Dòng Họ Và Nghề Nghiệp Của Tôn Giả Ưu Ba Ly

Ngày xưa ở Ấn Độ luật Ma Nu chia thành phần xã hội ra làm 4 giai cấp:

· Bà La Môn, Sát Đế Lợi, Phệ Xá, Thủ Đà La.

Người sinh vào giai cấp nào phải giữ truyền thống của giai cấp đó. Người sinh vào dòng Bà La Môn được làm đạo sĩ học thánh điển Vệ Đà, lo việc tế tự. Người sinh vào dòng Sát Đế Lợi được làm vua chúa quan quyền, cai trị Ấn Độ. Người sinh vào dòng Phệ Xá mãi mãi là công thương. Người sinh vào dòng Thủ Đà La suốt đời làm nô lệ, bị bạc đãi nhất trong xã hội, khi ra đường Thủ Đà La gặp đạo sĩ hoặc vua quan, phải tìm bờ bụi ẩn nấp, nếu lên nhìn sẽ bị móc mắt. Nếu nói tên Bà La Môn bị cắt lưỡi, không tuân pháp luật vua quan bị đổ dầu sôi vào lỗ tai. Ưu Ba Ly sinh vào dòng Thủ Đà La, bởi thế ngay từ thuở nhỏ đã không được hưởng quyền lợi về học vấn. Lúc lớn khôn cha mẹ định chọn cho Ưu Ba Ly một nghề sinh nhai, nhưng trong các nghề mà người nô lệ được phép làm như lao động tay chân, cày cuốc, đánh xe, giữ ngựa, gánh phân, Ưu Ba Ly không đủ sức vì ốm yếu mảnh mai. Cuối cùng Ưu Ba Ly được chọn đi học nghề thợ cạo râu tóc, nghề nhẹ nhàng nhất, học chẳng bao lâu Ưu Ba Ly thành thạo nghề nghiệp một cách tài tình.

Nhờ có người giới thiệu, Ưu Ba Ly được nhận vào vương cung Ca Tỳ La Vệ để hót cạo râu tóc cho các vương tôn công tử. Nhờ đức tính thuần lương nhu mì, trung hậu, Ưu Ba Ly được các vương tôn công tử tín nhiệm và cho ở lại trong cung đình. Ma Ha Bạt Đề, A Na Luật, Kiếp Tân Na rất thích Ưu Ba Ly, qua sự khéo léo tay nghề. Khi Đức Phật trở vào thành Ca Tỳ La Vệ, Ưu Ba Ly được đưa đến cạo tóc cho Phật. Tương truyền, vì lo ngại thất lễ, lúc cạo tóc Ưu Ba Ly khom lưng, cúi đầu. Mẹ của Ưu Ba Ly hỏi Phật về kỹ thuật của con, Phật bảo: "Thân thể rất cong". Nghe thế Ưu Ba Ly ngẩng đầu lên và tập trung tâm ý trong việc hót tóc, tâm Ưu Ba Ly thể nhập sơ thiền. Mẹ Ưu Ba Ly lại thưa Phật về kỹ thuật, Phật bảo: "Lúc này thân thể ngay thẳng". Nghe Phật phát biểu ý kiến, Ưu Ba Ly càng nhất tâm hơn, không dám suy nghĩ vọng tưởng gì ngoài việc cạo tóc, tâm Ưu Ba Ly thể nhập nhị thiền. Vì quá chú tâm hơi thở dồn dập nên khi bà mẹ lại hỏi Phật về cách cạo có nhẹ nhàng không? Phật nói: "Hơi thở vào quá thô". Nghe nói Ưu Ba Ly lại tập trung tâm ý vào hơi thở, thể nhập tam thiền. Lúc cạo gần xong râu tóc, bà mẹ lại hỏi Phật xem Ưu Ba Ly đã thiện nghệ hay chưa, Phật nói: "Hơi thở quá thô". Vì quá chú tâm đến công tác, Ưu Ba Ly không còn tưởng niệm gì cả, Đức Phật biết Ưu Ba Ly đang ở trong trạng thái tứ thiền. Hót cạo râu tóc cho Phật xong Ưu Ba Ly thấy lòng thư thối, sung sướng vô cùng, vì đã có dịp tiếp cận với Phật. Qua sự chú tâm lưu ý đến việc hót tóc, nhất là mỗi khi nghe Phật phê phán, Ưu Ba Ly cố sức sửa đổi tâm tư động tác, những cử chỉ đó đã mở đầu cho thấy Ưu Ba Ly sẽ là một con người rất

nghiêm túc trong từng tác phong cử chỉ. Bởi thế, sau khi xuất gia Ưu Ba Ly trở thành vị trì giới đệ nhất.

---o0o---

Đạo Nghiệp Của Ưu Ba Ly

Ưu Ba Ly Được Vào Giáo Đoàn

Trong thời gian lưu lại thành Ca Tỳ La Vệ Đức Phật đem giáo pháp đã chứng ngộ truyền giảng, tất cả các vị hoàng thân, vương tôn, công tử và bá quan đều vô cùng hoan hỷ và tán thán Đức Phật. Nhờ thấm nhuần mưa pháp một số vương tôn từ bỏ cuộc sống giàu sang nơi cung vàng để xin theo Phật xuất gia. Ngoài các vị đã xuất gia từ trước như Ma Ha Nam, Ma Ha Bạt Đề, kỳ này có các vị như Đề Bà Đạt Đa và A Nan con vua Bạch Phạn. A Na Luật con Cam Lộ Vương. Ma Ha Bà Sa con Hộc Phạn Vương và La Hầu La cháu nội vua Tịnh Phạn. Khi được Phật nhận A Na Luật hăng hái gọi Ưu Ba Ly đến nhờ cạo tóc. Ưu Ba Ly vốn là người đã hầu hạ Bạt Đề ngày trước. Rồi tuân tự Ưu Ba Ly cạo tóc cho các vương tôn công tử khác. Vốn đã được gặp Phật trong khi cạo tóc cho Phật từ trước, nay thấy cảnh xuất gia nồng nhiệt, vui vẻ của các vương tôn tại hoàng cung, Ưu Ba Ly thấy tủi hổ cho thân phận kẻ nô lệ, khôn có cách nào để xuất gia thoát tục. Ngài Xá Lợi Phất thấy vậy an ủi:

· Này Ưu Ba ly! Vì chưa thấu hiểu được giáo thuyết bình đẳng của Phật ông mới buồn tủi và khóc than. Ông nên biết rằng trên đường giáo hóa, Đức Phật không có tâm phân biệt, người này giàu sang, kẻ kia ngu si nghèo đói, ai muốn xuất gia cầu giải thoát sinh tử luân hồi Phật đều nhận tất cả. Vì từ tâm của Phật là hơi thở của vạn vật, là mạng mạch của nhân sinh, là trái tim của chánh pháp, lòng từ bi đó không khác biển cả hay hư không. Biển cả dung chứa mọi sinh vật, làm sạch tất cả dơ bẩn do sông rạch chảy vào, hư không trùm khắp cả muôn loài, không loại trừ bất cứ một vật nào, có bao nhiêu loài hữu tình hay vô tình đều được dung chứa. Còn chúng sanh muốn được giải thoát, muốn được Đức Phật cho gia nhập giáo đoàn, cần yếu phải nghiêm trì giới luật. Với bản tính thật thà, khiêm cung, cần mẫn, chu đáo... sẵn có, được xuất gia ông sẽ giữ tròn giới pháp của Phật, ông hãy tin tưởng chớ chán nản, tôi sẽ hướng dẫn đến bái yết Phật, chắc chắn Phật sẽ hoan hỷ đón nhận.

Đúng như ý của Xá Lợi Phất, khi gặp Ưu Ba Ly Phật rất niềm nở đón nhận và dạy rằng:

· Nay Ưu Ba Ly! trước đây khi cạo tóc cho ta, ông đã biểu thị đức tánh của người xuất gia, rất khiêm cung lễ độ, chăm chú vào việc làm, tâm không dấy động. Tâm của ông lúc đó đã chuyển từ trạng thái sơ thiên sang trạng thái tứ thiên, giờ này ông xin xuất gia rất là hợp thời điểm. Trước đây ta đi xuất gia một phần là vì muốn công bằng xã hội, do đó giáo pháp của ta mang tính bình đẳng trước mọi người oán cũng như thân, giai cấp cao cũng như giai cấp thấp. Bất cứ ai nếu tinh tấn giữ gìn giới luật tất sẽ được giải thoát, ta sẽ thể phát cho ông bây giờ. Còn lễ thể phát cho các vương tôn công tử sẽ cử hành sau bảy ngày nữa, vì đó là tuần huấn nhục, giúp họ tập quen khó nhọc, lãng quên tâm lý hưởng thụ giàu sang.

Trong các vương tôn đều xuất gia cùng một ngày, nhưng Phật cho Ưu Ba Ly thể phát trước, các vương tôn thể phát sau, với dụng ý như nêu trên. Ngày Bạt Đề xuất gia, Đức Phật bảo Bạt Đề hãy đánh lễ Ưu Ba Ly, lý do là vì Ưu Ba Ly lớn tuổi hơn. Những việc làm này, ngoài một phần như lý do đã nêu trên, còn có mục đích để phá tan tâm kiêu mạn của các vương tôn và cho thấy tinh thần bình đẳng của giáo pháp, nhằm xóa bỏ mọi giai cấp trong xã hội. trên đường giáo hóa, Ưu Ba Ly là người đầu tiên thuộc dòng họ nô lệ Thủ Đà La được Phật thu nhận vào hàng đệ tử. Đó cũng là một bước tiến bộ đầu tiên đã ghi vào lịch sử văn minh Ấn Độ.

---o0o---

Ưu Ba Ly Hỏi Giới

Trong giáo đoàn, Tôn giả Ưu Ba Ly rất được trọng nể nhờ nghiêm trì giới luật. Với tính thận trọng sợ lỗi lầm, Tôn giả thường hỏi Phật về giới luật, những giới mà Ưu Ba Ly thưa hỏi Phật rất nhiều tất cả có ghi trong luật tạng. Tuy nhiên để thấy sự chú ý của Ưu Ba Ly về giới luật, cần nêu ra một vài trường hợp.

· Theo luật của Sát Đế Lợi, người dòng họ Thích không được kết hôn với người ngoài dòng họ Thích. Có một cô gái thuộc dòng họ Thích tên là Hắc Ly Xa, lúc đang độ thanh xuân chẳng may chồng cô chết sớm, sau một thời gian cô muốn kết nghĩa với người ngoài dòng họ Thích, nhưng người em chồng không ưng thuận lại muốn Hắc Ly Xa làm vợ mình. Để trả thù vì bị Hắc Ly Xa cự tuyệt, trong một bữa ăn tên em chồng bỏ thuốc mê vào thực phẩm. Khi ăn xong Hắc Ly Xa bất tỉnh, tên này dùng roi đánh đập nàng tàn nhẫn và dẫn đến trình quan với lời mạo nhận rằng:

· Cô này là vợ của tôi, cô thường tư thông với người ngoài dòng họ, xin quan xét xử và nghiêm trị đích đáng.

Vua xử Hắc Ly Xa phải chịu tử hình, khi bị giam giữ thừa dịp người gác tù lơ đãng, Hắc Ly Xa bỏ trốn và đến một ni viện ở Xá Vệ xin xuất gia. Tại Ca Tỳ La Vệ sau khi truy nã tù nhân không có kết quả, nhà vua nghe Hắc Ly Xa đã trốn sang Xá Vệ, nhà vua viết biểu yêu cầu vua Xá Vệ truy nã Hắc Ly Xa và bắt giải về Ca Tỳ La Vệ gấp. Truy nã không ra nhà vua mới biết nữ tù nhân đã vào tu trong ni viện, nơi bắt khả xâm phạm. Vua Ba Tư Nặc lại viết biểu trả lời vua Ca Tỳ La Vệ và cho biết sự cố. Tin nữ tù nhân vượt ngục vào trong ni viện được lan truyền khắp nơi, khiến dư luận xôn xao và hai nước trở nên hiềm khích. Nghe sự tình khó giải quyết, Ưu Ba Ly đến trình Phật:

· Bạch Thế Tôn! Người đã phạm quốc pháp, chúng ta có thể thu nhận cho xuất gia không?

· Đây Ưu Ba Ly! Quốc pháp hợp lý hay không hợp lý đó là việc của chính phủ và dân chúng, còn đối với người phạm tội khi chưa được tuyên bố ân xá, tăng đoàn không được làm phép cho xuất gia.

Sau khi trả lời cho Ưu Ba Ly, Phật gọi Ni chúng cho Hắc Ly Xa xuất gia đến quả trách, lúc bấy giờ có nhiều người phàn nàn cho Phật là thiếu từ bi không che chở cho tội nhân. Biết tin đó Phật họp đại chúng lại cho hay:

· Tăng đoàn cần thanh tịnh, phạm giới luật còn bị tẩn xuất thì phạm pháp nước phải chịu luật nước xử trị. Phật pháp không thể che chở cho tội nhân vì tăng đoàn cần phải được mọi người trọng nể.

Một lần khác có người nhờ Tỳ kheo mai mối giữa nam và nữ, không biết xử lý cách nào Ưu Ba Ly đến hỏi Phật.

· Bạch Thế Tôn! Tỳ kheo và Tỳ kheo ni có thể làm mai mối cho nam nữ được không?

Phật trả lời:

· Nếu Tỳ kheo, Tỳ kheo ni đem tâm tình người nam ngõ với người nữ, đem ý người nữ nói với người nam cho đến giới thiệu giáo hội một lần, sẽ phạm Tăng già bà thi sa, cần phải hối quá vì căn bản sinh tử dục là tội thứ nhất.

· Bạch Thế Tôn! Đối với việc hôn lễ của các tín đồ tại gia, các Tỳ kheo, Tỳ kheo ni nên có thái độ lưu tâm như thế nào?

· Không nên lưu tâm lắm, nếu việc hợp pháp có thể đối trước tam bảo làm lễ chứng minh cho họ.

---o0o---

Phép Thăm Nuôi Bệnh Nhân

Một hôm, Ưu Ba Ly đi sau Phật thấy một bệnh nhân nằm rên la ở chỗ dơ ứ. Một hôm khác trên đường hóa đạo, các Tỳ kheo gặp một bệnh nhân nằm bên vệ đường. Vì chưa nghe Phật giảng về phép thăm nuôi bệnh nhân, các Tỳ Kheo đi nhiều một vòng rồi tiếp tục lên đường. Lại một lần khác, trong đại chúng có một Tỳ kheo bệnh mà không ai chăm sóc. Vì buồn tình Tỳ kheo bệnh nghĩ đang lúc bệnh hoạn có thể không cần giữ giới, tự ý buông lung. Động lòng trắc ẩn, Ưu Ba Ly đến thưa hỏi Phật:

· Bạch Thế Tôn! Nếu có đại đức, tỳ kheo bệnh, chúng con nên chăm sóc như thế nào?

· Nay Ưu Ba Ly! Khi có tỳ kheo bệnh, chúng tăng nên đem bệnh nhân đến ở phòng chính nơi thoáng khí, cắt cử người thay phiên chăm sóc, ăn uống thuốc thang. Các đệ tử cũng thay phiên nhau túc trực hầu hạ, quét dọn sạch sẽ, cắm hoa, đốt hương, theo dõi bệnh tình, hơi thở... Khi có người đến thăm cần tiếp đón nồng hậu, khách hỏi bệnh nhân điều gì hãy thay bệnh nhân trả lời đầy đủ. Nếu có Phật tử đến thăm, hãy mời họ ngồi đằng sau, hoặc phía từ nửa mình bệnh nhân trở xuống. Nếu họ phát tâm cúng dường những gì, hãy niệm Phật chú nguyện, rồi tiếp thọ nói pháp cho họ nghe. Khi người bệnh cần đại tiện, hãy mời khách ra ngoài rồi lo cho bệnh nhân. Ở ngoài cửa cũng cần có người trực để hướng dẫn khách thăm bệnh. Đó là đối với các Tỳ kheo đại đức, còn các tỳ kheo nhỏ cũng hãy chăm sóc như thế, có điều là không nên đem bệnh nhân đến ở phòng chính. Nếu bệnh nhân không có sư trưởng hoặc đệ tử, các Tỳ kheo đồng trú xứ nên phân công chăm sóc bệnh nhân. Nếu trong chúng không đủ điều kiện thuốc thang cho bệnh nhân, có thể lấy vật dụng của họ đem bán lấy tiền lo thuốc cho bệnh nhân. Nếu bệnh nhân không ưng thuận, hãy mời vị trưởng thượng đến thuyết phục, nếu không có vật đổi chác, khi đi khát thực, tỳ kheo mang hai bát, một cho mình và một cho bệnh nhân. Khát thực về hãy chọn các thức ăn bổ dưỡng dành cho người bệnh. Nếu họ viên tịch hãy xử lý vật dụng còn lại một cách hợp lý, như cúng dường tam bảo hoặc quan phân cho đại chúng.

Với tâm từ bi, Tôn giả Ưu Ba Ly rất quan tâm đến người bệnh, nhất là người xuất gia vì họ đã cắt ái từ thân, cho nên lúc lâm bệnh họ rất cô độc và cần có người chăm sóc. Đức Phật dạy, trong các phước điền, chăm sóc bệnh nhân là phước điền đệ nhất.

---o0o---

Phá Tăng và Hòa Tăng

Là vị giữ giới đệ nhất, Tôn giả luôn luôn quan tâm đến các vấn đề pháp chế, nhưng quan trọng nhất vẫn là vấn đề phá tăng và hòa tăng. Chư Tăng sống theo hạnh lục hòa, cho nên nếu bất hòa là mối tai họa lớn lao. Với tập thể, có hòa hợp mới dễ dàng thành tựu các hoạt vụ, nhỏ như một gia đình có thuận vợ thuận chồng mới tát cạn bể đông. Bởi thế khi hợp tăng làm phép yết ma, vị thủ tọa hỏi tăng đã hợp xong chưa rồi lại hỏi: Tăng có hòa hợp không? Nếu Tăng không hòa hợp là Yết ma không thành. Một hôm tại thành Xá Vệ, Ưu Ba Ly hỏi Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Phá hòa hợp Tăng?
- Này Ưu Ba Ly! Nếu trong Tăng đoàn, có người hay chỉ trích, chê bai, đâm thọc để các Tỷ kheo phải tyĩ hiềm nhau, hoặc gây sự bất ổn, đó là phá sự hòa hợp Tăng. Nếu đối với chư Tăng, có Phật tử tại gia tạo sự bất hòa phân chia nhân ngã, khiêu khích làm chia rẽ tăng đoàn, làm rối loạn mất hòa khí, gọi đó là phá hòa hợp tăng. Ngoài đời, nếu chính quyền chen vào nội bộ tăng đoàn, tự viện, chỉ trích này nọ, hoặc yêu cầu trục xuất tăng ni ra khỏi tự viện, tăng đoàn gọi đó là phá hòa hợp tăng. Người phá hòa hợp tăng mang tội rất nặng, chết đọa vào địa ngục chịu các cực hình trong thời gian một kiếp.
- Bạch Thế Tôn! Còn thế nào gọi là hòa hợp tăng?
- Này Ưu Ba Ly! Người lễ bái cúng dường, hỗ trợ tùy thuận ngợi khen các tỷ kheo đúng phép, đúng luật gọi đó là hòa hợp tăng.
- Người đem lại hòa hợp tăng được những công đức gì?
- Công đức người tạo hòa hợp tăng được sinh vào thế giới có nhiều phước báu, hưởng các lạc thú trọn kiếp.

Vốn là một con người có tác phong khiêm tốn, hiểu rõ nghĩa lý của giới luật, giữ giới nghiêm minh, Tôn giả không phải không biết thế nào là Phá Tăng và Hòa tăng, nhưng vì muốn tăng đoàn lưu tâm đến sự ổn định nội bộ tránh các tranh chấp, nên Tôn giả đem vấn đề ra hỏi Phật để nhắc nhở.

---o0o---

Kiết Tập Luật Tạng

Ở trong tăng đoàn không những lo giữ giới luật, bàn với Phật nhiều điều về giới luật, Tôn giả còn xử lý các Tỳ kheo phạm tội, làm phép Yết ma sám hối, giảng giải giới luật cho các Tỳ kheo, Về phía nữ với tính rụt rè, các tỳ kheo ni không dám đem vấn đề ra hỏi Phật, các vị thường đem những gì không biết hoặc còn nghi ngờ về luật học thưa hỏi Tôn giả. Ngoài Đức Phật ra Tôn giả gần như là người có đủ thẩm quyền quyết định về mọi vấn đề liên quan đến giới luật.

Sau khi Phật Niết Bàn trong cuộc kiết tập Kinh, Luật, Luận tại động Kỳ Xà Quật gồm 1.250 vị A La Hán do Đại Ca Diếp làm chủ tọa, Ngài A Nan tuyên trì tạng kinh, Ngài Ca Chiên Diên tuyên trì tạng luận, Ngài Ưu Ba Ly tuyên đọc 80 lần các giới luật do Phật chế. Từ cuộc kiết tập này bộ Bát Thập Tụng Luật được hình thành và đó là bộ luật căn bản đầu tiên của văn học Phật giáo. Theo Nam truyền sử, Tôn giả Ưu Ba Ly không những là vị kiết tập Luật tạng, mà còn là vị kế thừa Đức Phật lãnh đạo giáo đoàn và trở thành Sơ tổ. Đây cũng là điểm mà Phật giáo Bắc tông khác với Phật giáo Nam tông. Theo truyền thống Bắc tông: Đại Ca Diếp là vị Sơ tổ thừa kế Phật lãnh đạo giáo đoàn, nguyên nhân sự khác biệt này xét ra cũng dễ thấy.

Nam tông thiên về tư tưởng giải thoát, muốn giải thoát phải trì luật. Tôn giả Ưu Ba Ly là vị trì luật đệ nhất nên được suy tôn là Sơ tổ. Còn Bắc tông thiên về tư tưởng giác ngộ, lấy tâm ấn tâm không cần văn tự, ấn truyền ngoài kinh điển. Tôn giả Đại Ca Diếp là vị đã lãnh hội được ý chí đó nơi Đức Phật trước nhất, qua cành hoa sen của Phật đưa ra tại hội Linh Sơn. Sau khi Đức Phật Niết Bàn Tôn giả là vị chủ tọa, lãnh đạo cuộc kiết tập kinh điển, nên Phật giáo Bắc tông suy tôn Ngài là Sơ tổ.

---o0o---

Nhận Thức và Kết Luận

Trong các sử truyện không ghi rõ giai đoạn cuối của cuộc đời Tôn giả, do đó chúng ta không rõ Ngài nhập Niết Bàn vào lúc nào. Nhưng sau cuộc kiết tập kinh điển lần thứ nhất, sử truyện không ghi chép một sự xuất hiện nào của Ngài. Bởi thế chúng ta có thể suy đoán sự nhập Niết Bàn của Tôn giả trong khoảng trước hoặc sau Tôn giả Đại Ca Diếp mà thôi. Về sự tương truyền Ưu Ba Ly trong lúc cạo tóc cho Phật đã thể nhập từ sơ thiền đến tứ thiền nghe qua có viển vông, nhưng xét kỹ đó không phải là một vấn đề không tương, vì đó chỉ là một vấn đề hiện tượng tâm lý thông thường, mọi người có thể trải qua. trên lý thuyết thiền chia có 4 bậc là để định mức trạng thái tâm lý của một hành giả qua 4 bậc, từ thấp đến cao. Khi chưa tọa thiền tâm lý con người rất loạn động, hết nghĩ đến vấn đề này liền dấy động đến vấn đề khác. Phật cho tâm lý con người như một con ngựa không cương, như vượn khi chuyền cây. Khi tọa thiền, hành giả khởi đầu loại trừ các triền cái, nhiếp tâm vào một vấn đề nào đó, càng nhất tâm nhiếp niệm thì định lực càng cao, đi từ bậc sơ thiền đến tứ thiền. Lúc cạo tóc cho Phật, Tôn giả đã chú tâm vào động tác nghề nghiệp, quên hết những vấn đề khác, tâm chuyển từ trạng thái sơ thiền đến tứ thiền. Noi gương Tôn giả, dùng giới chế ngự hết các phóng dật, chúng ta sẽ trở nên con người tốt có phẩm hạnh cao, có tư cách để từ đó không làm gì hại đến gia đình, đoàn thể, quốc gia, xã hội. Chỉ trong phạm vi giữ giới như thế chúng ta đã là người có ích cho đời rồi, còn nói gì khi chúng ta bước vào guồng máy của hoạt động tích cực của xã hội. Sự cường thịnh của quốc gia và xã hội căn bản là con người hoạt động với tinh thần đạo đức, cần kiệm liêm chính. mạng mạch của chính pháp được nuôi dưỡng từ các tăng sĩ có giới hạnh.

---o0o---

HẾT